

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG**

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ
(Để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục trường Đại học Y Hải Phòng)
Quyển 1

HẢI PHÒNG, NĂM 2009

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Phần I: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng giáo dục trường Đại học	1
I. Thông tin chung	1
II. Giới thiệu khái quát về trường	1
III. Cán bộ, giảng viên, nhân viên của trường	6
IV. Người học	8
V. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	14
VI. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính	18
VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng	19
Phần II: Tự đánh giá của trường đại học Y Hải phòng	20
I. Đặt vấn đề	20
II. Tổng quan chung	21
III. Tự đánh giá	32
Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học	32
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý	37
Tiêu chuẩn 3: Chương trình giáo dục	51
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo	60
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên	74
Tiêu chuẩn 6: Người học	87
Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ	104
Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế	116
Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị và cơ sở vật chất khác	123
Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính	141
IV. Kết luận	146
Phụ lục: Tổng hợp kết quả tự đánh giá	

DANH MỤC VÀ MÃ MINH CHỨNG

Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày/tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1				
1.1-1	Quyết định về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng	Số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999	Thủ tướng Chính phủ	Minh chứng dùng chung
1.1-2	Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ về sứ mạng của Trường Đại học Y Hải Phòng	Số 06/NQ-ĐU ngày 13/4/2009	Đảng uỷ	Minh chứng dùng chung
1.1-3	Quyết định về quy hoạch tổng thể và phát triển Trường Đại học Y Hải Phòng đến năm 2020	Số 4968/QĐ-BYT ngày 30/11/2006	Bộ Y tế	Minh chứng dùng chung
1.1-4	Báo cáo thống kê số liệu cán bộ	T06-09	Hiệu trưởng	
1.1-5	Quyết định giao đất để xây dựng mở rộng Trường Đại học Y Hải Phòng	Quyết định số 1231/QĐ-TTg ngày 24/12/1999	Thủ tướng Chính phủ	Minh chứng dùng chung
1.1-6	Công nhận tốt nghiệp Bác sĩ đa khoa và chuyên tu năm 2006-2009	Quyết định số 235-236/QĐ-YHP ngày 28/8/2006; Quyết định số 238-239/QĐ-YHP ngày 02/8/2007	Trường Đại học Y Hải Phòng	
1.1-7	Quyết định mở chuyên ngành đào tạo bác sĩ Y học dự phòng	2005	Bộ Y tế	
Tiêu chí 1.2				
1.2-1	Quyết định về quy hoạch tổng thể và phát triển Trường Đại học Y Hải Phòng đến năm 2020	Số 4968/QĐ-BYT ngày 30/11/2006	Bộ Y tế	Minh chứng dùng chung
1.2-2	Quyết định thành lập cơ sở 2 Trường Đại học Y khoa Hà Nội tại Hải Phòng	Số 1026/BYT-QĐ ngày 6/9/1979	Bộ Y tế	
1.2-3	Quyết định thành lập Phân hiệu Đại học Y Hải Phòng trực thuộc Trường Đại học Y Hà Nội	Số 843/BYT-QĐ ngày 17/8/1985	Bộ Y tế	
1.2-4	Quyết định thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng	Số 06/1999/QĐ-TTg ngày 17/8/1985	Thủ tướng Chính phủ	Minh chứng dùng chung
1.2-5	Quyết định mở thêm chuyên ngành Y học dự phòng, Răng-Hàm-Mặt, Nhi, Cử nhân Điều dưỡng, Cử nhân Kỹ thuật y học	2008	Bộ Y tế	
1.2-6	Quyết định thành lập Khoa Điều dưỡng thuộc Trường Đại học Y Hải Phòng	Quyết định số 01/QĐ-BYT ngày 02/01/2009	Bộ Y tế	Minh chứng dùng chung
1.2-7	Quyết định thành lập một khoa, bộ môn, trung tâm	Quyết định số 3725/QĐ-BYT ngày 5 tháng 10	Bộ Y tế	

		năm 2009		
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1				
2.1-1	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Hải Phòng	Quyết định số 4573/QĐ-BYT ngày 29/11/2005	Bộ Y tế	
2.1-2	Quyết định kiện toàn tổ chức Phòng Đào tạo đại học	Số 143/QĐ-YHP ngày 26/3/2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
2.1-3	Quyết định thành lập Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	Quyết định số 1247/QĐ-BYT ngày 4/4/2007	Bộ Y tế	
2.1-4	Quyết định thành lập Khoa Điều dưỡng thuộc Trường Đại học Y Hải Phòng	Quyết định số 01/QĐ-BYT ngày 02/01/2009	Bộ Y tế	Minh chứng dùng chung
2.1-5	Quyết định thành lập Ban Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục	Quyết định số 142/QĐ-YHP ngày 26/3/2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
2.1-6	Quyết định thành lập một khoa, bộ môn, trung tâm	Quyết định số 3725/QĐ-BYT ngày 5 tháng 10 năm 2009	Bộ Y tế	
Tiêu chí 2.2				
2.2-1	Quyết định về việc phân công công việc ban giám hiệu Quyết định về việc quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng, ban thuộc trường đại học y hải phòng Quyết định về việc thành lập các khoa, phòng Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng Quyết định về việc ban hành “Quy chế thực hiện dân chủ ở Trường Đại học Y Hải Phòng Quyết định về việc ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ huy quân sự Trường Đại học Y Hải Phòng	Số 374/QĐ-YHP, ngày 9/11/2006 Số 68/QĐ-YHP, ngày 03/3/2005 Số 547/QĐ-YHP Ngày 05/12/2007 Số 104/QĐ-YHP Ngày 31/8/2000 Số 219/QĐ-TCCB ngày 05/7/2007	Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
2.2-2	Quyết định về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện quy chế Tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học. Một số quy định về chế độ giảng dạy Một số quy định về thi tốt nghiệp bác sỹ y khoa Một số quy định về chế độ giảng dạy sau đại học	Số 72/QĐ-YHP, ngày 26/2/2007 Số 30/ĐT-YHP ngày 09/5/2005 Số 86/ĐTĐH ngày 13/11/2007 Số 08/YHP-ĐTĐH ngày 05/02/2007 Số 95/YHP-ĐTSDH	Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
2.2-3	Quyết định về việc ban hành tiêu chuẩn năng lực, đạo đức đối với các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp sơ sở Quyết định về việc ban hành quy định luận văn tốt nghiệp Y6	Số 25/QĐ-YHP ngày 11/01/2010 Số 302/QĐ-YHP Ngày 31/10/2005	Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
2.2-4	Quyết định về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ Một số quy định về chế độ	Số 285/QĐ-YHP ngày 01/8/2008 Số 30/ĐT-YHP	Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung

	giảng dạy Một số quy định về chế độ giảng dạy sau đại học	ngày 09/5/2005 Số 86/ĐTĐH ngày 13/11/2007 Số 95/YHP-ĐTSDH		
2.2-5	Quyết định về việc phân công công việc ban giám hiệu Quyết định về việc ban hành qui chế chi tiêu nội bộ	Số 374/QĐ-YHP Ngày 9/11/2006 Số 285/QĐ-YHP ngày 01/8/2008	Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
Tiêu chí 2.3				
2.3-1	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Hải Phòng Phân công nhiệm vụ các đ/c trong Ban Giám hiệu Phân công nhiệm vụ các đ/c trong Ban Giám đốc Bệnh viện Y Hải Phòng - Nghị quyết HNCBVC hàng năm	Quyết định số 4573/QĐ-BYT ngày 25/11/2005 của Bộ trưởng BYT Thông báo số 10/TB-YHP ngày 11/01/2006 về việc phân công nhiệm vụ BGH Quyết định số 02/QĐ-YHP ngày 16/09/2007 của Giám đốc BV ĐH Y Hải Phòng Năm 2005; 2006; 2007; 2008; 2009.	Bộ Y tế Trường ĐH Y Hải Phòng Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng Trường ĐH Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
2.3-2	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng, ban thuộc Trường Đại học Y Hải Phòng	Quyết định số 68/QĐ-YHP ngày 03/03/2005 của Trường ĐH Y Hải Phòng	Trường ĐH Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
2.3-3	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ môn, Giảng viên thuộc Trường Đại học Y Hải Phòng	Quyết định số 4573/QĐ-BYT ngày 25/11/2005 của Bộ trưởng BYT	Trường ĐH Y Hải Phòng	
2.3-4	Phân công nhiệm vụ các thành viên Ban bảo vệ chính trị nội bộ Nhà trường.	Thông báo ngày 25/4/2006	Trường Đại học Y Hải Phòng	
Tiêu chí 2.4				
2.4-1	Quyết định chuẩn y BCH Đảng bộ khoá XIII, nhiệm kỳ 2005-2008. Quyết định chuẩn y BCH Đảng bộ khoá XII, nhiệm kỳ 2003-2005 Quyết định chuẩn y Ủy ban Kiểm tra Đảng uỷ khoá XIII, nhiệm kỳ 2005-2008) Phân công BCH Đảng bộ khoá XIII, nhiệm kỳ 2005-2010 Chương trình công tác của BCH Đảng bộ năm 2008 Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của UBKT Đảng uỷ khoá XIII, nhiệm kỳ 2005-2008	Số 0493-QĐ/QU ngày 10/4/2006 Số 375-QĐ/QU ngày 10/6/2003 Số 0492-QĐ/QU ngày 07/4/2006 Không số, ngày 10/4/2006 và 06/3/2008 Số 07/CTr-ĐU ngày 06/3/2008 Số 109/QĐ-DU ngày 04/5/2006	Quận ủy Ngô Quyền H.Phòng Quận ủy Ngô Quyền H.Phòng Quận ủy Ngô Quyền H.Phòng Đảng ủy Trường ĐHYHP Đảng ủy Trường ĐHYHP Đảng ủy Trường ĐHYHP	
2.4 - 2	Quyết định của Ban Thường vụ Thành uỷ Hải Phòng chuyển Đảng bộ Trường Đại học Y Hải Phòng về trực thuộc Thành uỷ	Số 627-QĐ/TU ngày 18/12/ 2007	Thành uỷ Hải Phòng	
2.4 - 3	Tình hình Đảng bộ (đảng viên	Bảng tổng hợp các	Đảng ủy	

	các Chi bộ) các năm	năm từ 2006 đến 2009	Trường ĐHYHP	
2.4 - 4	Quy chế làm việc của BCH Đảng bộ khoá XIII, nhiệm kỳ 2005-2010	Số 06/QC-ĐU ngày 06/3/2008	Đảng ủy Trường ĐHYHP	
2.4 - 5	Danh sách kết nạp Đảng viên mới các năm	Bảng tổng hợp các năm từ 2006 đến 2009	Đảng ủy Trường ĐHYHP	
2.4 - 6	Các Quyết định công nhận Đảng bộ trong sạch vững mạnh Báo cáo tổng kết công tác Đảng và tổng hợp kết quả đánh giá phân loại TCCSĐ và đảng viên các năm	+ Số 1088-QĐ/TU ngày 23/3/2009 + Số 1798-QĐ/QU ngày 21/01/2008 Báo cáo tổng kết và bảng tổng hợp các năm từ 2006 đến 2009	Thành ủy HP Quận ủy Ngô Quyền Đảng ủy Trường Đ.H Y Hải Phòng	
2.4 - 7	Quyết định công nhận BCH Công đoàn cơ sở Trường nhiệm kỳ 2008-2010. Quyết định công nhận Ủy ban Kiểm tra Công đoàn cơ sở Trường nhiệm kỳ 2008-2010. Quyết định công nhận BCH Công đoàn cơ sở Trường nhiệm kỳ 2005-2007. Quyết định công nhận Ủy ban Kiểm tra Công đoàn cơ sở Trường nhiệm kỳ 2005-2007. Quyết định kiện toàn BCH Công đoàn các bộ phận trực thuộc Tổng hợp danh sách đoàn viên các Công đoàn bộ phận trực thuộc	Số 08/QĐ-CĐYT ngày 07/01/2008 Số 09/QĐ-CĐYT ngày 07/01/2008 Số 159 /QĐ-CĐYT ngày 25/5 /2005 Số 158 /QĐ-CĐYT ngày 25/5 /2005 Số 06/QĐ-CĐYHP ngày 20/3/2009 Bản tổng hợp năm 2009	Công đoàn Y tế Việt Nam Công đoàn Y tế Việt Nam Công đoàn Y tế Việt Nam Công đoàn Y tế Việt Nam Công đoàn Đại học Y HP Công đoàn Đại học Y HP	
2.4 - 8	Quy chế về mối quan hệ công tác giữ chính quyền và Công đoàn	Số 142/YHP-BGH ngày 07/5/2007	Trường Đại học Y Hải Phòng	
2.4 - 9	Quyết định khen thưởng Công đoàn Trường các năm (BK, Cờ...)	+ Số 62/QĐ/CĐYT ngày 03/11/2009 + Số 1821 ngày /12/2008 + Số 90/QĐ-CĐYT ngày 29/2/2008 + Số 521/QĐ-CĐYT ngày 13/12/2007	+ Công đoàn Y tế Việt Nam + Công đoàn Y tế Việt Nam + Công đoàn Y tế Việt Nam + Công đoàn Y tế Việt Nam	
2.4 - 10	Quyết định công nhận BCH Đoàn trường khoá 14, nhiệm kỳ 2007-2009 Quyết định công nhận Ủy ban Kiểm tra Đoàn trường khoá 14, nhiệm kỳ 2007-2009 Phân công BCH Đoàn trường khoá 14, nhiệm kỳ 2007-2009 Quyết định công nhận BCH Hội sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng Quyết định công nhận bổ sung BCH Hội sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng nhiệm kỳ 2008-2010 Quyết định công nhận BCH Hội sinh viên nhà trường nhiệm kỳ 2004-2007	Số 35-QĐ/ĐTN ngày 07/02/2007 Số 36-QĐ/ĐTN ngày 07/02/2007 Không số, ngày 06/02/2007 Số 88/QĐ-HSV ngày 22/4/2008 Số 18-QĐ/HSV ngày 02/11/2009 Số 86-QĐ/HSV ngày 25/10/2004	Thành Đoàn Hải Phòng Thành Đoàn Hải Phòng BCH Đoàn trường Đ.H Y Hải Phòng Hội sinh viên thành phố HP Hội sinh viên thành phố HP Hội sinh viên thành phố HP	

2.4 - 11	Các quyết định khen thưởng sinh viên đạt giải cao tại Hội nghị khoa học-CN tuổi trẻ các trường ĐH Y- Dược toàn quốc	+ Số 66/QĐ-YHP ngày 18/01/2010 + Số 590/QĐ-YHP ngày 31/12/2007	+ Hiệu trưởng Đại học Y HP + Hiệu trưởng Đại học Y HP	
2.4 - 12	Các quyết định thành lập CLB của Đoàn TNCS HCM và Hội sinh viên nhà trường	+ Số 739/QĐ-ĐTN-HSV ngày 01/12/2009 + Số 65/QC-ĐTN-YHP ngày 12/10/2006, số 66/QC-ĐTN-YHP ngày 12/10/2006	+ Đoàn TN và Hội SV trường + Đoàn TN Trường ĐHY HP	
2.4 - 13	Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2007-2008 Báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2006-2007 Báo cáo của BCH Đoàn trường khoá 13 tại Đại hội đại biểu Đoàn trường lần thứ 14, nhiệm kỳ 2007-2009 Quyết định thành lập Đội TN tình nguyện phòng chống dịch cúm H1N1 Văn kiện Đại hội đại biểu Hội sinh viên nhà trường lần thứ 9, nhiệm kỳ 2008-2010 Chương trình Công tác Hội và phong trào sinh viên năm học 2009-2010 Báo cáo tổng kết công tác Hội và phong trào sinh viên năm học 2008-2009 Báo cáo tổng kết chiến dịch tình nguyện hè 2009	Số 223/BC-YHP-ĐTN ngày 18/6/2008 Số 210/BC-YHP-ĐTN ngày 12/6/2007 Không số, ngày 20/01/2007 Số 381/YHP-ĐTN ngày 08/9/2009 Không số, ngày 22/03/2008 Số 320/KH-HSV ngày 15/8/2009 Số 194/BC-HSV ngày 25/6/2009 Số 282/BC-ĐTN-HSV ngày 03/8/2009	Đoàn TN Trường ĐHY HP Đoàn TN Trường ĐHY HP Đoàn TN Trường ĐHY HP Đoàn TN Trường ĐHY HP Hội sinh viên trường ĐH Y HP Hội sinh viên trường ĐH Y HP Hội sinh viên trường ĐH Y HP Đoàn TN- Hội sinh viên trường ĐH Y HP	
2.4 - 14	Các quyết định khen thưởng phong trào Đoàn, Hội qua các năm	+ Số 26-QĐ/TU-HSV ngày 28/8/2009 + Số 52-QĐ/KT ngày 19/8/2009 Số 414-QĐ/TUDDTN ngày 17/7/2007 Số 97-QĐ/TUDDTN ngày 16/01/2007 + Số 222/BK ngày 10/9/2005	+ Trung ương Hội SV Việt Nam + BCH Trung ương Đoàn + BCH Trung ương Đoàn + BCH Trung ương Đoàn + UBND thành phố Hải Phòng	
2.4 - 15	Quyết định công nhận BCH Hội Chữ thập đỏ nhà trường	Số 03/QĐ-CTD ngày 31/1/2002	Thành hội CTĐ Hải Phòng	
	Quyết định công nhận bổ sung BCH Hội Chữ thập đỏ nhà trường	Số 24/QĐ-CTD ngày 01/3/2004	Thành hội CTĐ Hải Phòng	
2.4 - 16	Báo cáo công tác Hội chữ thập đỏ nhà trường các năm	Không số, ngày 23/11/2007, ngày 16/12/2008 và ngày 08/12/2009	BCH Hội Chữ thập đỏ trường Đại học Y Hải Phòng	

2.4 - 17	Quyết định khen thưởng của UBND thành phố, Trung ương Hội CTĐ và Thành hội CTĐ thành phố các năm cho Trường và Hội chữ thập đỏ nhà trường.	Số 68/QĐ-UB ngày 16/2/2009; Số 24/QĐ-UBND ngày 19/01/2010 Số 403/QĐ-CTĐ ngày 18/12/2008 Số 185/QĐ-TUHCTĐ ngày 14/11/2008 Số 248/QĐ-UBND ngày 20/12/2006, 430/QĐ/UBND ngày 31/12/2007	UBND thành phố Hải Phòng Hội CTĐ thành phố HP Trung ương Hội CTĐ Việt Nam UBND thành phố Hải Phòng	
Tiêu chí 2.5				
2.5-1	Quyết định thành lập Ban Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục	Quyết định số 142/QĐ-YHP ngày 26/3/2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
2.5-2	Chức năng, nhiệm vụ của Ban Khảo thí	Quyết định số 142/QĐ-YHP ngày 26/3/2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
2.5-3	Quyết định thành lập Trung tâm Khảo thí và quản lý chất lượng giáo dục	Quyết định số 3725/QĐ-BYT ngày 5 tháng 10 năm 2009	Bộ Y tế	
Tiêu chí 2.6				
2.6-1	Quyết định về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển trường đại học y hải phòng đến năm 2020 (Giai đoạn 2006-2010)	Số 4968/QĐ-BYT ngày 30/11/2006	Bộ Y tế	Minh chứng dùng chung
2.6-2	Quyết định về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển trường đại học y hải phòng đến năm 2020 (Giai đoạn 2011-2015)	Số 4968/QĐ-BYT ngày 30/11/2006	Bộ Y tế	Minh chứng dùng chung
2.6-3	Quyết định về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển trường đại học y hải phòng đến năm 2020 (Giai đoạn 2016-2020)	Số 4968/QĐ-BYT ngày 30/11/2006	Bộ Y tế	
2.6-4	Biên bản họp các chi bộ đảng hàng tháng, quý, năm	Năm 2007, 2008, 2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
2.6-5	Nghị quyết và Biên bản Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm	Năm 2005, 2006, 2007, 2008, 2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
2.6-6	Biên bản của ban thanh tra nhân dân các năm	Năm 2006, 2007, 2008, 2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
Tiêu chí 2.7				
2.7-1	Báo cáo định kỳ năm 2008 Báo cáo thống kê định kỳ Báo cáo thống kê năm 2005 Báo cáo công tác tổ chức cán bộ năm 2008	Số 76/YHP-TCCB ngày 3/4/2009 Số 33/YHP-TCCB ngày 01/02/2008 Số 37/YHP-TCCB ngày 01/03/2006 Số 105/BC-TCCB ngày 28/12/2007	Phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Y Hải Phòng	

	Báo cáo thực hiện biên chế năm 2008, lập kế hoạch biên chế năm 2009	Số 377/YHP-TCCB ngày 30/10/2008		
2.7-2	Báo cáo tổng kết năm học 2007-2008 Báo cáo tổng kết năm học 2006-2007 Báo cáo tổng kết năm học 2005-2006 Báo cáo tổng kết năm học 2004-2005 Báo cáo thực hiện kế hoạch đào tạo Báo cáo kết quả tuyển sinh Báo cáo công tác tuyển sinh đại học Báo cáo số lượng thực thi tuyển sinh Báo cáo kết quả thi tuyển sinh sau đại học Báo cáo tình hình tuyển sinh cao học, bác sĩ nội trú Báo cáo kết quả thi tuyển sinh bác sĩ chuyên khoa cấp I cấp II	Số 285/BC-YHP ngày 12/8/2008 Số 266/YHP-BGH ngày 06/8/2007 Số 162/BC-YHP Ngày 03/7/2006 Số 260/YHP-BGH ngày 30/9/2005 Số 351/ĐT-YHP Ngày 12/12/2005 Số 285/YHP-ĐT ngày 17/10/2005 Số 207/YHP-ĐTĐH Số 390/ĐTĐH-YHP ngày 07/11/2008 Số 115/YHP-QLKH ngày 15/5/2005 Số 388/YHP-ĐTSDH ngày 6/11/2008 Số 387/YHP-SĐH Ngày 06/11/2008	Trường Đại học Y Hải Phòng	
2.7-3	Báo cáo đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ giai đoạn 2005 Báo cáo tiến độ thực hiện nhiệm vụ đã đã được giao và kế hoạch kinh phí năm 2007 Báo cáo công tác hợp tác quốc tế	Số 255/YHP-NCKH ngày 23/8/2005 Số 289/YHP-QLKH ngày 27/11/2006 Số 115/YHP-HTQT ngày 9/4/2007	Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
2.7-4	Báo cáo quyết toán năm 2004 Báo cáo quyết toán năm 2005 Báo cáo quyết toán năm 2006 Báo cáo quyết toán năm 2007 Báo cáo quyết toán năm 2008	Ngày 31/12/2004 Ngày 31/12/2005 Ngày 31/12/2006 Ngày 31/12/2007 Ngày 31/12/2008	Trường Đại học Y Hải Phòng	
2.7-5	Báo cáo thống kê công tác văn thư lưu trữ Báo cáo về công tác văn thư lưu trữ	Số 476/BC-HCTH ngày 25/12/2008 Số 216/YHP-BC ngày 18/8/2005	Trường Đại học Y Hải Phòng	
2.7-6	Báo cáo công tác đoàn và phong trào sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng Báo cáo tổng kết công tác đoàn và phong trào thanh niên năm học 2007-2008 Báo cáo công tác đoàn và phong trào thanh niên trường học năm học 2006-2007 Báo cáo tổng kết công tác hội và phong trào sinh viên Báo cáo tổng kết công tác hội và phong trào sinh viên năm	Số 443/BC-ĐTN ngày 12/12/2008 Số 223/BC-ĐTN Ngày 18/06/2008 Số 210/BC-ĐTN Ngày 12/06/2007 Số 232/BC-HSV ngày 19/06/2007 Số 143/BC-HSV ngày 22/06/2006	ĐTN Trường Đại học Y Hải Phòng; HSV Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung

	học 2005-2006			
2.7-7	Báo cáo tổng kết công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc Báo cáo tổng kết công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc Báo cáo tổng kết công tác xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc Báo cáo công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ tổ quốc Báo cáo nam sinh viên tốt nghiệp	Số 422/BC-YHP ngày 29/11/2007 Số 81/BC-YHP ngày 20/3/2007 Số 312/BC-YHP ngày 10/11/2005 Số 30/BC-YHP Ngày 30/01/2008 Số 401/ĐTĐH-YHP ngày 17/11/2008	Trường Đại học Y Hải Phòng	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1				
3.1-1	Các chương trình khung giáo dục Bác sỹ đa khoa, Bác sỹ đa khoa hệ 4 năm (chuyên tu), Bác sỹ Y học dự phòng, Bác sỹ Răng Hàm Mặt, Cử nhân điều dưỡng, Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm, Cử nhân điều dưỡng đa khoa hệ vừa làm vừa học, Cử nhân điều dưỡng chuyên ngành Phụ sản hệ vừa làm vừa học	Kèm theo quyết định số 12/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/4/2001; và quyết định số 20/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/04/2008; quyết định số 31/2003/QĐ-BGD & ĐT ngày 09/7/2003	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Minh chứng dùng chung
3.1-2	Các chương trình giáo dục Trường Đại học Y Hải Phòng	2003, 2005, 2006, 2008, 2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
3.1-3	Quy định về Quy trình xây dựng Chương trình giáo dục	2002	Trường Đại học Y Hải Phòng	
3.1-4	Các biên bản cuộc họp xây dựng chương trình giáo dục	2003, 2005, 2006, 2008, 2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
3.1-5	Các Bản góp ý xây dựng chương trình giáo dục.	2003, 2005, 2006, 2008, 2009		
3.1-6	Biên bản nghiệm thu chương trình giáo dục	2003, 2005, 2006, 2008, 2009		
Tiêu chí 3.2				
3.2-1	Các chương trình giáo dục Trường Đại học Y Hải phòng	2003, 2005, 2006, 2008, 2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
3.2-2	Luật giáo dục năm 2005	2005		
3.2-3	Các quyết định ban hành chương trình giáo dục	2003, 2005, 2006, 2008, 2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
3.2-4	Các chương trình khung giáo dục Bác sỹ đa khoa, Bác sỹ đa khoa hệ 4 năm (chuyên tu), Bác sỹ Y học dự phòng, Bác sỹ Răng Hàm Mặt, Cử nhân điều dưỡng, Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm, Cử nhân điều dưỡng đa khoa hệ vừa làm vừa học, Cử nhân điều dưỡng chuyên ngành Phụ sản hệ vừa làm vừa học	Kèm theo quyết định số 12/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/4/2001; và quyết định số 20/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/04/2008; quyết định số 31/2003/QĐ-BGD&ĐT ngày 09/7/2003	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Minh chứng dùng chung

Tiêu chí 3.3				
3.3-1	Các chương trình khung giáo dục Bác sỹ đa khoa, Bác sỹ đa khoa hệ 4 năm (chuyên tu), Bác sỹ Y học dự phòng, Bác sỹ Răng Hàm Mặt, Cử nhân điều dưỡng, Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm, Cử nhân điều dưỡng đa khoa hệ vừa làm vừa học, Cử nhân điều dưỡng chuyên ngành Phụ sản hệ vừa làm vừa học	Kèm theo quyết định số 12/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/4/2001; và quyết định số 20/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/04/2008; quyết định số 31/2003/QĐ-BGD & ĐT ngày 09/7/2003	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Minh chứng dùng chung
3.3-2	Các chương trình giáo dục Trường Đại học Y Hải phòng (chính quy)		Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
3.3-3	Các chương trình giáo dục Trường Đại học Y Hải phòng (vừa làm vừa học)		Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
Tiêu chí 3.4				
3.4-1	Quy định về việc bổ sung, điều chỉnh chương trình giáo dục.		Trường Đại học Y Hải phòng	
3.4-2	Báo cáo “Nhận xét kiến thức, thái độ, kỹ năng của bác sỹ làm việc tại trạm y tế xã thuộc 6 huyện ngoại thành Hải phòng”	Tạp chí Y học thực hành số 563, Trang 39-44..	Nhà xuất bản Y học Việt Nam	Minh chứng dùng chung
3.4-3	Báo cáo Kiến thức, thái độ, kỹ năng cần có của một bác sỹ đa khoa hướng cộng đồng mới tốt nghiệp từ trường Đại học Y Hải phòng.	Tạp chí Y học thực hành số 563, Trang 115-119.	Nhà xuất bản Y học Việt Nam	Minh chứng dùng chung
3.4-4	Sách “Kiến thức - Thái độ - Kỹ năng cần đạt khi tốt nghiệp bác sỹ đa khoa”	Năm 2006	Nhà xuất bản Y học	
3.4-5	Biên bản họp điều chỉnh chương trình giáo dục Bác sỹ đa khoa.	Năm 2004	Trường Đại học Y Hải Phòng	
3.4-6	Báo cáo đánh giá nhu cầu đào tạo Bác sỹ y học dự phòng	Năm 2009	Trường Đại học Y Hải phòng	
3.4-7	Các chương trình giáo dục Trường Đại học Y Hải phòng		Trường Đại học Y Hải phòng	Minh chứng dùng chung
3.4-8	Blue Print Book		Hà Lan	
3.4-9	Chương trình đào tạo y học biển của Pháp		Pháp	
Tiêu chí 3.5				
3.5-1	Các chương trình giáo dục Trường Đại học Y Hải phòng	2003, 2005, 2006, 2008, 2009	Trường Đại học Y Hải phòng	Minh chứng dùng chung
3.5-2	Chương trình giáo dục y sĩ trung học		Bộ Giáo dục và Đào tạo	
3.5-3	Chương trình giáo dục y tá, nữ hộ sinh		Bộ Giáo dục và Đào tạo	
Tiêu chí 3.6				
3.6-1	Báo cáo “Nhận xét kiến thức, thái độ, kỹ năng của bác sỹ làm việc tại trạm y tế xã thuộc 6 huyện ngoại thành Hải phòng”	Tạp chí Y học thực hành, Trang 39-44, số 563.	Nhà xuất bản Y học Việt Nam	Minh chứng dùng chung
3.6-2	Báo cáo Kiến thức, thái độ, kỹ năng cần có của một bác sỹ đa	Tạp chí Y học thực hành, Trang 115-	Nhà xuất bản Y học Việt	Minh chứng dùng chung

	khoa hướng cộng đồng mới tốt nghiệp từ trường Đại học Y Hải phòng.	119, số563.	Nam	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1				
4.1-1	Các chương trình khung giáo dục Bác sỹ đa khoa, Bác sỹ đa khoa hệ 4 năm (chuyên tu), Bác sỹ Y học dự phòng, Bác sỹ Răng Hàm Mặt, Cử nhân điều dưỡng, Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm, Cử nhân điều dưỡng đa khoa hệ vừa làm vừa học, Cử nhân điều dưỡng chuyên ngành Phụ sản hệ vừa làm vừa học	Kèm theo quyết định số 12/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/4/200; và quyết định số 20/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/04/2008; quyết định số 31/2003/QĐ-BGD & ĐT ngày 09/7/2003	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Minh chứng dùng chung
4.1-2	Các chương trình giáo dục Trường Đại học Y Hải phòng		Trường Đại học Y Hải phòng	Minh chứng dùng chung
4.1-3	- Agreement for cooperation anhd exchange between Hai Phong medical university annd Kanazawa university graduate school of medical science. - Agreement on Cooperation in Education between Guangxi traditional Chinese medical university, China anhd Hai Phong medical university - Thỏa thuận hợp tác văn hoá - giáo dục – khoa học giữa Trường Y tế công cộng và Y học cộng đồng, đại học Washington, seattle, USA và Trường Đại học Y Hải Phòng , Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Biên bản kí ngày 3 tháng 10 năm 2007 Biên bản kí ngày 13 tháng 8 năm 2008 - Biên bản kí ngày 9 tháng 1 năm 2001	Trường Đại học Y Hải phòng	
4.1-4	Quyết định giao chỉ tiêu đào tạo năm học 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009	Kèm theo quyết định số	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
Tiêu chí 4.2				
4.2-1	Quyết định ban hành hướng dẫn chi tiết thực hiện Quy chế 25/2006	72/2007/QĐ-YHP ngày 26/ 02/2007	Trường Đại học Y Hải Phòng	
4.2-2	Hướng dẫn chi tiết thực hiện Quy chế 25/2006	Kèm theo QĐ 72/2007/QĐ-YHP ngày 26/ 02/2007	Trường Đại học Y Hải Phòng	
4.2-3	Hướng dẫn chi tiết thực hiện Quy chế 25/2006	Kèm theo QĐ 72/2007/QĐ-YHP ngày 26/ 02/2007	Đại học Y Hải Phòng	
4.2-4	Báo cáo kết quả hội thảo của cán bộ, giảng viên được cử đi tập huấn, hội thảo trao đổi kinh nghiệm	Từ 1999 - 2009	Các hội thảo viên Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
4.2-5	Báo cáo Dự án ADB của Bộ Y tế về tăng cường trang thiết bị cho các phòng thực tập	Năm 2008	Trường ĐH Y Hải Phòng	
Tiêu chí 4.3				

4.3-1	Biên bản về hội giảng, bình giảng cho cán bộ trẻ	Từ 1999 - 2009	Công Đoàn Trường Đại học Y Hải Phòng	
4.3-2	Đề tài : Ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động giảng dạy	Năm 2009	TS. Lương Trần Khuê và cộng sự Phòng Đào tạo Đại học	
4.3-3	Hướng dẫn về tổ chức hội giảng, bình giảng gửi các công đoàn bộ phận	Từ 1999 - 2009	Công Đoàn Trường Đại học Y Hải Phòng	
4.3-4	Bản tự đánh giá cuối năm	Từ 1999 - 2009	Các giảng viên	
4.3-5	Các quyết định tổ chức hội thảo trao đổi kinh nghiệm	Từ 1999 - 2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
4.3-6	Các báo cáo kết quả hội thảo của cán bộ, giảng viên được cử đi tập huấn, hội thảo trao đổi kinh nghiệm	Từ 1999 - 2009	Các hội thảo viên Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
4.3-7	Quyết định Thành lập Đơn vị phương pháp dạy học	Năm 2008	Trường Đại học Y Hải Phòng	
4.3-8	Kết quả tập huấn về Dạy học dựa vào bằng chứng, dạy học dựa trên vấn đề (EBM, PBL)	Từ 2005 -2009	Dự án Hà Lan – Việt Nam Trường Đại học Y Hải Phòng	
4.3-9	Một số quy định về thi tốt nghiệp Bác sĩ y khoa năm học 2007-2008	Số 08 YHP- ĐTĐH ngày 05/02/2007	Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
Tiêu chí 4.4				
4.4-1	Hướng dẫn chi tiết thực hiện Quy chế 25/2006 về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp	72/2007/QĐ-YHP ngày 26/ 02/2007	Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
4.4-2	Quy chế về việc phối hợp giữa Phòng Đào tạo, TT Khảo thí, Thanh tra giáo dục và các Bộ môn về công tác thi, kiểm tra đánh giá sinh viên	Số 126/2009/QĐ/YHP ngày 31/12/2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
4.4-3	Hướng dẫn chi tiết thực hiện Quy chế 25/2006 về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp	Kèm theo QĐ 72/2007/QĐ-YHP ngày 26/ 02/2007	Trường Đại học Y Hải Phòng	
4.4-4	Một số quy định về thi tốt nghiệp Bác sĩ y khoa năm học 2007-2008	Số 08 YHP- ĐTĐH ngày 05/02/2007	Trường Đại học Y Hải Phòng:	
4.4-5	Một số quy định về thi tốt nghiệp Bác sĩ y khoa năm học 2007-2008	Số 08 YHP- ĐTĐH ngày 05/02/2007	Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
Tiêu chí 4.5				
4.5-1	Quyết định số 72/YHP-QĐ về việc hướng dẫn thực hiện quy chế 25/QĐ-BGD&ĐT		Trường ĐH Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
4.5-2	Quy định về phúc tra kết quả thi, kiểm tra.		Trường Đại học Y Hải Phòng	
4.5-3	Thông tin về kết quả học tập của sinh viên		Website trường ĐH	Minh chứng dùng chung

			YHP	
4.5-4	Quy định về việc cấp phát văn bằng, chứng chỉ.		Trường ĐH Y Hải Phòng	
4.5-5	Thông tin về cấp phát văn bằng, chứng chỉ.		Website trường ĐH YHP	Minh chứng dùng chung
Tiêu chí 4.6				
4.6-1	Quy định về lưu trữ bài thi, kết quả thi và kiểm tra.		Trường Đại học Y Hải Phòng	
4.6-2	Hệ thống sổ sách liên quan đến các hoạt động đào tạo của trường.		Phòng ĐTĐH	
4.6-3	Thông tin hoạt động của nhà trường.		Website trường ĐH YHP	Minh chứng dùng chung
4.6-4	Quyết định thành lập Ban liên lạc cựu sinh viên.		Trường Đại học Y Hải Phòng	
Tiêu chí 4.7				
4.7-1	Điều tra đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên của sinh viên đa khoa chính quy khóa 29 và sinh viên đa khoa hệ 4 năm khóa 25.		Phòng ĐTĐH	
4.7-2	Nghiên cứu về kiến thức, thái độ, kỹ năng cần có của một bác sĩ đa khoa hướng cộng đồng mới tốt nghiệp từ trường Đại học Y Hải Phòng.		Phòng khoa học và hợp tác quốc tế.	Minh chứng dùng chung
4.7-3	Kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp 2009 – 2012.		Phòng ĐTĐH	
4.7-4	Nghiên cứu thực trạng nguồn nhân lực điều dưỡng tại Vĩnh Bảo và An Dương 2003.		Phòng khoa học và hợp tác quốc tế.	
4.7-5	Nghiên cứu khả năng quản lý công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Vĩnh Bảo và Tiên Lãng 2002.		Phòng khoa học và hợp tác quốc tế.	
4.7-6	Quyết định thành lập khoa Điều dưỡng (2007).		Trường ĐH Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
4.7-7	Kế hoạch thành lập khoa Y tế công cộng (2009).		Trường ĐH Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
4.7-8	Quyết định mở mã ngành đào tạo bác sĩ Răng-Hàm-Mặt (2009).		Trường ĐH Y Hải Phòng	
4.7-9	Quyết định mở mã ngành đào tạo Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm Y học (2009).		Trường ĐH Y Hải Phòng	
4.7-10	Kế hoạch thành lập khoa Dược (2010).		Trường ĐH Y Hải Phòng	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1				
5.1-1	Kế hoạch tuyển dụng viên chức trong năm 2009	Số 155/YHP-TCCB ngày 2/6/2009	Phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.1-2	Đăng báo tuyển viên chức	Số 167/YHP-TCCB ngày 8/6/2009	Phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Y Hải	

			Phòng	
5.1-3	Giấy mời BHYT về chỉ đạo tuyển viên chức	10/2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.1-4	Quyết định công nhận kết quả tuyển dụng viên chức năm 2009	Số 3895/QĐ-BYT ngày 13/10/2009	Bộ Y tế	
5.1-5	Giấy cam kết của viên chức mới tuyển dụng	2009	Cá nhân	
5.1-6	Danh sách cán bộ đi học chuyên môn nghiệp vụ năm 2008-2009	2009	Phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.1-7	Quyết định cử cán bộ đi học cao cấp lý luận chính trị	Quyết định số 695/QĐ-YHP ngày 21/11/2008	Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.1-8	Danh sách thống kê trình độ kỹ thuật viên	2009	Phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.1-9	Thông báo Kế hoạch triển khai quy trình bổ nhiệm cán bộ năm 2009	Số 114/YHP-TCCB ngày 03/12/2009	Phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.1-10	Thông báo bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo năm 2009	Số 123/YHP-TCCB ngày 29/12/2009	Phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.1-11	Quy hoạch bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo trong giai đoạn 2010-2015	Biên bản kiểm phiếu	Phòng Tổ chức cán bộ, Trường Đại học Y Hải Phòng	
Tiêu chí 5.2				
5.2-1	Ban hành quy chế thực hiện Dân chủ của Trường ĐH Y Hải Phòng	Quyết định số 104/QĐ-YHP ngày 31/8/2000	Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.2-2	Quy chế về mối quan hệ công tác giữa chính quyền và công đoàn Trường Đại học Y Hải Phòng	Quyết định số 142/YHP-BGH ngày 07/5/2007	Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.2-3	Quy định về tuyển dụng viên chức	Quyết định số 275/QĐ-YHP ngày 24/6/2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.2-4	Quy chế làm việc của Ban chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ	Số 07/YHP-ĐU ngày 01/9/2006	Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.2-5	Báo cáo tổng kết về việc thực hiện Quy chế dân chủ năm 2007 Báo cáo tổng kết 5 năm về việc triển khai thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.	Số 336/YHP-ĐU ngày 29/9/2007 Số 253/YHP-BGH ngày 27/8/2003	- Trường Đại học Y Hải Phòng - Trường Đại học Y Hải Phòng	
Tiêu chí 5.3				
5.3-1	Quyết định về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ	Số 285/QĐ-YHP ngày 01/8/2008	Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung

5.3-2	Thông báo đăng ký đề cương NCKH của cán bộ, giảng viên đang theo học trên và sau đại học (hỗ trợ kinh phí cho NCS, Thạc sĩ, BSKII năm 2009)	Thông báo số 124/YHP-QLKH&HTQT	Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.3-3	Duyệt dự toán chi lớp đào tạo lại phương pháp sư phạm y học năm 2008	Số 159-160-161/TCKT-YHP ngày 15/5/2008	Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.3-4	Thông kê các đơn về các cán bộ học tập chuyên môn nghiệp vụ năm năm 2009	2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.3-5	Bản ghi nhớ hợp tác với nước ngoài		Trường Đại học Y Hải Phòng	
Tiêu chí 5.4				
5.4-1	Quyết định về việc công nhận danh hiệu đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2008 Quyết định về việc công nhận danh hiệu đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2007 Quyết định về việc công nhận danh hiệu đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2006 Quyết định về việc công nhận danh hiệu đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2008 Quyết định về việc công nhận danh hiệu đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2007 Quyết định về việc công nhận danh hiệu đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2006	Số 79/QĐ-ĐU ngày 29/12/2008 Số 578/QĐ-ĐU ngày 28/12/2007 Số 35/QĐ-ĐU ngày 15/01/2007 Số 77/QĐ-ĐU ngày 29/12/2008 Số 577/QĐ-ĐU ngày 28/12/2007 Số 33/QĐ-ĐU Ngày 15/01/2007	Đảng ủy Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.4-2	Quyết định về việc công nhận và khen thưởng các danh hiệu thi đua năm học 2008-2009 Quyết định về việc công nhận và khen thưởng các danh hiệu thi đua năm học 2007-2008 Quyết định về việc công nhận khen thưởng cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua và giáo viên dạy giỏi năm học 2006-2007 Quyết định về việc công nhận và khen thưởng cá nhân đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua và giáo viên dạy giỏi năm học 2005-2006	Số 416/QĐ-YHP ngày 24/9/ 2009 Số 484/QĐ-YHP ngày 30/9/2008 Số 335/QĐ-YHP ngày 11/10/2007 Số 333/QĐ-YHP ngày 30/10/2006	Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.4-3	Nghị quyết hội nghị cán bộ viên chức các năm Biên bản hội nghị cán bộ viên chức các năm Biên bản của ban thanh tra nhân dân các năm	Năm 2005, 2006, 2007, 2008, 2009 Năm 2006, 2007, 2008, 2009 Năm 2006,2007,2008,2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.4-4	Quyết định về việc tặng bằng	Số 181/QĐ-YHP	Trường Đại	

	khen thủ tướng chính phủ Quyết định về việc khen thưởng bằng khen Bộ Y tế Quyết định về việc khen thưởng kỷ niệm chương “ Vì sức khỏe nhân dân” Quyết định về việc khen thưởng danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp bộ	ngày 21/5/2008 Số 130/QĐ-YHP ngày 31/3/2008 Số 64/QĐ-YHP ngày 26/02/2008 Số 257/QĐ/YHP ngày 9/7/2008	học Y Hải Phòng	
Tiêu chí 5.5				
5.5-1	- Báo cáo số liệu giảng viên hàng năm; số liệu giảng viên cụ thể của từng bộ môn. - Báo cáo tổng kết năm học; Thông kê số lượng sinh viên trong trường	2005 - 2009 2005 - 2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.5-2	Thông kê số lượng Giảng viên kiêm chức	Năm 2008 - 2010	Trường ĐH Y Hải Phòng	
5.5-3	Báo cáo tổng kết, báo cáo thống kê số liệu hàng năm.	Năm học 2005- 2006; 2006-2007; 2007 - 2008; 2008- 2009.	Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
5.5-4	Quy hoạch tổng thể phát triển Trường đến năm 2020	Kèm theo Quyết định số 4968/QĐ- BYT ngày 30/11/2006	Bộ Y tế	Minh chứng dùng chung
Tiêu chí 5.6				
5.6-1	Danh sách giảng viên của trường	2009		
5.6-1	Danh sách giảng viên thỉnh giảng	2009		
5.6-2	Danh sách giảng viên đi học sau đại học	2005 - 2009		
5.6-4	Danh sách các lớp bồi dưỡng tin học, ngoại ngữ trường tổ chức từ 2005 - 2009	2004		
5.6-5	Hồ sơ cán bộ giảng viên	1999		
Tiêu chí 5.7				
5.7-1	Báo cáo thống kê đội ngũ giảng viên theo các năm	2005 - 2009		
5.7-2	Công văn gửi các lớp sinh viên	2009		
	Quy chế chi tiêu nội bộ	2008		
5.7-3	Danh sách giảng viên được tuyển dụng trong 5 năm qua	2005, 2006, 2007, 2008, 2009		
Tiêu chí 5.8				
5.8-1	Kế hoạch tuyển dụng CBVC hàng năm	Năm 2005; 2006; 2007; 2008; 2009	Trường ĐH Y Hải Phòng	
5.8-2	Báo cáo tổng kết, báo cáo thống kê số liệu hàng năm	Năm học 2005- 2006; 2006-2007; 2007 - 2008; 2008- 2009.	Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
5.8-3	Danh sách toàn thể CBVC và nhân viên lao động trong trường sắp xếp theo từng đơn vị	Danh sách toàn thể CBVC & LD tính đến tháng 9/2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.8-4	Thông kê đội ngũ KTV và nhân viên	2005 - 2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.8-5	Quyết định điều động CBVC làm việc kiêm nhiệm công việc phòng ban	2005 - 2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
5.8-6	Các văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận của KTV và nhân viên	2005-2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	

Tiêu chuẩn 6				
Tiêu chí 6.1				
6.1-1	Điều lệ trường đại học	QĐ 103/2003/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2003	Thủ tướng CP	
6.1-1	Chương trình năm học được công bố đầu năm học	Trước mỗi năm học	Phòng ĐT ĐH Trường ĐH Y Hải phòng	
6.1-1	Lịch sinh hoạt chính trị đầu khoá	Trước mỗi năm học	Phòng CT Chính trị và Phòng ĐTĐH-ĐHYHP	
6.1-2	Quy chế ĐT ĐH & CD hệ chính quy	QĐ số 25/2006/QĐ BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006	Bộ GD&ĐT	
6.1-2	Hướng dẫn thực hiện quy chế 25	Ngày 26 tháng 02 năm 2007	Trường Đại học Y Hải Phòng	
6.1-3	Chương trình chi tiết từng ngành đào tạo của trường		Bộ Y tế và Bộ GD&ĐT	Minh chứng dùng chung
6.1-4	Quy định của các bộ môn, phòng thí nghiệm, thư viện, KTX	Phổ biến đầu năm học và khi học tại các bộ môn	Trường Đại học Y Hải phòng	
Tiêu chí 6.2				
6.2-1	Tập văn bản về chính sách xã hội liên quan đến người học	Hà nội-2001	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
6.2-1	Hỏi đáp về chế độ, chính sách đối với người học	NXB Lao động-xã hội 2008 Thông tư liên tịch thực hiện QĐ số 152/2007 /QQĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2007	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
6.2-2	Danh sách người học được hưởng chế độ chính sách xã hội và học bổng	Giữa học kỳ I và giữa học kỳ II hàng năm	Phòng ĐTĐH và Phòng TCKT trường ĐHYHP	
6.2-3	Các báo cáo về công tác chăm sóc sức khoẻ cho người học	Báo cáo hàng năm	Phòng Y tế trường Đại học Y Hải phòng	
6.2-4	Kế hoạch hoạt động của Phòng Công tác chính trị	Báo cáo hàng năm	Phòng Công tác chính trị, Trường Đại học Y HP	
6.2-5	Các văn bản tổng kết tình hình an ninh trật tự trong trường	Cập nhật hàng năm	Trường Đại học Y Hải phòng	
Tiêu chí 6.3				
6.3-1	Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV	Quyết định số 42/2000/QĐ-BGD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
6.3-2	phiếu đánh giá rèn luyện của SV	Cuối mỗi năm học	Trường Đại học Y Hải Phòng	
6.3-3	Danh mục sách báo đặt mua của trường cho các bộ phận	Hàng năm	Thư viện, Phòng HCTH, Trường ĐHYHP	
6.3-4	Số lượng Đảng viên được kết nạp	Báo cáo hàng năm	BCH Đảng uỷ Trường ĐHYHP	

Tiêu chí 6.4				
6.4-1	Các văn bản của Đảng ủy với công tác ĐTN và công tác rèn luyện chính trị tư tưởng.	-Nghị quyết về việc chuẩn y BCH Đảng bộ nhiệm khóa XIII (2005-2008) - Phân công BCH	Đảng Ủy	Minh chứng dùng chung
6.4-2	Văn bản về sự phối hợp giữa Đảng Bộ và chính quyền chỉ đạo các hoạt động đoàn.	- Chương trình công tác của BCH Đảng bộ trường Đại học Y HP ngày 06.03.2008 - Văn bản về sự phối chỉ đạo công tác Đoàn.	Trường Đại học Y Hải phòng	Minh chứng dùng chung
6.4-3	Danh sách các lớp “tìm hiểu về Đảng”	Danh sách quân chúng tích cực 2006, 2007, 2008.	Đảng Ủy	Minh chứng dùng chung
6.4-4	Danh sách người học được kết nạp Đảng	Danh sách kết nạp Đảng viên mới trong nhiệm kỳ XIII	Đảng ủy	Minh chứng dùng chung
6.4-5	Quyết định thành lập các hoạt động từ thiện		Đoàn TN	Minh chứng dùng chung
6.4-6	Quyết định khen thưởng		Thành đoàn	Minh chứng dùng chung
Tiêu chí 6.5				
6.5-1	Quy chế hoạt động các loại hình câu lạc bộ	Kèm theo các quy chế 65/QY-ĐTN-YHP 12/10/2006, 65/QY-ĐTN-YHP 12/10/2006, 739/QY-ĐTN-YHP 01/12/2009	Đoàn TN	Minh chứng dùng chung TC....
6.5-2	Nội quy vào thư viện điện	Nội quy ngày 23/02/2004.	Thư viện	Minh chứng dùng chung
6.5-3	Quyết định thành lập HD giám khảo HN khoa học	Kèm theo QĐ số 313/QĐ-YHP ngày 14/11/2005 -554/QĐ-YHP ngày 13/12/2007 -851/QĐ-YHP ngày 24/12/2009	Trường ĐHY HP Phòng NCKH	Minh chứng dùng chung
6.5-4	Các chứng từ XD		Phòng TC-KT	Minh chứng dùng chung
6.5-5	Sửa chữa cải tạo nhà ăn	Kèm theo bản quyết toán khối lượng thực hiện năm 2004	Trường ĐHY HP	Minh chứng dùng chung
6.5-6	Quy định một số chế độ đối với sinh viên học viên nội trú.	Kèm theo quy định số 66/YHP-BGH ngày 10/09/2004.	Trường ĐHY HP	Minh chứng dùng chung
Tiêu chí 6.6				
6.6-1	Lịch sinh hoạt chính trị đầu khoá	Hằng năm, 2007, 2008, 2009	Phòng CT Chính trị và Phòng ĐTDH-ĐHYHP	Minh chứng dùng chung
6.6-2	- Nội dung và báo cáo kết quả công tác sinh hoạt tuần công dân	Báo cáo hằng năm 2007, 2008, 2009	Phòng Công tác chính trị Trường Đại học Y HP	Minh chứng dùng chung
6.6-3	- Các biểu ngữ, pano...trong trường, khu giảng đường	Treo tại trường (hành lang, trước thang máy...)	Trường Đại học Y Hải phòng	
6.6-4	- Sổ tay phối hợp nhà trường và gia đình trong giáo dục học sinh SV	NXB Giáo dục 2006	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Có tại Phòng CT chính trị
6.6-5	- Cờ giải thưởng ”Luật an toàn	2007	Hội SV Việt	Văn phòng Đoàn

	giao thông và kỹ năng lái xe an toàn”		Nam	TN và Hội SV trường
6.6-6	- Cờ giải thưởng ” SV với an toàn giao thông”	2008	Bộ GDĐT, UB-ATGT & Cục CSGT	Văn phòng Đoàn TN và Hội SV trường
6.6-7	- Văn bản cập nhật thông tin của Đảng ủy gửi tới các lớp sinh viên	Định kỳ (năm 2008-2009)	Văn phòng Đảng Ủy - Trường ĐHY HP	
6.6-9	- Quyết định tổ chức Hiến máu nhân đạo, Khám bệnh nhân đạo	129/QĐ-YHP ngày 11/8/2001	Trường Đại học Y Hải phòng	
6.6-10	- Danh sách Đảng viên được kết nạp từng năm	Danh sách kết nạp Đảng viên mới trong nhiệm kỳ XIII	Đảng ủy – Trường Đại học Y Hải phòng	Minh chứng dùng chung
6.6-11	- Kế hoạch và kết quả khám sức khoẻ, xét nghiệm cho sinh viên mới	Kế hoạch hằng năm 2007, 2008, 2009	Y tế cơ quan - Trường Đại học Y Hải phòng	Minh chứng dùng chung
Tiêu chí 6.7				
6.7-1	- Quyết định cử cán bộ phụ trách hỗ trợ việc làm cho SV năm 1997	18/QĐ-YHP ngày 11/1/1997	Trường Đại học Y Hải phòng	
6.7-2	- Quyết định Phòng ĐT-ĐH hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho SV	118/QĐ-YHP ngày 11/11/2007	Trường Đại học Y Hải phòng	
6.7-3	- Chương trình tổ chức lễ tốt nghiệp cho các khóa sinh viên	Chương trình năm 2007, 2008, 2009	Trường ĐHY HP	
6.7-4	- Các công văn của các tổ chức và cơ sở gửi trường về việc tuyển CB	2008, 2009	Phòng ĐTĐH - Trường ĐHY HP	Các công văn đến của các cơ sở
6.7-5	- Các ký kết đào tạo theo địa chỉ với các tỉnh	Hợp đồng ký kết	Phòng ĐTĐH - Trường Đại học Y HP	
6.7-6	- Danh sách lớp sinh viên Đa khoa đào tạo theo địa chỉ năm 2008	2008	Phòng ĐTĐH, Trường ĐHY HP	
6.7-7	- Danh sách lớp sinh viên Đa khoa đào tạo theo địa chỉ năm 2009	2009	Phòng ĐTĐH - Trường ĐHY HP	
6.7-9	- Báo An ninh Hải Phòng	số ra ngày 9/1/2008, tr2	Trường ĐHY HP	
6.7-10	- Thông tin du học	http://dhyhp.edu.vn http://www.viettht.vn	Trường ĐHY HP	
Tiêu chí 6.8				
6.8-1	Kết quả thống kê tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp	Báo cáo Hội nghị toàn quốc về chất lượng giáo dục đại học 5/1/2008	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Minh chứng dùng chung
6.8-2	Kết quả nghiên cứu đề tài “Kiến thức thái độ kỹ năng cần có của một bác sỹ đa khoa hướng cộng đồng mới tốt nghiệp từ Trường Đại học Y Hải Phòng”	Tạp chí Y học thực hành số 563/2008		Minh chứng dùng chung
6.8-3	Quyết định về việc phân công công tác liên lạc với Hội cựu sinh viên của trường	Kèm theo QĐ .../QĐ-YHP ngày...	Trường Đại học Y Hải Phòng	
6.8-4	Kết quả thống kê tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm sau khi	Báo cáo Hội nghị toàn quốc về chất	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Minh chứng dùng chung

	tốt nghiệp	lượng giáo dục đại học 5/1/2008		
6.8-5	Điều kiện cấp Chứng chỉ hành nghề y tư nhân	Pháp lệnh Số 07/2003/PL-UBTVQH11	Ủy ban Thường vụ Quốc hội	
Tiêu chí 6.9				
6.9-1 6.9-2 6.9-3 6.9-4	Quyết định hỗ trợ kinh phí nghiên cứu khoa học năm 2008 cho đề tài nghiên cứu “Đánh giá chất lượng đào tạo”	Kèm theo QĐ 166/QĐ-YHP ngày 12/5/2008		Tiêu chí dùng chung
6.9-5	Gặp gỡ thường niên giữa đại diện sinh viên với Ban Giám hiệu và Bộ môn.			
Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 7.1				
7.1-1	CV của Bộ, thành phố về việc đề xuất nhiệm vụ NCKH	2006-2009	Bộ Y tế, Sở KH & CN	
	Hướng dẫn về việc xây dựng kế hoạch KH & CN năm 2007	Số 5004/BYT-K2ĐT ngày 10 tháng 7 năm 2007	Vụ Khoa học & Đào tạo, Bộ Y tế	
	Thông báo về việc hướng dẫn đăng ký xét chọn đề tài nghiên cứu cơ bản năm 2006	Số 15/YHP-QLKH ngày 06/03/2006	Phòng QLKH-HTQT, ĐHYHP	
	Thông báo về việc đề xuất nhiệm vụ NCKH và phát triển CN cấp thành phố và cấp Bộ năm 2007	Số 43/YHP-QLKH ngày 28/07/2006; Số 57/ YHP-QLKH&HTQT ngày 26/9/2006	Phòng QLKH-HTQT, ĐHYHP	
	Công văn đăng ký đề tài KH & CN năm 2007	Số 250/YHP-QLKH ngày 17/10/2006	Phòng QLKH-HTQT, ĐHYHP	
	Công văn đăng ký nhiệm vụ KH & CN cấp Bộ năm 2009	Số 419/YHP-QLKH&HTQT ngày 28/11/2007	Phòng QLKH-HTQT, ĐHYHP	
	Thông báo về việc đăng ký đề cương NCKH năm 2010	Số 124/YHP-QLKH&HTQT ngày 29/12/2009	Phòng QLKH-HTQT, ĐHYHP	
	CV gửi Bộ về kế hoạch hoạt động KHCN	Số 190/YHP-QLKH&HTQT ngày 28/07/2006; số 228/YHP-QLKH&HTQT ngày 25/06/2007	Trường Đại học Y Hải Phòng	
7.1-2	Hợp đồng NCKH cấp cơ sở		Trường Đại học Y Hải Phòng	
7.1-3	Báo cáo tổng kết phòng QLKH-HTQT năm 2006-2009		Phòng QLKH-HTQT, ĐHYHP	
7.1-4	Báo cáo đánh giá hoạt động khoa học công nghệ giai đoạn 2005 và định hướng nghiên cứu khoa học giai đoạn 2006-2010	Số 225/CV-NCKH ngày 23/8/2005	Phòng QLKH-HTQT, ĐHYHP	Minh chứng dùng chung
7.1-5	Quy hoạch tổng thể phát triển trường Đại học Y Hải Phòng đến năm 2020.	Kèm theo quyết định số 4968/QĐ-BYT ngày 30/11/2006	Bộ Y tế	Minh chứng dùng chung
7.1-6	Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ về sứ mạng của Trường Đại học Y Hải Phòng.	Số 06/NQ-ĐU ngày 13/04/2009	Đảng Ủy Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
7.1-7	Danh mục các đề tài được hỗ trợ kinh phí NCKH năm 2005-2009	Kèm theo quyết định số 168/QĐ-YHP, ngày	Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung

	25/05/2005; số 189/QĐ-YHP, ngày 6/7/2006, số 146/QĐ-YHP, ngày 16/5/2007, số 166/QĐ-YHP, ngày 12/05/2008 và số 154/QĐ-YHP, ngày 8/4/2009		
Các quyết định về việc phê duyệt đề tài KHCN cấp Bộ	Số 3594/QĐ-BYT, ngày 01 tháng 10 năm 2002; Số 2609/QĐ-BYT, ngày 02/08/2004; Số 4747/QĐ-BYT, ngày 09/02/2005; Số 3646/QĐ-BYT, ngày 04 tháng 10 năm 2002; Số 3852/QĐ-BYT, ngày 18 tháng 10 năm 2002; Số 1641/QĐ-BYT, ngày 12/05/2006	Bộ Y tế	
Các quyết định phê duyệt dự án: Tăng cường trang thiết bị phòng thí nghiệm trung tâm trường ĐHY Hải Phòng và dự án tăng cường trang thiết bị phòng thí nghiệm	Số 497/QĐ-BYT ngày 28/02/2005 và Số 4115/QĐ-BYT Ngày 30/10/2007	Bộ Y tế	
Các QĐ Phê duyệt đề tài nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm và dự án cấp thành phố	Số 458/QĐ-UB ngày 29/04/2002; Số 2375/QĐ-UB Ngày 02/10/2003; Số 593/QĐ-UB ngày 18/04/2004; Số 2139/QĐ-UB ngày 2/8/2004; Số 2532/QĐ-UB ngày 23/9/2004; Số 852/QĐ-UBND ngày 25/05/2007; Số 2163/QĐ-UB, ngày 15/09/2005; Số 2623/QĐ-UB ngày 14/11/2005; Số 1583/QĐ-UBND ngày 19/07/2006; Số 1585/QĐ-UBND ngày 19/07/2006; Số 2586-2588/QĐ-UBND ngày 25/12/2007; Số 1378/QĐ-UBND ngày 21/08/2008	UBND thành phố Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
Quyết định phê duyệt dự án ứng dụng khoa học và công nghệ: cấp thành phố	Số 174/QĐ-KHCN ngày 18/08/2008; Số 200/QĐ-KHCN ngày 18/12/2009	Sở KH&CN	
Bảng tổng hợp các đề tài thực hiện trên cơ sở các nguồn kinh phí hỗ trợ ngoài ngân sách	2009	Phòng QLKH-HTQT, ĐHYHP	
Quyết định thành lập Hội đồng KHCN nghiệm thu đề tài	Số 22/QĐ-BYT, ngày 04 tháng 01	Bộ Y tế	

	KHCN cấp Bộ và Biên bản nghiệm thu ngày 12/01/2006	năm 2006		
	Quyết định về việc thành lập HĐ KHKT và Biên bản họp HĐ cấp cơ sở đánh giá kết quả đề tài NCKH cấp Bộ; Quyết định về việc thành lập và Biên bản họp HĐ KHCN nghiệm thu đề tài KHCN cấp Bộ;	Số 162/QĐ-YHP ngày 07/06/2007; Số 2955/QĐ-BYT ngày 07/08/2007 và số 710/BB-BYT ngày 24/08/2007	Đại học Y Hải Phòng Bộ Y tế	
	Quyết định về việc thành lập HĐ KHKT và Biên bản họp HĐ cấp cơ sở đánh giá kết quả đề tài NCKH cấp Bộ; Quyết định về việc thành lập và Biên bản họp HĐ KHCN nghiệm thu đề tài KHCN cấp Bộ;	Số 327/QĐ-YHP ngày 03/09/2008; Biên bản ngày 26/09/2008; Số 4834/QĐ-BYT ngày 05/12/2008 và số 1321/BB-BYT ngày 25/12/2008	Đại học Y Hải Phòng Bộ Y tế	Minh chứng dùng chung
	Quyết định nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm	Số 1168/QĐ-UBND ngày 31/05/2006	UBND thành phố Hải Phòng	
	QĐ thành lập HĐ đánh giá kết quả NC; Biên bản họp Hội đồng đánh giá kết quả nghiên cứu đề tài nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm cấp thành phố ngày 30/8/2006	Số 423/QĐ-KHCN ngày 25/8/2006; Số 137/QĐ-KHCN ngày 11 /05/2007; Số 89/QĐ-KHCN ngày 26/05/2008; Số 114/QĐ-KHCN ngày 11/06/2008; Số 235/QĐ-KHCN ngày 20/11/2008; Số 81/QĐ-KHCN ngày 18/05/2009; Số 201/QĐ-KHCN ngày 23/12/2009	Sở KH&CN	Minh chứng dùng chung
	Quyết định thành lập Hội đồng và Biên bản họp HĐ đánh giá kết quả NC; Quyết định nghiệm thu kết quả	Số 35/QĐ-KHCN ngày 26/03/2008 Số 1172-QĐ-UBND ngày 23/06/2009	Sở Khoa học và Công nghệ UBND thành phố Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
	Biên bản họp nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm	Biên bản họp ngày 16/10/2008	Sở Khoa học và Công nghệ	
	Biên bản nghiệm thu dự án ứng dụng phát triển công nghệ sinh học ngày 13/03/2009;	Số 852/QĐ-UBND ngày 25/05/2007	UBND thành phố Hải Phòng	
Tiêu chí 7.2				
7.2-1	Hướng dẫn đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ cấp bộ	Kèm theo công văn số: 9467/BYT-K2ĐT ngày 13 tháng 12 năm 2006	Bộ Y tế	
	Quyết định về việc thành lập HĐ KHKT và Biên bản họp HĐ cấp cơ sở đánh giá kết quả đề tài NCKH cấp Bộ;	Số 162/QĐ-YHP ngày 07/06/2007; Số 327/QĐ-YHP ngày 03/09/2008; Biên bản ngày 26/09/2008;	Đại học Y Hải Phòng	
	Quyết định về thành lập HĐ KHCN xét duyệt đề cương đăng ký đề tài KHCN cấp cơ sở năm 2008, 2009	Số 123/QĐ-YHP ngày 24/03/2008; Số 83/QĐ-YHP ngày 25/02/2009	Đại học Y Hải Phòng	
	Biên bản họp hội đồng xét duyệt đề tài cơ sở năm 2009			
	Biên bản họp hội đồng KH			

	đánh giá, nghiệm thu đề tài KHCN cấp cơ sở năm 2007, 2009			
7.2-2	Quyết định về thành lập Ban tổ chức Hội nghị Khoa học KHCN từ 2005, 2009	Số 267/QĐ-YHP ngày 03/10/2005; Số 716/QĐ-YHP ngày 26/11/2009	Đại học Y Hải Phòng	
	Quyết định về thành lập Ban Giám khảo đánh giá các báo cáo khoa học tại KHKH trường lần thứ 13-15 (2005-2009)	Số 313/QĐ-YHP ngày 14/11/2005, Số 554/QĐ-YHP ngày 13/12/2007; Số 851/QĐ-YHP ngày 24/12/2009	Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
7.2-3	Bảng tổng hợp kết quả đánh giá và nghiệm thu đề tài các cấp 2005-2009	2009	Phòng QLKH-HTQT, ĐHYHP	
7.2-4	Bảng thống kê số lượng đề tài nghiệm thu đúng hạn	2009	Phòng QLKH-HTQT, ĐHYHP	
Tiêu chí 7.3				
7.3-1.	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc tuyển dụng công chức, viên chức	Số 1676/BYT-QĐ, ngày 20/10/1995	Bộ Y tế	
	Ginger prevents Th2-mediated immune responses in a mouse model of airway inflammation. Marie Louise Berthe Ahui a,d, Pierre Champy b,□, Abdulraouf Ramadan a, Linh Pham Van a,	International Immunopharmacology 8 (2008) 1626–1632	Tạp chí Tạp chí Elsevier (elsevier.com)	
	The pro-Th2 cytokine IL-33 directly interacts with invariant NKT and NK cells to induce IFN-γ production Elvire Bourgeois1, Linh Pham Van1, Michel Samson2, et al	Eur. J. Immunol. 2009. 39: 1046–1055	Tạp chí Miễn dịch học Châu Âu	
	Invariant NKT cells inhibit development of the Th17 lineage Lennart T. Marsa,b, Luiza Araujo,c, Philippe Kerschena,b, Se´ verine Diemc, Elvire Bourgeois, Linh Pham Vanc, et al	Immunology www.pnas.org/cgi/doi/10.1073/pnas.0809317106 PNAS _ April 14, 2009 _ vol. 106 _ no. 15 _ 6239	Viện Hàn Lâm Khoa học Quốc Gia Hoa Kỳ	
	Danh sách những người được tuyển dụng qua xét tuyển vào trường Đại học Y Hải Phòng	Kèm theo quyết định số 3715/QĐ-BYT ngày 29/9/2008	Bộ Y tế	
	A 10-year prospective surveillance of Mycobacterium tuberculosis drug resistance in France 1995–2004 P.M. Khue^*,#, C. Truffot-Pernot^*,#, et al	European Respiratory Journal Volume 30	Tạp chí Hô hấp Châu Âu	
	Evaluation of data quality in a laboratory-based surveillance of M. tuberculosis drug resistance and impact on the prevalence of resistance: France, 2004	Epidemiol. Infect. (2008), 136, 1172–1178.	Dịch tễ học bệnh truyền nhiễm, NXB Đại học Cambridge, Anh	

	P.M. KHUE ¹ , A. MALLET ² , N. VEZIRIS ^{1,3} et al			
	Drug resistance and HIV co-infection among pulmonary tuberculosis patients in Haiphong City, Vietnam P. M. Khuê, *†‡ T. Q. Phuc, † N. V. Hung, et la	The International Journal of Tuberculosis and Lung Disease (Article submitted 9 October 2007. Final version accepted 29 February 2008.)	Tạp chí quốc tế về Lao và Bệnh phổi	
7.3-2	Bìa và mục lục Tạp chí Y học thực hành	Số 543/2006; Số 563/2006	Bộ Y tế	
	Bìa và mục lục tạp chí Tạp chí Y học Việt Nam	Tập 327, tháng 10/2006 ; Tập 340, tháng 11 - Số 1/2007; Tập 354, tháng 2 - số 2/2009	Tổng hội Y học Việt Nam	
7.3-3	Danh mục bài báo do cán bộ của trường gửi đăng trên các tạp chí chuyên ngành	Năm 2009	Phòng QLKH-HTQT, ĐHYHP	
7.3-4	Bảng thống kê bài báo thuộc các đề tài/ dự án công bố kết quả	Năm 2009	Phòng QLKH-HTQT, ĐHYHP	
7.3-5	Thống kê các đề tài và bài báo trong giai đoạn 2005-2009 theo chuyên ngành, bộ môn	Năm 2009	Phòng QLKH-HTQT, ĐHYHP	
7.3-6	Toàn văn tạp chí và các bài báo được đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước từ năm 2005-2009	Số 543/2006; Số 563/2006; Tập 327, tháng 10/ 2006 ; Tập 340, tháng 11 - Số		
	Quy hoạch tổng thể phát triển trường Đại học Y Hải Phòng đến năm 2020.	Kèm theo quyết định số 4968/QĐ-BYT ngày 30/11/2006	Bộ Y tế	Minh chứng dùng chung
Tiêu chí 7.4				
7.4-1	- Quyết định phê duyệt đề tài NCKH và triển khai thực nghiệm "Nghiên cứu mối tương quan giữa kháng nguyên đặc hiệu và đột biến gen trong ung thư tuyến tiền liệt. Đề xuất một số giải pháp phát hiện sớm" - Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố. - Biên bản nghiệm thu đề tài	Số 2623/QĐ-UB Ngày 14/11/2005	UBND thành phố Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
		Số 81/QĐ-KHCN Ngày 18/05/2009 Ngày 29/5/2009	Sở KH&CN Hải Phòng	
7.4-2	Quyết định phê duyệt đề tài NCKH và triển khai thực nghiệm: Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật PCR (Phản ứng khuếch đại chuỗi AND) chẩn đoán nhiễm HIV, viêm gan B (HBV) và viêm gan C (HCV) trong xét nghiệm máu tại Hải Phòng	Số 2586/QĐ-UBND Ngày 25/12/2007	UBND thành phố Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
7.4-3	- Quyết định phê duyệt đề tài NCKH "Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ở các trạm y tế xã của Hải Phòng".	Số 174/QĐ-KHCN Ngày 18/8/2008 Số 201/QĐ-KHCN Ngày 23/12/2009	Sở KH&CN Hải Phòng Sở KH&CN Hải Phòng	Minh chứng dùng chung

	- Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố. - Biên bản nghiệm thu đề tài	Ngày 30/12/2009		
7.4-4	- Quyết định phê duyệt đề tài NCKH "Dự báo nguy cơ bệnh động mạch vành trong cộng đồng thành phố Hải Phòng". - Biên bản nghiệm thu đề tài	Số 1583/QĐ-UBND Ngày 19/7/2006 Ngày 16/10/2008	UBND thành phố Hải Phòng Sở KH&CN Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
Tiêu chí 7.5				
7.5-1	- Sổ chi tiết các tài khoản năm 2007. - Sổ chi tiết các tài khoản năm 2008	Ngày 31/12/2007 Ngày 31/12/2008	Trường đại học y Hải Phòng Trường đại học y Hải Phòng	
Tiêu chí 7.6				
7.6-1	- Quyết định công nhận tập thể hướng dẫn luận văn thạc sĩ y học - Quyết định thành lập hội đồng chấm luận văn thạc sĩ y học cho học viên lớp cao học khoá II(2006-2008) chuyên ngành y tế công cộng	Số 105/QĐ-YHP Ngày 20/3/2008 Số 641/QĐ-YHP Ngày 14/11/2008	Trường đại học y Hải Phòng Trường đại học y Hải Phòng	
7.6-2	- Quyết định thành lập hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ y học ở khoa cho nghiên cứu sinh - Biên bản đánh giá luận án tiến sĩ y học ở bộ môn	Số 1577/YHN-QĐ Ngày 24/7/2009 Ngày 4/9/2009	Trường đại học y Hà Nội Trường đại học y Hà Nội	
7.6-3	Quyết định phê duyệt đề tài NCKH "Thực trạng thiếu máu dinh dưỡng (thiếu sắt, vitamin A) các yếu tố liên quan, giải pháp phòng chống thiếu máu dinh dưỡng ở trẻ tuổi bú mẹ tại ngoại thành Hải Phòng".	Số 2587/QĐ-UBND Ngày 25/12/2007	UBND thành phố Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
7.6-4	- Quyết định công nhận tên đề tài và cán bộ hướng dẫn NCS khoá 24 năm 2005.	Số 2445/QĐ-YHN Ngày 30/11/2005	Trường đại học y Hà Nội	
7.6-5	- Quyết định phê duyệt đề tài NCKH "Thực trạng nhiễm khuẩn tiết niệu ở trẻ em Hải Phòng từ 2 tháng đến 6 tuổi và đề xuất giải pháp làm giảm tỷ lệ mắc bệnh. - Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố. - Biên bản nghiệm thu đề tài	Số 1585/QĐ-UBND Ngày 19/7/2006 Số 235/QĐ-KHCN Ngày 20/11/2008 Ngày 27/11/2008	UBND thành phố Hải Phòng Sở KH&CN Hải Phòng Sở KH&CN Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
7.6-6	- Quyết định về việc nghiệm thu giáo trình giảng dạy "Tài liệu thực tập sinh học đại cương" - Bài giảng Y đức - Bài giảng huấn luyện kỹ năng y khoa. - Bài giảng Tai - Mũi - Họng - Bài giảng thực tập Dược lý	Số 415/QĐ-YHP Ngày 28/11/2006 Hà Nội năm 2009 Hà Nội năm 2009 Hà Nội năm 2009 Hà Nội năm 2009	Trường đại học y Hải Phòng Nhà xuất bản y học	
7.6-7	- Báo cáo dự án "tăng cường	Ngày 4/10/2009	Ban điều phối	

	chất lượng phòng chống HIV/AIDS thông qua việc cải thiện chất lượng giảng dạy dự phòng HIV/AIDS tại trường Đại học y và Cao đẳng y tế Hải Phòng		dự án HIV/AIDS trường đại học y Hải Phòng	
Tiêu chí 7.7				
7.7-1	Quyết định của Bộ trưởng Bộ y tế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Hải Phòng	số 4573/QĐ-BYT, Ngày 29/11/2005	Bộ Y tế	Minh chứng dùng chung
7.7-2	Quy định về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn năng lực, đạo đức đối với các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Cơ sở	Số 25/QĐ-YHP Ngày 11/01/2010	Trường đại học y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
7.7-3	Quyết định về việc ban hành quy định về quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học.	Số 78/2008/QĐ-BGDĐT Ngày 29/ 12/2008	Bộ Giáo dục – Đào tạo	
7.7-4	Giấy chứng nhận đăng ký kết quả đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ đề tài "Thực trạng môi trường bệnh tật, đề xuất giải pháp bảo vệ sức khỏe người làm nghề đúc và cộng đồng tại xã Mỹ Đồng - Thủy Nguyên - Hải Phòng". Chủ nhiệm đề tài: TS. Phạm Văn Hán	Số 5745/KQNC-TTKHCN Ngày 7/4/2006	Trung tâm Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia	
7.7-5	Quyết định về việc nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài NCKH "nghiên cứu hoàn thiện phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm phối hợp đặt thủy tinh nhân tạo qua đường rạch giác mạc bậc thang phía thái dương tại Hải Phòng" Chủ nhiệm TS. Khúc Thị Nhụ.	Số 1172/QĐ-UBND Ngày 23/6/2009	UBND thành phố Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 8.1				
8.1-1	Quyết định thành lập ĐHY Hải Phòng		Thủ tướng chính phủ	Dùng chung
8.1-2	Danh sách các đối tác			
8.1-3	Qui định hoạt động của phòng QLKH-HTQT	29/11/2005	Bộ trưởng Y tế	Dùng chung
8.1-4	Công văn trình an ninh		Hiệu trưởng	
8.1-5	Báo cáo định kỳ			
8.1-6	Danh sách sinh viên, lưu học sinh của ĐHY HP tại cơ sở đối tác		Phòng QLKH-HTQT	
8.1-7	Báo cáo sở ngoại vụ		Hiệu trưởng	
8.1-8	Công văn đệ trình vụ hợp tác quốc tế BYT, Bộ GDĐT		Hiệu trưởng	
Tiêu chí 8.2				
8.2-1	Danh sách cán bộ theo FFI		Phòng QLKH-HTQT	
8.2-2	Danh sách giảng viên Pháp ngữ chuyên ngành		Phòng QLKH-HTQT	
8.2-3	Danh sách sinh viên đối tác học tại Hải Phòng		Phòng QLKH-HTQT	
8.2-4	Danh sách sinh viên Hải Phòng học tại cơ sở đối tác		Phòng QLKH-HTQT	
8.2-5	Bài giảng Y đức		Dự án	

			HIV/AIDS	
8.2-6	Danh sách cán bộ đang học tập tại cơ sở đối tác	7/8/2008	Bộ trưởng Y tế	
8.2-7	Thành lập trung tâm xét nghiệm sinh học phân tử	497/QĐ-BYT	Bộ trưởng Y tế ký	
8.2-8	Quyết định cử người đi Quảng Tây	7/8/2005	Hiệu trưởng ĐHY ký	
Tiêu chí 8.3				
8.3-1	Hợp đồng nghiên cứu xu thế kháng thuốc HIV/AIDS		Hiệu trưởng	
8.3-2	Sách xanh(Blue Print Book)		Dự án Việt Nam-Hà Lan	
8.3-3	Nghiên cứu chi phí đào tạo		Dự án Việt Nam-Hà Lan	
8.3-4	Kết quả nghiên cứu tai nạn giao thông (JICA)		Phòng QLKH-HTQT	
8.2-7	Dự án HIV/AIDS và danh sách hội thảo HIV/AIDS		Dự án HIV/AIDS	
8.3-6	Hợp đồng nghiên cứu xu thế kháng thuốc HIV/AIDS		Hiệu trưởng	
Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 9.1				
9.1-1	Biên bản kiểm kê tài liệu giáo trình từ năm 2005 - 2009		P. Hiệu trưởng Nguyễn Đức Thành	
9.1-2	Biên bản kiểm kê tài liệu tham khảo từ năm 2005 - 2009		P. Hiệu trưởng Nguyễn Đức Thành	
9.1-3	Biên bản kiểm kê tài liệu ngoại văn từ năm 2005 - 2009		P. Hiệu trưởng Nguyễn Đức Thành	
9.1-4	Danh mục báo		P. Hiệu trưởng Nguyễn Đức Thành	
9.1-5	Danh mục tạp chí		P. Hiệu trưởng Nguyễn Đức Thành	
9.1-6	Thông báo về việc thành lập thành lập tủ sách bộ môn	12/04/2007	P. Hiệu trưởng Phạm Văn Hán	
9.1-7	Tỷ lệ đầu sách/ngành			
9.1-8	Sách bổ sung hàng năm		PGĐ. Hoàng Thị Ngọc	
9.1-9	Thống kê số lượt sách, bạn đọc được phục vụ		PGĐ. Hoàng Thị Ngọc	
9.1-10	Nội quy thư viện	28/02/2005	P. Hiệu trưởng Nguyễn Đức Thành	
9.1-11	Bảng hướng dẫn tìm tin		PGĐ. Hoàng Thị Ngọc	
9.1-12	TL hướng dẫn khai thác và sử dụng thư viện		Hoàng Thị Ngọc.	
9.1-13	Tin học hoá công tác TV			
9.1-14	Nội quy TVĐT	23/02/2004	Hiệu trưởng Nguyễn Hữu Chính	
9.1-15	Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ internet	24/12/2003	Bưu điện TP. Hải Phòng	
9.1-16	Hợp đồng mua phần mềm	15/07/2001	Nam Hoàng	
	Tiêu chí 9.2			
9.2-1	Lịch phân công giảng đường	hàng tuần	Phòng đào tạo	
9.2-2	QĐ phân công phòng học, thực tập	25-9-2007	Trường Đại học Y Hải	

	(Khu 225c Lạch tray)		Phòng	
9.2-3	QĐ Thành lập Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng	04-4-2007	Bộ y tế	
9.2-4	QĐ Phân công phòng học (Khu 72 NG-B KH)	24-10-2006	Trường Đại học Y Hải Phòng	
9.2-5	-Hồ sơ thiết kế, thẩm định XD giảng đường tại Bệnh viện Nhi-HP	11-5-2000	Bộ Y Tế	
	Hồ sơ thiết kế XD giảng đường tại BV Kiến An.	3-7-1980	Trường Đại học Y Hải Phòng	
	-QĐ Xây dựng giảng đường tại BV Việt Tiệp	1-7-1977	UBND Thành Phố Hải Phòng	
	-Giấy phép nâng cấp XD giảng đường tại BV Việt Tiệp.	7-1-2002	Sở XD Thành phố Hải Phòng.	
	Giấy phép xây dựng giảng đường tại BV YHDT-HP	25-12-2001	Bộ Y Tế	
	Kết quả phê duyệt kinh phí XD giảng đường tại BV YHDT- HP	15-01-2000	Bộ Y Tế	
	Văn bản thống nhất giữa BV YHDT và Trường Đại học Y H-P	1-6-1999	Trường Đại học Y H-P	
Biên bản họp giữa Trường Đại học Y H-P và BV Tâm thần	22-5-1999	Trường Đại học Y H-P		
Thông báo thẩm định hồ sơ thiết kế				
Quyết định phê duyệt mở rộng trường Đại học Y H-P	31-10-2008	Bộ Y Tế		
			Bộ Y Tế	
	Tiêu chí 9.3			
9.3-1	Quyết định phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước	-Số 86/QĐ-BYT ngày 11/01/2007 -Số 1123/QĐ-BYT ngày 31/03/2008	Bộ Y Tế	
9.3-2	Danh sách phòng ban, bộ môn được trang bị điều hoà	31/12/2009	Trường Đại học Y Hải phòng	
9.3-3	Danh sách phòng ban, bộ môn được trang bị máy văn phòng	31/12/2009	Trường Đại học Y Hải phòng	
9.3-4	Danh sách giảng đường được trang bị hệ thống âm thanh, ánh sáng, máy chiếu	31/12/2009	Trường Đại học Y Hải phòng	
9.3-5	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật mua sắm trang thiết bị trang bị cho các bộ môn chuyên ngành	Số 2130/QĐ-BYT ngày 11/06/2008	Bộ Y Tế	
9.3-6	Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu mua sắm trang thiết bị năm 2008	Số 4160/QĐ-BYT ngày 23/10/2008	Bộ Y Tế	
	Tiêu chí 9.4			
9.4-1	Danh sách tổng số máy tính để bàn, máy tính xách tay được trang bị đến 06/2009	31/12/2009	Trường Đại học Y Hải phòng	
9.4-2	Danh sách tổng số máy in, máy chiếu được trang bị đến 12/2009	31/12/2009	Trường Đại học Y Hải phòng	
9.4-3	Danh sách phòng ban, bộ môn được trang bị máy tính, máy in	31/12/2009	Trường Đại học Y Hải phòng	
9.4-4	Danh sách các trường bộ môn, ban giám hiệu được trang bị máy tính xách tay	31/12/2009	Trường Đại học Y Hải phòng	

9.4-5	Biên bản bàn giao thiết bị phòng hội thảo đa chức năng			
9.4-6	Hợp đồng cung cấp dịch vụ Internet của VNPT			
9.4-7	Danh sách các thiết bị Tin học hiện đại khác	31/12/2009	Trường Đại học Y Hải phòng	
9.4-8	Danh sách máy tính được trang bị cho bộ môn Tin học, trung tâm Thông tin - Thư viện	31/12/2009	Trường Đại học Y Hải phòng	
	Tiêu chí 9.5			
9.5-1	Bảng quyết toán khối lượng nhà chính 7 tầng	2009	Trường Đại học Y Hải Phòng	
9.5-2	Giấy phép XD nhà 5 tầng A Quyết định XD đơn nguyên nhà 5 tầng B	6-12-1988 2-12-1994	UBND Thành phố Hải Phòng Bộ Y Tế	
9.5-3	-Hồ sơ thiết kế, thẩm định XD giảng đường tại Bệnh viện Nhi-HP Hồ sơ thiết kế XD giảng đường tại BV Kiến An. -QĐ Xây dựng giảng đường tại BV Việt Tiệp -Giấy phép nâng cấp XD giảng đường tại BV Việt Tiệp. Giấy phép xây dựng giảng đường tại BV YHDT-HP Kết quả phê duyệt kinh phí XD giảng đường tại BV YHDT- HP Văn bản thống nhất giữa BV YHDT và Trường Đại học Y H-P Biên bản hợp giữa Trường Đại học Y H-P và BV Tâm thần Thông báo thẩm định hồ sơ thiết kế Quyết định phê duyệt mở rộng trường Đại học Y H-P	11-5-2000 3-7-1980 1-7-1977 7-1-2002 25-12-2001 15-01-2000 1-6-1999 22-5-1999 31-10-2008	Bộ Y Tế Trường Đại học Y Hải Phòng UBND Thành Phố Hải Phòng Sở XD Thành phố Hải Phòng. Bộ Y Tế Bộ Y Tế Trường Đại học Y H-P Trường Đại học Y H-P Bộ Y Tế Bộ Y Tế	Dùng chung 9.2-5
9.5-4	Quyết định xây dựng ký túc xá sinh viên khu 2 tầng -Hợp đồng thuê nhà 5 tầng Quyết toán nhà ăn, nhà ở sinh viên	14-9-2001 1-11-1999 2004	Bộ Y Tế Công ty kinh doanh nhà ở Trường Đại học Y Hải Phòng	
9.5-5	Quyết định thành lập đội thanh niên xung kích	3-10-2008	Đoàn thanh niên Trường Đại học Y Hải Phòng	
9.5-6	Nội quy ký túc xá	30-12-2004	Trường Đại học Y Hải Phòng	
9.5-7	Một số quy định đối với sinh viên, học viên	10-9-2004	Trường Đại học Y Hải Phòng	
	Tiêu chí 9.6			
9.6-1	QĐ phân công phòng làm việc (Khu 225c Lạch Tray)	25-9-2007	Trường Đại học Y Hải	

			Phòng	
9.6-2	QĐ phân công phòng làm việc (khu 72 N-B-K)	24-10-2006	Trường đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
	Các văn bản về xây dựng phòng học tại các bệnh viện		Trường đại học Y Hải Phòng và các bệnh viện	Minh chứng dùng chung
	Tiêu chí 9.7			
9.7-1	Quyết định cho phép Cơ sở 2 Trường Đại học Y Hà Nội sử dụng nhà 2 tầng tại 225C Lạch Tray QĐ Cấp đất mở rộng Trường đại học Y H-P QĐ Cấp đất mở rộng mặt bằng Trường Đại học Y Hải phòng Giấy phép xây dựng tường rào	27-7-1979 4-2-1988 30-10-1989 21-12-1989	UBND Thành Phố Hải Phòng Sở XD TP Hải Phòng	
	QĐ Cấp đất mở rộng Trường Đại học Y Hải Phòng QĐ Cấp đất mở rộng Trường Đại học Y Hải Phòng QĐ Cấp đất mở rộng cổng Trường Đại học Y Hải Phòng	24-12-1999 2-8-2002 27-12-2006	UBND Thành Phố Hải Phòng	
	Tiêu chí 9.8			
9.8-1	Quy hoạch phát triển tổng thể trường tới năm 2010	2007		Minh chứng dùng chung
9.8-2	Quyết định 4269/QĐ - BYT phê duyệt dự án đầu tư, xây dựng, mở rộng Trường Đại học Y Hải Phòng	2008		
	Quyết định 3479/QĐ - BYT phê duyệt đầu tư xây dựng, mở rộng Trường Đại học Y Hải Phòng	1999		
	Quyết định 3863/QĐ - BYT phê duyệt giai đoạn 1 dự án đầu tư xây dựng, mở rộng Trường Đại học Y Hải Phòng	2004		
	Quyết định 1231/QĐ - TTg giao đất xây dựng mở rộng Trường Đại học Y Hải Phòng	1999		
	Quyết định 1739/QĐ - UB cho phép Trường Đại học Y Hải Phòng sử dụng đất hành lang quốc lộ 5	2002		
	Báo cáo thực hiện dự án đầu tư và kế hoạch năm 2005 dự án xây dựng, mở rộng Trường Đại học Y Hải Phòng	2004		
9.8-3	Công văn số 14/BGH ngày 01/4/1997 về quy mô phát triển cơ sở vật chất Trường Đại học Y Hải Phòng từ 1997 tới năm 2000 và những năm sau.	1997		
9.8-4	Quyết định số 328/QĐ - YHP ngày 24/10/2006 về việc phân công phòng làm việc cho các phòng ban, bộ môn tại khu trường mới	2006		Minh chứng dùng chung
9.8-5	Sổ theo dõi tài sản	2005, 2006, 2007, 2008, 2009		

9.8-5	Danh mục bổ sung sách hằng năm	2005, 2006, 2007, 2008, 2009		
	Tiêu chí 9.9			
	Thông tư số 10/2002/TT - BCA	Ngày 26/8/2002		
9.9-1	Phương án bảo vệ của trường			
9.9-2	Hợp đồng thuê bảo vệ với Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Hùng Vương			
9.9-2	Hợp đồng hỗ trợ công tác an ninh của trường với phòng PA25 – CA thành phố HP	2005, 2006, 2007, 2008, 2009		
9.9-2	Lịch trực của bảo vệ	2005, 2006, 2007, 2008, 2009		
9.9-2	Danh sách đội xung kích và Ban phòng chống thiên tai, cháy nổ của trường			
9.9-3	Danh sách Tổ bảo vệ	2007, 2008, 2009		
9.9-3	Danh sách bảo vệ của trường đi tập huấn nghiệp vụ	2005, 2006, 2007, 2008, 2009		
9.9-3	Báo cáo công tác bảo vệ của Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Hùng Vương	2007, 2008, 2009		
9.9-4	Báo cáo công tác bảo vệ an ninh của trường	2005, 2006, 2007, 2008, 2009		
	Tiêu chuẩn 10			
	Tiêu chí 10.1			
10.1-1	Dự toán thu chi ngân sách năm 2004, 2005, 2006, 2007, 2008		Trường ĐHYHP	
10.1-2	Quyết toán năm 2006, 200, 2008 Bệnh Viện Đại Học Y Hải Phòng		Trường ĐHYHP	
10.1-3	Quyết định số /QĐ-BYT về việc cho phép trường Đại Học Y HPhòng mở thêm mã ngành đào tạo		Bộ Y Tế	
10.1-4	Các hộ đồng cho thuê mặt bằng trạm thông tin DD khu vực I , Hợp đồng cho thuê căng tin , nhà xe		Trường ĐHYHP	
10.1-5	Các hợp đồng nghiên cứu khoa học		Trường ĐHYHP	
	Tiêu chí 10.2			
10.2-1	Dự trù mua sắm , vật tư tiêu hao ..vv của các phòng ban , bộ môn trường Đại học Y Hải Phòng các năm 2004, 2005, 2006, 2007, 2008		Trường ĐH Y Hải Phòng	
10.2-2	Hợp Đồng mua phần mềm quản lý tài chính		Trường ĐH Y Hải Phòng	
10.2-3	Biên bản họp hội nghị dân chủ Trường ĐH Y Hải Phòng các năm 2004, 2005, 2006, 2007, 2008		Trường ĐH Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
10.2-4	Quy chế chi tiêu nội bộ		Trường ĐH Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung
10.2-5	Báo cáo Quyết toán năm 2004, 2005, 2006, 2007, 2008 và biên bản kiểm toán năm 2007		Trường Đại học Y Hải Phòng	
	Tiêu chí 10.3			
10.3-1	Quyết định giao dự toán chi nhân sách hàng năm		Bộ Y Tế	

10.3-2	Báo cáo Quyết toán năm 2004, 2005, 2006, 2007, 2008 và biên bản kiểm toán năm 2007		Trường Đại học Y Hải Phòng	
10.3-3	Biên bản họp hội nghị dân chủ Trường ĐH Y Hải Phòng các năm 2004, 2005, 2006, 2007, 2008		Trường Đại học Y Hải Phòng	Minh chứng dùng chung

PHẦN I. CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC
Thời điểm báo cáo tính đến ngày 01/11/2009

I. Thông tin chung của nhà trường

1. Tên trường (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

Tiếng Anh: HAI PHONG MEDICAL UNIVERSITY

2. Tên viết tắt của trường:

Tiếng Việt: ĐHYHP

Tiếng Anh: HMU

3. Tên trước đây: Phân hiệu Đại học Y Hải Phòng

4. Cơ quan/ Bộ chủ quản: Bộ Y tế

5. Địa chỉ trường: 72A – Nguyễn Bình Khiêm – Đằng Giang – Ngô Quyền – Hải Phòng

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại 0313.733.311 Số fax 3733315

Email: dhyhp@hn.vnn.vn

Website: <http://www.dhyhp.edu.vn>

7. Năm thành lập: Thành lập năm 1999 theo Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1979

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 1985

10. Loại hình trường đào tạo:

Công lập

Bán công

Dân lập

Tư thực

Loại hình khác: Liên kết đào tạo.

II. Giới thiệu khái về trường

11. Quá trình phát triển của Trường Đại học Y Hải Phòng

- Giai đoạn 1: Trường là cơ sở II của Trường Đại học Y Hà Nội (từ 9/1979 đến 8/1985)

- Giai đoạn 2: Trường mang tên: Phân hiệu Đại học Y Hải Phòng (từ 8/1985 đến 24/01/1999)

- Giai đoạn 3: Trường Đại học Y Hải Phòng được thành lập theo Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ Tướng Chính Phủ.

Trong quá trình 30 năm xây dựng và phát triển, Trường Đại học Y Hải Phòng luôn hoàn thành nhiệm vụ chính trị Nhà nước giao cho đối với công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, ổn định chính trị và chăm lo đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và sinh viên nhà trường.

Những năm gần đây nhà trường đã có bước tiến vượt bậc, đột phá trong nhiệm vụ đào tạo. Để đáp ứng nhu cầu và xu hướng phát triển của xã hội, từ một trường đào tạo đơn ngành, nay đã trở thành trường đào tạo đa ngành, đa cấp. Hiện trường có 7 mã ngành đại học và 23 mã ngành sau đại học, góp phần tạo nguồn nhân lực y tế cho khu vực và cả nước.

Năm 2009 cơ cấu tổ chức của trường gồm: Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học và giáo dục; 09 phòng, 01 trung tâm, 03 ban chức năng; 34 bộ môn;

01 khoa (trực thuộc khoa có 04 bộ môn), 09 đơn vị phục vụ đào tạo, khoa học và công nghệ. Dự kiến thành lập khoa Y tế công cộng và khoa Răng – Hàm – Mặt vào năm 2009.

Tổng số giảng viên cơ hữu của trường có đến tháng 2/2009 là 188 người, trong đó: GS: 01; PGS: 05; TS: 21; BSCK2: 11; BSCK1: 6; ThS: 66; ĐH: 78. Tổng số giảng viên kiêm chức là 134 người trong đó: GS: 8; PGS: 12; TS: 22; BSCK2: 31; ThS: 23; BSCK 1 +DSCK1: 35; ĐH: 3.

Bên cạnh việc tăng cao về số lượng tuyển sinh hàng năm, trường đã quan tâm đến việc nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, từng bước áp dụng phương pháp dạy – học tích cực, cải tiến việc lượng giá sinh viên. Mối qua hệ Viện – Trường được tăng cường, được Bộ Y tế đánh giá là một trong những địa phương khá nhất hiện nay. Với 8 bệnh viện thực hành là các bệnh viện chuyên khoa loại 1 và 2 của thành phố với đội ngũ giảng viên kiêm chức đông đảo và có trình độ cao. Nhờ vậy chất lượng đào tạo của trường đã được nâng cao, nhiều sinh viên của trường sau khi tốt nghiệp đều có việc làm ổn định tại các cơ sở y tế có uy tín trong nước.

Công tác đối ngoại – hợp tác quốc tế: Trường đã mở rộng mối quan hệ với các nước có sử dụng tiếng Pháp, là thành viên của tổ chức CIDMEF và AUF; hợp tác với các trường đại học Rouen, Marseille, Bordeaux (Pháp) và một số trường đại học Y của các nước Pháp, Nhật Bản, Hoa kỳ, Hàn Quốc, Trung Quốc, Australia...

PHẦN II: TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hiện Quyết định số 76/2007/QĐ-BGDĐT ngày 14 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) về Quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Trường Đại học Y Hải Phòng đã tiến hành công tác Tự đánh giá từ tháng 01/2008.

Mục đích tự đánh giá của nhà trường:

1. Nhằm hiểu rõ hơn thực trạng của nhà trường trên tất cả các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ của nhà trường đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Từ đó tìm ra những điểm mạnh, điểm tồn tại, cơ hội và thách thức đối với nhà trường.
2. Đề xuất kế hoạch, biện pháp và thời gian cụ thể nhằm tiếp tục phát huy những điểm mạnh và từng bước cải tiến chất lượng các hoạt động của nhà trường.
3. Đăng kí kiểm định chất lượng và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.
4. Báo cáo Bộ Y tế đầu tư nguồn lực cho nhà trường để Trường phát triển trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ chất lượng cao của cả nước và khu vực.

Quá trình tự đánh giá:

Trước khi tiến hành tự đánh giá, nhà trường đã cử một nhóm cán bộ tham dự các khóa tập huấn, hội thảo về tự đánh giá và kiểm định chất lượng do Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng Bộ GD&ĐT tổ chức nhằm nghiên cứu, học tập và học hỏi kinh nghiệm của các trường đã thực hiện kiểm định.

Nhà trường đã thành lập Hội đồng Tự đánh giá gồm 11 thành viên (Quyết định số 35/QĐ-YHP ngày 17/01/2008), đồng thời thành lập Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách là cán bộ thuộc các phòng chức năng liên quan và một số cán bộ giảng dạy cùng tham gia đánh giá. Mỗi nhóm công tác chuyên trách do một thành viên Hội đồng phụ trách, trên cơ sở phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng nhóm. Mỗi nhóm công tác có 4-5 người, phụ trách 1-3 tiêu chuẩn. Mỗi thành viên của Ban thư ký tham gia không quá 2 nhóm công tác

chuyên trách. Trong quá trình triển khai công việc, có sự phối hợp của các đơn vị (phòng, ban, trung tâm) liên quan trong Trường, hỗ trợ các nhóm công tác thực hiện nhiệm vụ.

Trường đã mời chuyên gia tư vấn tham gia vào quá trình tự đánh giá (*tập huấn, hướng dẫn tự đánh giá, phản biện báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn, báo cáo chung*) và tổ chức các Hội thảo tập huấn công tác tự đánh giá cho các cán bộ chuyên trách và cán bộ, giảng viên, nhân viên toàn Trường.

Trên cơ sở Kế hoạch Tự đánh giá, các nhóm công tác đã tiến hành thu thập thông tin và minh chứng, xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được và viết thành báo cáo. Mỗi tiêu chí và tiêu chuẩn đều được phản biện, kiểm tra chéo thông tin giữa các nhóm và góp ý của chuyên gia tư vấn.

Cuối tháng 7/2009, bản dự thảo “*Báo cáo Tự đánh giá của Trường Đại học Y Hải Phòng*” đã hoàn thành với sự đóng góp công sức và trí tuệ của các thành viên nhóm công tác, Ban thư ký và nhóm cán bộ Ban đảm bảo chất lượng. Bản dự thảo đã được các nhóm công tác cùng chuyên gia tư vấn đọc, rà soát, chỉnh sửa từng nội dung cụ thể. Ngày 28/7/2009, Hội đồng Tự đánh giá của nhà trường đã họp phiên toàn thể, có sự tham gia của chuyên gia tư vấn để góp ý, cập nhật thông tin và hoàn thiện báo cáo. Ngày 30/7/2009, nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của các cán bộ, viên chức trong Trường.

Sau khi chỉnh sửa, Trường đã công bố chính thức Báo cáo Tự đánh giá, đồng thời tiếp tục tiếp thu ý kiến đóng góp và kinh nghiệm của các cán bộ, giảng viên, nhân viên, các nhà khoa học trong và ngoài trường về kiểm định chất lượng. Bản Báo cáo cuối cùng được Hội đồng Tự đánh giá thông qua và được Hiệu trưởng nhà trường phê duyệt, gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo đăng ký kiểm định.

II. TỔNG QUAN CHUNG

Mở đầu

Trường Đại học Y Hải Phòng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Y tế, chịu sự quản lý nhà nước của Bộ GD & ĐT. Trong quá trình 30 năm xây dựng và phát triển đã trải qua 3 giai đoạn. Từ 9/1979 đến 8/1985 là cơ sở 2 của Trường Đại học Y khoa Hà Nội. Từ 9/1985 đến 24/01/1999 là Phân hiệu trực thuộc Trường Đại học Y khoa Hà Nội. Từ 25/01/1999 đến nay mới chính thức là Trường Đại học Y Hải Phòng.

Như vậy mặc dù đã có thâm niên 30 năm xây dựng và phát triển nhưng Trường mới thực sự hoạt động độc lập từ năm 1999 đến nay. Mười năm qua Trường đã có những bước phát triển mạnh mẽ trên tất cả các lĩnh vực, tạo ra một diện mạo mới, khẳng định được vị thế của mình trong đội ngũ các trường đại học y, dược trong cả nước.

Trong phần tổng quan này, Trường Đại học Y Hải Phòng xin phép được trình bày những nét hết sức khái quát về bối cảnh chung của nhà trường và chỉ ra những phát hiện chính trong quá trình triển khai tự đánh giá theo các vấn đề, không đi theo thứ tự các tiêu chuẩn Bộ GD & ĐT đã quy định.

Về sứ mạng và mục tiêu của Trường Đại học Y Hải Phòng

1. Những điểm mạnh

Việc xây dựng sứ mạng của Trường Đại học Y Hải Phòng là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng. Trường đã xác định sứ mạng của nhà trường một cách rõ ràng, đúng đắn, phù hợp với chức năng nhiệm vụ của nhà trường, cũng như phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước, định hướng cho mọi hoạt động của nhà trường. Là một trường có nghiên cứu chuyên sâu về y học biển là một điểm đặc thù trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của nhà trường.

Sứ mạng của trường đã được phổ biến và công bố rộng rãi trong cán bộ, viên chức và sinh viên của nhà trường sau khi được Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhà trường xác định và thông qua.

2. Những tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng

Trường chưa tận dụng được mọi phương tiện để quảng bá rộng rãi sứ mạng của Trường. Từ năm học 2009-2010 trở đi, Trường có kế hoạch thường

xuyên phổ biến sứ mạng của trường thông qua các sinh hoạt tập thể, qua tuần sinh hoạt chính trị đầu năm học cho các lớp sinh viên mới, nhất là số sinh viên mới nhập trường. Đồng thời đưa sứ mạng của nhà trường ở vị trí trang trọng trên trang Website của Trường.

Về đội ngũ cán bộ

1. Những điểm mạnh

Công tác cán bộ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Nhà trường đã thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ; triển khai thực hiện đúng quy trình tuyển viên chức, quy trình bổ nhiệm, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo các cấp; bố trí, sắp xếp, điều động và sử dụng cán bộ hợp lý, thực hiện đúng chế độ chính sách Nhà nước quy định. Đội ngũ giảng viên của Trường được quan tâm bổ sung về số lượng, tạo mọi điều kiện thuận lợi về vật chất và tinh thần để học tập nâng cao trình độ (*chuyên môn, ngoại ngữ, tin học, quản lý nhà nước, chính trị trung cao cấp...*) cả ở trong và ngoài nước. Cho đến năm 2015 số lượng giảng viên của trường có 400/511 biên chế, chiếm tỷ lệ 70%; trong đó có 01 GS, 19 PGS, 29 Tiến sĩ, 151 thạc sĩ, 11 Bác sĩ CKII, 04 Bác sĩ CKI, 04 giảng viên cao cấp, 87 giảng viên chính... Tỷ lệ giảng viên đạt chuẩn chiếm tỷ lệ cao trên 60%; số giáo sư, phó giáo sư chiếm tỷ lệ cao so với các trường đại học khác trong thành phố. Tỷ lệ quy đổi số sinh viên trên giảng viên trung bình đạt tỷ lệ 14,8 sinh viên/01 giảng viên.

Trường cũng quan tâm bố trí đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực quản lý, với cơ cấu hợp lý và cơ bản đã đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định. Hàng năm qua đánh giá, phân loại, các cán bộ lãnh đạo đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhiều cán bộ của trường được tin nhiệm giao đảm nhiệm nhiều chức vụ lãnh đạo trong Ban giám đốc, lãnh đạo các khoa, phòng tại các bệnh viện thực hành trong thành phố.

Trường đã có nhiều hình thức và biện pháp đảm bảo quyền dân chủ của CBVC và người lao động. Nhờ việc thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà

trường, nhiều năm qua không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, đảm bảo sự đoàn kết nhất trí cao trong nhà trường.

2. Những tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ giảng dạy ở một số bộ môn khoa học cơ bản, y học cơ sở chưa có trình độ tiên sỹ như: bộ môn Toán-Tin; Lý luận chính trị; Ngoại ngữ; Y vật lý; Y sinh học-Di truyền và Ký sinh trùng [5.5-1]. Việc tuyển viên chức bổ sung cho các bộ môn này cũng đang gặp khó khăn. Nhà trường chưa có kế hoạch định kỳ bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên. Chính sách đãi ngộ cho cán bộ đi học sau đại học còn thấp. Trường tuy đã có chính sách thu hút những người có năng lực, trình độ chuyên môn cao về công tác tại trường (như tuyển thẳng các sinh viên tốt nghiệp loại giỏi về Trường...) nhưng chế độ đãi ngộ còn thấp. Số giảng viên có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn ít. Trong giai đoạn 2010 - 2015, Trường tiếp tục thực hiện tốt công tác quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên. Xây dựng cơ chế hấp dẫn nhằm thu hút những người có kinh nghiệm chuyên môn và có trình độ sau đại học về công tác ở trường. Có kế hoạch định kỳ bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên và ưu tiên tuyển dụng những nhân viên có kinh nghiệm công tác, năng lực nghiệp vụ giỏi. Đồng thời có chính sách hỗ trợ về thời gian và kinh phí, tìm kiếm nguồn tài trợ để tạo điều kiện tốt hơn cho các giảng viên đi học nâng cao trình độ ngoại ngữ theo các chương trình quốc tế về phục vụ công tác đào tạo của trường.

Về cơ sở vật chất

1. Những điểm mạnh

Để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học, Trường đã quan tâm đầu tư trang thiết bị chuyên ngành, hiện đại phục vụ dạy/ học và nghiên cứu khoa học; xây dựng các phòng học và các labô thực tập; quan tâm đầu tư cho Thư viện, phát triển công nghệ thông tin để đáp ứng nhu cầu tra cứu, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập của cán bộ, sinh viên.

Hiện nay Trường có 51 phòng học, 3 phòng thí nghiệm và 17 phòng thực tập với tổng diện tích là 8.408,25m², diện tích bình quân 2,7m²/sinh viên, đảm bảo

tương đối đủ nhu cầu dạy/học theo kế hoạch, sinh viên không phải học 3 ca. Tổng diện tích sử dụng của các phòng ban, bộ môn là 2.520m², diện tích bình quân 8,8m²/người. Trường cũng trang bị tổng số 281 máy tính (234 máy tính để bàn, 2 máy server và 45 máy tính xách tay), trong đó có 93 máy tính phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập. Có 46 máy tính xách tay phục vụ cho quản lý và 142 máy tính phục vụ cho công việc văn phòng.

Thư viện nhà trường với số lượng đầu sách và số lượng tên sách đủ lớn, nhiều trang thiết bị tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu, tìm tài liệu. Vốn tài liệu chuyên ngành phong phú, đa dạng, tỷ lệ đầu sách đạt 69,7 đầu sách/ ngành đào tạo. Trong 5 năm gần đây, Thư viện được bổ sung 350 tên sách tương đương 11.178 cuốn sách các loại đáp ứng tối đa nhu cầu sử dụng của cán bộ giảng viên và sinh viên trong toàn trường. Thư viện điện tử của nhà trường đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin trực tuyến của người đọc. Với phương pháp phục vụ tận tình chu đáo, thời gian mở cửa Thư viện hợp lý, Thư viện đã tạo điều kiện cho người học, giảng viên, cán bộ quản lý khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên của trường cũng như nguồn tài nguyên mạng.

2. Những tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng

Còn một số phòng thực tập và phòng học diện tích cũng chật hẹp sẽ được khắc phục khi Trường hoàn thành Dự án xây dựng giai đoạn 2 (2010-2013).

Từ năm học 2009-2010, Trường sẽ quan tâm đầu tư kinh phí để bổ sung thêm các trang thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu của các bộ môn. Đồng thời đầu tư nhiều hơn cho Thư viện điện tử của Nhà trường theo hướng hiện đại hoá, phát huy tối đa Thư viện điện tử, triển khai Thư viện số, đào tạo người dùng tin chuyên nghiệp. Đồng thời mở rộng quan hệ hợp tác với hệ thống Thư viện điện tử trong và ngoài nước, ưu tiên hợp tác với các Thư viện điện tử ngành y dược.

Về tài chính và quản lý tài chính

1. Những điểm mạnh

Thực hiện Nghị định 10 của Chính phủ, Trường đã tự chủ được về mặt tài chính, đảm bảo nguồn thu hàng năm theo quy định. Công tác quản lý tài chính

của trường được tin học hoá sử dụng các phần mềm quản lý. Quản lý tài chính của trường được thực hiện chuẩn hoá, minh bạch, chính xác và có hiệu quả, đúng các chế độ của Nhà nước. Qua công tác thanh tra, kiểm tra duyệt quyết toán, Bộ Y tế và Kiểm toán nhà nước đã đánh giá tốt công tác quản lý tài chính của nhà trường. Trường đã thực hiện đúng, không vi phạm các quy định về chế độ quản lý tài chính. Việc phân bổ và sử dụng các nguồn kinh phí đúng quy định, hợp lý, rõ ràng, minh bạch, có hiệu quả đã góp phần nâng cao nguồn lực của trường. Cơ sở vật chất được nâng cấp, thu nhập cán bộ được nâng cao thêm hàng tháng với hệ số 30%, đời sống tinh thần được cải thiện, kinh phí được phân bổ và sử dụng hợp lý.

2. Những tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng

Nguồn thu từ nghiên cứu khoa học còn thấp; việc giao dự toán mua sắm trang thiết bị còn chậm, dẫn đến tình trạng đơn vị thực hiện thủ tục mua sắm đôi khi không đảm bảo thời gian, việc giải ngân công chậm. Để làm tốt công tác này, từ năm học 2009-2010, một mặt Trường sẽ đề nghị Bộ Y tế có kế hoạch giao chỉ tiêu sớm hơn, mặt khác Trường sẽ làm tốt hơn sự phối hợp giữa phòng Vật tư - Trang thiết bị với các bộ môn trong việc xây dựng cấu hình trang thiết bị, lập dự toán mua sắm, tổ chức đấu thầu đảm bảo tiến độ về thời gian và giải ngân kịp thời.

Về tổ chức và quản lý

1. Những điểm mạnh

Hệ thống tổ chức bộ máy nhà trường từ 2 cấp trước đây (bao gồm: Ban giám hiệu (9 phòng và 3 ban) - 34 bộ môn trực thuộc), được phân chia thành 3 khối (khối khoa học cơ bản, khối y học cơ sở và khối y học lâm sàng) phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của một trường đại học đào tạo đơn ngành (bác sĩ đa khoa), nay đã trở thành trường 3 cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo đa ngành, đa cấp. Hiện trường đã có Khoa Điều dưỡng, Khoa Y tế công cộng và khoa Răng- Hàm-Mặt . Cơ cấu tổ chức của trường đã hoạt động hiệu quả, đáp ứng nhu cầu và xu hướng phát triển của xã hội. Đến nay trường có 7 mã ngành

đại học và 23 mã ngành sau đại học, góp phần tạo nguồn nhân lực y tế cho khu vực và cả nước.

Đề phù hợp với chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của từng đơn vị trực thuộc, nhà trường có hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý được quy định rõ ràng và khá cụ thể. Trường cũng đã xây dựng rõ chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của các phòng, ban, bộ môn, trách nhiệm và quyền hạn của cán bộ lãnh đạo các cấp, giúp cho công tác quản lý điều hành có hiệu quả tốt. Phân định chức năng, trách nhiệm, quyền hạn rõ ràng, tạo được môi trường làm việc thoải mái, thúc đẩy phát triển, tăng cường tính chủ động làm cho chất lượng, hiệu quả công việc ngày càng tốt hơn.

Đảng bộ cơ sở và các tổ chức quần chúng trong nhà trường là đơn vị mạnh, hoạt động đều tay và có kết quả tốt, được cấp trên đánh giá tốt. Đảng bộ nhà trường hàng năm đã kết nạp được 30 đảng viên mới, vượt chỉ tiêu đại hội Đảng bộ nhà trường đề ra. Phong trào nhân đạo, từ thiện, hiến máu tình nguyện là thế mạnh của nhà trường, là điểm sáng của thành phố Hải Phòng.

2. Những tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiện nay Trường chưa thành lập Hội đồng trường. Chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác hợp tác quốc tế. Trường sẽ xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Y tế về việc triển khai thành lập Hội đồng Trường theo đúng quy định. Năm 2010, Trường sẽ ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác hợp tác quốc tế để làm cơ sở đẩy mạnh hơn nữa công tác này.

Về chương trình giáo dục

1. Những điểm mạnh

Trường đại học Y Hải Phòng hiện có 8 chương trình giáo dục (CTGD), tất cả các chương trình giáo dục của trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ GD & ĐT ban hành. Các chương trình giáo dục của Trường đều có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực thị trường; được định kỳ đánh giá, bổ sung, điều chỉnh trên cơ sở tham khảo các ý kiến giảng viên của các Bộ môn, ý kiến phản

hồi từ các nhà tuyển dụng lao động và sự thống nhất của Hội đồng khoa học nhà trường, ý kiến của người tốt nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế xã hội. Bên cạnh đó để phù hợp với đặc thù của ngành y tế, chương trình giáo dục của nhà trường còn được thiết kế theo hướng cộng đồng, giúp người học có những kiến thức phù hợp với đặc thù và nhu cầu của địa phương và khu vực. Trường đã xây dựng chương trình đào tạo liên thông ở chuyên ngành bác sĩ đa khoa hệ 4 năm trên cơ sở qui định của Bộ GD & ĐT và Bộ Y tế. Để có cơ sở đánh giá chương trình giáo dục, Trường đã có một số đề tài nghiên cứu về vấn đề này, nhưng chưa thật đầy đủ cho các chương trình giáo dục khác nhau vì có một số chương trình giáo dục mới chưa có sinh viên tốt nghiệp ra trường.

2. Những tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng

Việc lấy các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác cũng thực hiện chưa thường xuyên. Từ năm 2010, Trường sẽ tiếp tục triển khai lấy ý kiến phản hồi về chương trình giáo dục của các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác, đặc biệt với những ngành đào tạo mới chưa có sinh viên tốt nghiệp từ đó bổ sung điều chỉnh chương trình giáo dục của mình.

Về hoạt động đào tạo

1. Những điểm mạnh

Để nâng cao chất lượng công tác đào tạo, Trường luôn chú trọng đến việc đổi mới phương pháp dạy và học, bằng việc áp dụng phương pháp dạy/học tích cực, với nhiều hình thức như: thảo luận nhóm, đóng vai, dạy học dựa vào bằng chứng, dạy học dựa trên vấn đề (EBM, PBL)... Để đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, Trường đã quan tâm đến việc đào tạo theo hướng cộng đồng, gắn liền với thực tế xã hội giúp sinh viên học tập đạt kết quả tốt hơn. Phương pháp đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên được nhà trường tổ chức thực hiện định kỳ theo từng năm học. Trường còn có Đơn vị phương pháp dạy học là một đơn vị chức năng nghiên cứu chuyên sâu về đổi mới phương pháp dạy học. Trường cũng luôn quan tâm đến việc lượng giá sinh viên, một mặt đảm bảo tổ

chức thi nghiêm túc, mặt khác đã áp dụng nhiều phương pháp lượng giá khách quan giúp cho việc đánh giá sinh viên đảm bảo khách quan và công bằng.

Trường đã quan tâm quản lý tốt dữ liệu và hồ sơ công tác đào tạo, quản lý chặt chẽ văn bằng tốt nghiệp và các chứng chỉ đào tạo. Điểm học tập của sinh viên hàng năm được thông báo về cho gia đình, làm tốt công tác phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong quản lý sinh viên. Với hệ thống thư viện điện tử, giúp sinh viên có thể tra cứu tài liệu học tập trên mạng và kết quả điểm thi của môn học trên trang Website của nhà trường.

2. Những tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng

Hiện nhà trường chưa mở được hình thức đào tạo từ xa; ngân hàng câu hỏi để xây dựng bộ đề thi trắc nghiệm còn chưa đủ mạnh. Năm 2010 nhà trường sẽ tổ chức đào tạo theo hình thức từ xa, đồng thời sẽ xây dựng ngân hàng đề thi trắc nghiệm đủ mạnh cho sinh viên (khoảng trên 1000 câu hỏi cho mỗi môn học) và ngân hàng này có thể công bố công khai cho sinh viên tham khảo ngay từ đầu năm học.

Để chuẩn bị cho việc đào tạo theo tín chỉ, Trường đang xây dựng kế hoạch và một lộ trình cụ thể, phù hợp để chuẩn bị những điều kiện tốt nhất cho việc chuyển dần từ đào tạo theo niên chế (học phần - học trình) sang đào tạo theo học chế tín chỉ (học phần - tín chỉ) trong năm học 2011-2012.

Việc khảo sát đánh giá tính hiệu quả của việc đổi mới phương pháp giảng dạy đối với các giảng viên chưa được nhà trường thực hiện thường xuyên. Từ năm học 2011 đến 2012, Trường sẽ xây dựng một hệ thống tiêu chí nhằm đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên theo định kỳ hàng năm; trong đó có khảo sát ý kiến đánh giá từ các kênh thông tin như: người giảng viên tự đánh giá; đồng nghiệp đánh giá, sinh viên đánh giá....

Nhà trường chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu đầy đủ và hoàn thiện về tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp, cũng như các ý

kiến của lãnh đạo, cán bộ tại các tuyến y tế về chất lượng đào tạo của nhà trường. Năm 2010, theo kế hoạch nhà trường sẽ thành lập bộ phận chuyên trách về tình hình sinh viên của trường sau khi tốt nghiệp (về việc làm, thu nhập, đơn vị công tác...) do Bộ phận quản lý sinh viên của phòng Đào tạo đại học phụ trách.

Về người học

1. Những điểm mạnh

Mọi sinh viên của trường đều được đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách, được đảm bảo tốt những điều kiện học tập, sinh hoạt và tham gia các hoạt động trong nhà trường, được tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, được chăm sóc sức khoẻ thường xuyên và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường. Sinh viên còn được phổ biến và hướng dẫn đầy đủ các thông tin liên quan đến học tập, các chế độ chính sách liên quan đến quyền lợi của mình. Các chế độ chính sách đối với người học trong trường Đại học Y Hải Phòng được thực hiện theo đúng quy chế, đúng chính sách của Đảng và Nhà nước và được công bố công khai.

Công tác rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được Đảng uỷ, Ban giám hiệu nhà trường chú trọng và chỉ đạo tốt việc tổ chức thực hiện. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban chức năng với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, triển khai tốt các cuộc vận động như: ” Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; phong trào thi đua ” Hai tốt”; thực hiện tốt ” Quy tắc ứng xử của cán bộ nhân viên y tế” v.v... nên đã đạt hiệu quả tốt. Các hoạt động ngoại khoá được nhà trường tổ chức thường xuyên với các chương trình văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, các CLB sở thích của sinh viên v.v... đã thu hút sinh viên vào các hoạt động lành mạnh và bổ ích. Qua các hoạt động này, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh nhà trường đã giới thiệu cho Đảng bộ những đoàn viên ưu tú, được cử đi học lớp bồi dưỡng cảm tình đảng. Tỷ lệ người học được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Việt Nam ngày càng tăng về số

lượng và chất lượng ngày càng cao. Trong nửa nhiệm kỳ (2,5 năm) vừa qua Đảng bộ đã kết nạp được 73 quân chủng ưu tú vào Đảng.

2. Những tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng

Do diện tích mặt bằng còn hạn chế nên sân bãi phục vụ nhu cầu hoạt động thể dục thể thao cho người học còn hạn chế. Ký túc xá chưa đủ đáp ứng cho nhu cầu của sinh viên.

Trong thời gian tới Trường sẽ tăng cường phối kết hợp giữa nhà trường-gia đình-xã hội trong công tác quản lý sinh viên nội trú và ngoại trú. Trình Bộ tạo điều kiện cung cấp nguồn vốn trái phiếu Chính phủ để xây dựng khu khách sạn sinh viên của trường, phấn đấu đến năm 2015 có đủ chỗ ở cho khoảng 50% số sinh viên của trường. Phối hợp chặt chẽ giữa các Phòng, Ban chức năng với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội sinh viên trong công tác rèn luyện chính trị tư tưởng và đạo đức lối sống cho sinh viên.

Về nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ

1. Những điểm mạnh

Nét nổi bật của Trường là các nghiên cứu khoa học luôn bám sát vào vào mục tiêu chiến lược phát triển khoa học công nghệ của ngành Y tế, UBND Thành phố Hải Phòng và của nhà trường, từ đó xây dựng mục tiêu nghiên cứu phù hợp với nhu cầu thực tế nhằm giải quyết giải quyết các vấn đề sức khỏe cộng đồng dân cư thành phố và các tỉnh lân cận. Trong 5 năm qua, trường đã triển khai thực hiện 18 đề tài cấp Bộ và thành phố; trên 100 đề tài cấp trường được thực hiện dựa vào nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học thường xuyên và hơn 50 đề tài được hoàn thành trên cơ sở tận dụng các nguồn kinh phí hỗ trợ khác. Hoạt động nghiên cứu khoa học đã có những đóng góp lớn cho sự phát triển nguồn lực của đơn vị, là động lực thúc đẩy cán bộ, giảng viên tích cực nâng cao chất lượng giảng dạy tại các bộ môn. Nhiều đề tài khoa học có ứng dụng thực tế, giải quyết các vấn đề của ngành và địa phương.

2. Những tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng

Nguồn vốn dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học chưa được quản lý và điều tiết một cách hợp lý nên nguồn thu từ các sản phẩm khoa học công nghệ

còn hạn chế. Để khắc phục thực trạng này, trường sẽ xây dựng quy chế thu - chi trong nghiên cứu khoa học để tăng nguồn thu cho đơn vị. Một số đề tài cấp cơ sở nghiệm thu chậm, chưa công bố và chia sẻ kết quả nghiên cứu trên các tạp chí chuyên ngành; chưa có sản phẩm khoa học nào được đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ; số lượng giảng viên có bài báo đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước chưa đồng đều ở các bộ môn. Năm học 2010-2011 Trường sẽ đưa ra những biện pháp cụ thể để khắc phục những hạn chế trên, đồng thời có chính sách quản lý, hỗ trợ các nhà khoa học tìm kiếm đối tác trong hoạt động khoa học công nghệ.

Về hoạt động hợp tác quốc tế

1. Những điểm mạnh

Trường đã có mối quan hệ hợp tác với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực. Nhờ các Dự án đào tạo, hợp tác trong nghiên cứu khoa học, trao đổi học thuật, hỗ trợ các hoạt động chuyên môn y tế... Trường đã dần khẳng định uy tín của mình dưới con mắt của bạn bè quốc tế. Hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo của Trường đã tạo ra được nguồn lực có chất lượng cao phục vụ cho sự nghiệp đào tạo của Trường. Hợp tác cũng mang lại nguồn tài chính giúp trường nâng cấp cơ sở vật chất, xây dựng cơ sở thực hành, đào tạo...

2. Những tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng

Trường chưa có văn bản qui định cụ thể về hoạt động đối ngoại. Do biên chế còn hạn hẹp nên cán bộ làm công tác đối ngoại còn mỏng và kiêm nhiệm. Chưa tận dụng hết các cơ hội mà các quan hệ mang lại cho nhà trường. Tuy đã có hợp tác nghiên cứu khoa học nhưng còn ít về số lượng và nghèo về loại hình.

Trong năm học tới, Trường cần xây dựng văn bản quy định cụ thể về công tác hợp tác quốc tế. Tăng cường cán bộ có năng lực, có trình độ ngoại ngữ và khả năng giao tiếp để làm tốt nhiệm vụ đối ngoại.

III. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học

Mở đầu

Sứ mạng của Trường Đại học Y Hải Phòng được xác định bằng văn bản rõ ràng vào quý 2 năm 2009. Sứ mạng này hoàn toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với các nguồn lực, định hướng phát triển của Trường.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của Thành phố Hải Phòng và khu vực miền Duyên hải, các mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được nêu cụ thể, rõ trong từng giai đoạn và có phương hướng thực hiện đến năm 2020.

Tiêu chí 1.1: Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển của nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng trên cơ sở Phân Hiệu Đại học Y Hải Phòng, Trường Đại học Y Hải Phòng có nhiệm vụ: Đào tạo cán bộ các ngành Y học ở bậc đại học. Nghiên cứu khoa học Y học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Đào tạo sau đại học (BSCK1) [1.1-1]. Nghị quyết của Ban chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Y Hải Phòng vào tháng 4 năm 2009 đã nêu rõ: sứ mạng của Trường là “*Xây dựng và phát triển Trường Đại học Y Hải Phòng trở thành Trường Đại học Y – Dược đào tạo đa ngành, đa cấp đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực y tế góp phần bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là đào tạo chuyên ngành y học biển-đảo; Xây dựng Trường trở thành trung tâm khoa học Y-Dược có uy tín trong nước và quốc tế*” [1.1-2].

Ngay sau khi Đảng uỷ tuyên bố nghị quyết về sứ mạng, các chi bộ, các phòng ban chức năng đã phổ biến đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức và sinh viên trong đơn vị mình và trong nhà trường hiểu rõ nội dung của sứ mạng Trường Đại học Y Hải Phòng, tuy nhiên sứ mạng mới mẻ và chưa được công bố rộng rãi trước sinh viên và công chúng.

Tháng 11 năm 2006 Bộ Y tế đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể Trường Đại học Y Hải Phòng, với chức năng, nhiệm vụ là thực hiện đào tạo liên tục đối với cán bộ ngành Y tế, đáp ứng nhu cầu cán bộ y tế cho công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, đặc biệt đi sâu nghiên cứu những vấn đề liên quan đến sức khỏe người đi biển, đảo [1.1-3]. Tính đến ngày 30/6/2009 Trường Đại học Y Hải Phòng có 188 cán bộ giảng viên cơ hữu và 134 giảng viên thỉnh giảng [1.1-4]. Cơ sở vật chất với khu trường mới rộng gần 5ha, khu bệnh viện trường và các khu giảng đường trong 8 bệnh viện thực hành trong thành phố [1.1-5]. Phân đấu đến năm 2020 có 500 cán bộ cơ hữu và hoàn chỉnh cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại ngang tầm khu vực và quốc tế để phục vụ cho quy mô đào tạo 6000 sinh viên và Bệnh viện Trường trên 400 giường bệnh. Từng bước xây dựng Trường trở thành trung tâm khoa học Y - Dược có uy tín trong nước và quốc tế [1.1-6].

Trong những năm qua, Trường Đại học Y Hải Phòng đã đóng góp tích cực trong việc cung cấp nguồn nhân lực về số lượng và chất lượng cũng như phối hợp với các Bệnh viện, Trung tâm Y tế trong Thành phố; thực hiện mục tiêu lâu dài của ngành Y tế làm cho sức khỏe nhân dân ngày một tốt hơn, bệnh tật ngày một giảm, phù hợp với chiến lược phát triển ngành Y tế Hải Phòng theo Nghị quyết số 32 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Hải Phòng thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá; trong đó Y tế Hải Phòng phấn đấu trở thành Trung tâm Y học khu vực duyên hải Bắc bộ [1.1-7].

Cùng với chiến lược chung của cả nước, Trường Đại học Y Hải Phòng đã tích cực triển khai Nghị quyết TW 4 khoá X về chiến lược biển Việt Nam và triển khai Chiến lược quốc gia y tế dự phòng Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2006, Trường Đại học Y Hải Phòng đã thực hiện mở rộng mã ngành đào tạo Y học dự phòng năm 2007, thành lập Khoa Y tế công cộng năm 2009 nhằm đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng cán bộ ngành y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt nghiên cứu y học biển, những vấn đề liên quan đến sức khỏe người đi biển và cộng đồng dân cư vùng ven biển, hải đảo [1.1-4], [1.1-5].

2. Những điểm mạnh

Sứ mạng của Trường đã gắn liền với sự phát triển kinh tế xã hội của Hải Phòng và miền Duyên hải.

3. Những tồn tại

Sứ mạng chưa được quán triệt đầy đủ, thường xuyên đến toàn bộ cán bộ, nhân viên, sinh viên của trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Công bố rộng rãi về sứ mạng của Trường cho toàn thể cán bộ và sinh viên vào đầu năm học 2009-2010 và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 1.2: Mục tiêu của trường đại học được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục và sứ mạng đã tuyên bố của nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả

Tháng 11 năm 2006 Bộ Y tế đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển Trường Đại học Y Hải Phòng đến năm 2020, trong đó xác định rõ mục tiêu của Trường là phát triển đào tạo cán bộ Y-Dược ở các bậc đại học và sau đại học; xây dựng cơ cấu tổ chức đáp ứng quy mô đào tạo, phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học của Luật Giáo dục ban hành theo Nghị quyết của Quốc Hội khoá X về đào tạo người học có ý thức phục vụ nhân dân; đào tạo các trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [1.2-1].

Để đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực y tế chăm sóc sức khoẻ nhân dân, mục tiêu của Trường Đại học Y Hải Phòng được rà soát và điều chỉnh trong 3 giai đoạn chính. Giai đoạn 1: Trường là cơ sở 2 của Trường Đại học Y Hà Nội (từ 9/1979 đến 8/1985), mục tiêu của giai đoạn này là đào tạo bác sĩ đa khoa, chuyên khoa vệ sinh công nghiệp, Y tế hàng hải và bổ túc bác sĩ chuyên khoa cấp I [1.2-2]. Giai đoạn 2: Trường là Phân hiệu Đại học Y Hải Phòng (từ 8/1985 đến 1/1999), mục tiêu của giai đoạn này là đào tạo và bổ túc cán bộ y tế

có trình độ đại học, trên đại học (BSCK1) [1.1-3]. Giai đoạn 3: thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng theo Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ với mục tiêu đào tạo cán bộ ngành Y ở bậc đại học; nghiên cứu khoa học Y học phục vụ phát triển kinh tế-xã hội; đào tạo sau đại học (BSCK1) [1.1-4].

Từ một Phân hiệu trở thành Trường độc lập, mục tiêu phấn đấu của Trường không ngừng được điều chỉnh, từng bước xây dựng phù hợp với sứ mạng của trường. Để đáp ứng nhu cầu thực tế xã hội, năm 2008 mục tiêu của Trường được rà soát và bổ sung, mở rộng thêm một số chuyên ngành khác như: đào tạo bác sĩ y học dự phòng, bác sĩ Răng-Hàm-Mặt, bác sĩ Nhi, cử nhân Điều dưỡng và cử nhân Kỹ thuật y học [1.1-5].

Để thực hiện các mục tiêu đào tạo, nhà trường đã triển khai về cơ cấu tổ chức phù hợp với nhu cầu đào tạo, cụ thể năm 2008 nhà trường đã triển khai thành lập khoa Điều dưỡng nhằm đào tạo chuyên sâu cho cử nhân Điều dưỡng [1.1-5]. Nhà trường chuẩn bị thành lập Khoa Răng-Hàm-Mặt, Khoa Y tế công cộng, bộ môn Kỹ thuật y học để đáp ứng mục tiêu đào tạo chuyên ngành tuyển sinh năm 2009 [1.1-6]. Phấn đấu đến năm 2010 nhà trường sẽ thành lập Khoa Dược và một số bộ môn chuyên sâu nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, thực hiện tốt mục tiêu và từng bước hoàn thành sứ mạng của Trường.

2. Những điểm mạnh

Mục tiêu đào tạo của Trường liên tục được điều chỉnh, đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực y tế và nhu cầu của xã hội.

3. Những tồn tại

Mục tiêu của Trường chưa được phổ biến cho toàn thể cán bộ và sinh viên trong Trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Mục tiêu của Trường sẽ được phổ biến trong đợt sinh hoạt chính trị đầu năm học 2009-2010.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Việc xây dựng sứ mạng, mục tiêu của Trường Đại học Y Hải Phòng là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng. Sứ mạng, mục tiêu của nhà trường được xác định rõ ràng, được hoàn thiện trên cơ sở các ý kiến đóng góp trí tuệ tập thể của toàn thể cán bộ viên chức và nhân viên và từng bước phổ biến rộng rãi trong toàn trường. Mục tiêu của trường được tiến hành rà soát định kỳ được điều chỉnh phù hợp nguồn lực và định hướng phát triển từng giai đoạn và có sự gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội địa phương miền Duyên hải và của cả nước. Tiêu chuẩn 1 có 02/02 tiêu chí đạt yêu cầu.

Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý

Mở đầu

Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Y Hải Phòng được sắp xếp và kiện toàn theo đúng quy định của Điều lệ trường đại học được Thủ tướng Chính phủ ban hành. Trường có Quy chế về tổ chức và hoạt động được Bộ Y tế phê duyệt năm 2005 làm cơ sở để cụ thể hoá, thiết lập cơ cấu tổ chức. Để phù hợp với chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của từng đơn vị trực thuộc trường, nhà trường có hệ thống văn bản về tổ chức và quản lý được quy định rõ ràng. Ngoài ra việc phân định rõ chức năng, trách nhiệm, quyền hạn theo quy định của tổ chức Đảng, đoàn thể, các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên đã tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý, điều hành công tác của Trường. Công tác đảm bảo chất lượng giáo dục được luôn quan tâm và đã thành lập bộ phận chuyên trách để triển khai các hoạt động đánh giá, nâng cao chất lượng giáo dục. Công tác báo cáo định kỳ và không định kỳ cho cơ quan chủ quản và cơ quan quản lý đã đi vào nề nếp, được thực hiện đầy đủ và lưu trữ tốt tại phòng chức năng và Phòng Hành chính-Tổng hợp.

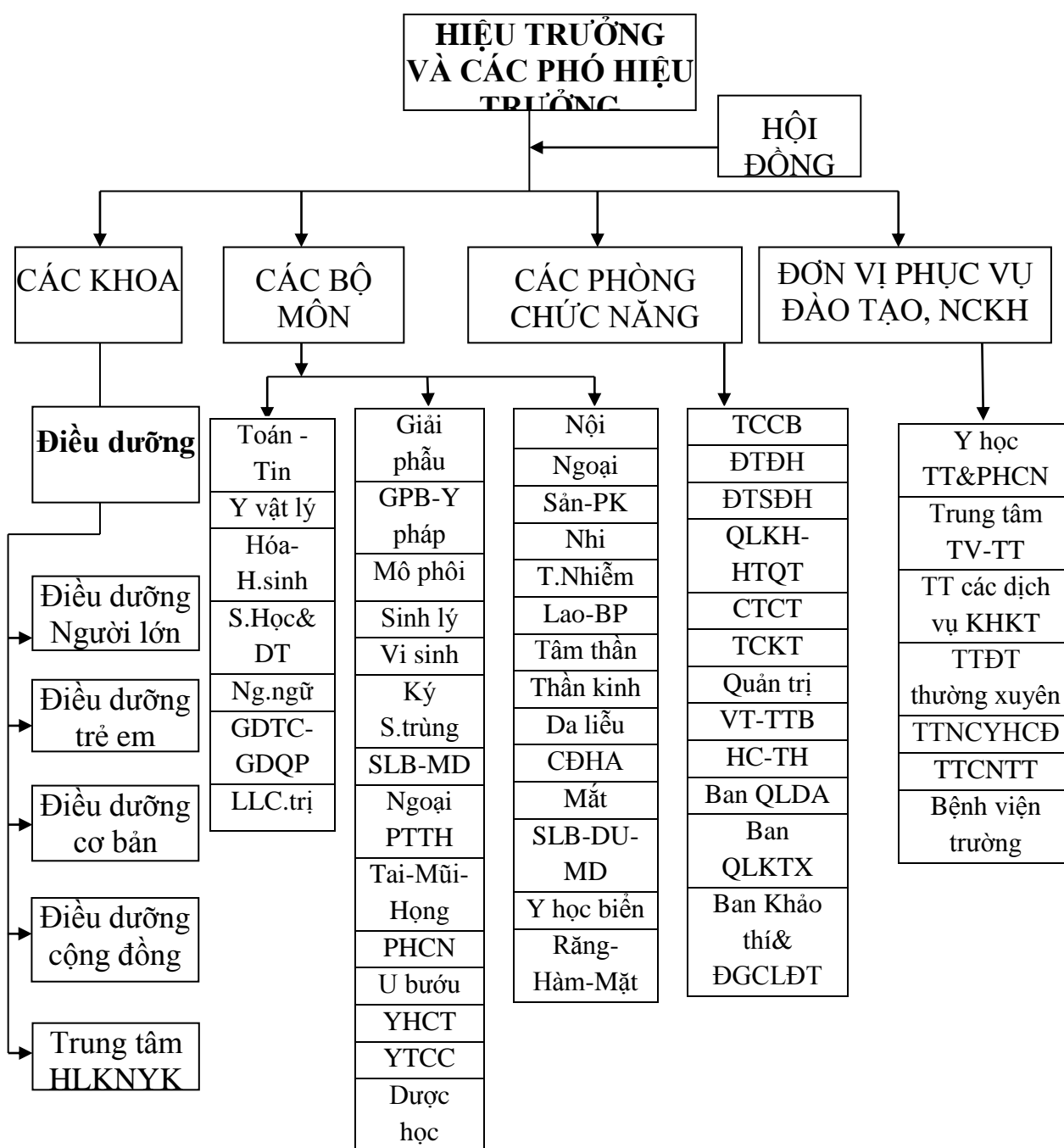
Nhằm thực hiện tốt chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường trong Quy hoạch phát triển trường đến năm 2020 được Bộ Y tế phê duyệt năm 2006, nhà trường luôn có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch hàng năm.

Tiêu chí 2.1: Cơ cấu tổ chức của Trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và được cụ thể hoá trong quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Tính đến tháng 9 năm 2009, cơ cấu tổ chức của nhà trường gồm: Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học và Giáo dục; 9 phòng, 3 ban chức năng; 34 bộ môn; 3 khoa với 4 bộ môn trực thuộc; 7 đơn vị phục vụ đào tạo, khoa học và công nghệ:

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Y Hải Phòng



Thực hiện Điều lệ trường đại học của Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định số 153/2003, Trường Đại học Y Hải Phòng đã được Bộ Y tế phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động vào năm 2005, trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Hải Phòng, từng đơn vị đã được cụ thể hoá với chức năng, nhiệm vụ rõ ràng [2.1-1].

Với sự phát triển và đáp ứng nhu cầu xã hội về đào tạo, khám chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ nhân dân, năm 2009 một số đơn vị mới được thành lập và tách độc lập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và chuyên sâu: Quyết định tách Phòng Đào tạo thành 2 bộ phận: Quản lý đào tạo; Quản lý sinh viên [2.1-2]. Thành lập Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng năm 2007 [2.1-3]. Năm 2008 thành lập Khoa Điều dưỡng và 4 bộ môn trực thuộc khoa [2.1-4]. Thành lập Ban khảo thí và quản lý chất lượng đào tạo [2.1-5]. Tháng 10/2009 thành lập Khoa Y tế công cộng và Khoa Răng Hàm Mặt [2.1-6].

Cơ cấu tổ chức của trường đã hoạt động hiệu quả, đáp ứng nhu cầu và xu hướng phát triển của xã hội, từ một trường đào tạo đơn ngành, nay đã trở thành trường đào tạo đa ngành, đa cấp. Hiện trường đang đào tạo 7 chuyên ngành đại học và 23 chuyên ngành sau đại học, góp phần tạo nguồn nhân lực y tế cho khu vực và cả nước.

2. Những điểm mạnh

Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường được chi tiết đến từng đơn vị.

3. Những tồn tại

Trường chưa thành lập Hội đồng trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thành lập Hội đồng trường trong năm 2010

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu tiêu chí

Tiêu chí 2.2: Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của nhà trường

1. Mô tả

Để tổ chức và quản lý hiệu quả các hoạt động của Trường Đại học Y Hải Phòng trong những năm qua, trên cơ sở những văn bản pháp qui của Chính Phủ, các Bộ..., nhà trường đã ban hành nhiều văn bản tổ chức quản lý trên tất cả các lĩnh vực hoạt động, cụ thể như sau:

Hệ thống văn bản về tổ chức cán bộ [2.2-1]

Với hệ thống văn bản về tổ chức cụ thể và chi tiết đã giúp cho công tác quản lý nhân sự: tuyển dụng, bổ nhiệm được thực thi theo đúng qui trình hướng dẫn. Việc phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng bộ phận phòng, ban trong trường đã giúp cho việc giải quyết các công việc trong Trường được nhanh chóng thuận lợi đúng người đúng việc.

Hệ thống văn bản về đào tạo đại học; đào tạo sau đại học [2.2-2]

Với hệ thống văn bản về đào tạo, đào tạo sau Đại học đã giúp quản lý tốt hơn các hoạt động về đào tạo của trường, VD: kết quả học tập của sinh viên phải gắn với kết quả rèn luyện của sinh viên và tỷ lệ mức xếp loại do nhà trường quy định; mức thanh toán giờ giảng cho giảng viên được dựa trên chức danh và hệ số lương.

Hệ thống văn bản về Quản lý khoa học và hợp tác Quốc tế [2.2-3]

Đối với hệ thống văn bản này, nhà trường chưa xây dựng được văn bản hướng dẫn về công tác hợp tác quốc tế riêng mà hầu hết hoạt động đều dựa trên các văn bản của cấp trên nên hoạt động quản lý khoa học chưa được quản lý chặt chẽ và có hiệu quả

Hệ thống văn bản về quản lý tài chính, vật tư trang thiết bị gồm có: quy chế chi tiêu nội bộ, dự toán, quyết toán hàng năm, chế độ cho cán bộ đi học, công tác, qui định về mức thanh toán giờ giảng cho giảng viên [2.2-4]

Mọi hoạt động liên quan đến tài chính trong trường đều được thực hiện dựa trên hệ thống văn bản về quản lý tài chính của trường. Mọi chi tiêu trong trường đều dựa theo quy chế chi tiêu nội bộ.

Về hệ thống văn bản về hành chính, quản trị gồm có: quy định sử dụng con dấu, thẩm quyền ký, qui định về sử dụng hội trường lớn, qui định về việc sử dụng điện, điện thoại, xe công...[2.2-5]

2. Những điểm mạnh

Hệ thống các văn bản để tổ chức và quản lý các hoạt động của nhà trường được phân định rõ ràng theo công việc cụ thể.

3. Những tồn tại

Chưa xây dựng các văn bản hướng dẫn về công tác hợp tác quốc tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2010, ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác hợp tác quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.3: Chức năng trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.

1. Mô tả

Trường Đại học Y Hải Phòng trong quá trình hiện thực hoá mục tiêu, Nhà trường đã xác định được việc phân định rõ ràng chức năng trách nhiệm, quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên là một việc làm rất quan trọng. Chính vì vậy trong thời gian qua Nhà trường đã xây dựng các văn bản quy định cụ thể về chức năng trách nhiệm và quyền hạn đối với các phòng, ban, bộ môn, các cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên cụ thể như sau:

Ban Giám hiệu (1 Hiệu trưởng, 4 Phó hiệu trưởng) phân công công việc được quy định tại Quyết định số 374/QĐ-BGH ngày 9/11/2006 cụ thể như sau:

Đồng chí Hiệu trưởng phụ trách chung toàn bộ hoạt động của trường; 01 đồng chí Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác đào tạo sau đại học và nghiên cứu khoa học; 01 đồng chí Phó Hiệu trưởng phụ trách kinh tế và công tác đoàn thể (Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên); 01 đồng chí Phó hiệu trưởng phụ trách công tác đào tạo đại học (kế hoạch giảng dạy) và mở mã ngành mới. 01 đồng chí phó Hiệu trưởng (kiêm nhiệm) phụ trách công tác phối hợp Viện-Trường [2.3-1].

Năm 2005 Trường đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trực thuộc Trường Đại học Y Hải Phòng. Hiện nay Trường có 9 phòng chức năng, 3 ban, 04 Trung tâm 01 Bệnh viện, 01 khoa và 34 bộ môn đều

được phân định rõ ràng. Các phòng, ban chức năng có nhiệm vụ tham mưu, tổng hợp, đề xuất ý kiến giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý và tổ chức thực hiện các công việc do Hiệu trưởng phân công.

Các bộ môn là đơn vị cơ sở về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Trường. Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy học tập các môn trong chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của Trường. [2.3-2]

Cán bộ quản lý đảm nhiệm chức vụ trưởng, phó trưởng phòng, ban, khoa, bệnh viện và bộ môn đều có chức năng, trách nhiệm, quyền hạn để lãnh đạo đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị. Tham gia các buổi giao ban cán bộ chủ chốt có vai trò tham mưu cho cấp ủy, chính quyền... [2.3-3]

Đội ngũ giảng viên và nhân viên trong quy chế tổ chức và hoạt động của trường đã nêu rõ chức năng, trách nhiệm và quyền hạn: Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hiện đầy đủ các quy chế của Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Y tế; Hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn và công tác khác được trường, phòng ban, bộ môn giao; Tham gia đóng góp ý kiến vào việc giải quyết những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Tham gia công tác quản lý Trường, Tham gia công tác Đảng, công tác Đoàn thể khi được tin nhiệm; Được hưởng lương, phụ cấp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật và của Trường; được xét tặng các danh hiệu theo quy định của pháp luật; Viết giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, không ngừng bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, cải tiến phương pháp đào tạo và nghiên cứu khoa học. Được ký hợp đồng giảng dạy, khoa học công nghệ với các cơ sở đào tạo, cơ sở nghiên cứu theo quy định hiện hành; Được đăng ký xét công nhận, được bổ nhiệm chức danh theo quy định hiện hành của Nhà nước [2.3-4] .

2. Những điểm mạnh

Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được chi tiết hóa đến từng bộ phận

3. Những tồn tại

Việc giám sát thực hiện chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2010 Trường sẽ tiến hành kiểm tra hàng năm việc thực hiện chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của từng cá nhân, đơn vị một cách chặt chẽ để công tác quản lý của Trường có nề nếp và hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.4: Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hàng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

1. Mô tả

Đảng bộ nhà trường là Đảng bộ cơ sở, trước năm 2008 trực thuộc Quận uỷ Ngô Quyền [2.4-1], từ năm 2008 đến nay trực thuộc Thành uỷ Hải Phòng [2.4-2]. Tính đến ngày 31/5/2009, Đảng bộ có 374 đảng viên, sinh hoạt tại 21 chi bộ [2.4-3]. Đảng bộ đã hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, thực hiện đúng các quy định của Điều lệ Đảng quy định. Trong 5 năm qua Đảng bộ đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo toàn diện mọi hoạt động của nhà trường; làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tổ chức học tập, nghiên cứu quán triệt các nghị quyết Đảng các cấp, chính sách pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên. Duy trì việc sinh hoạt Đảng uỷ và các chi bộ đều đặn hàng tháng, từng bước đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên và nề nếp sinh hoạt chi bộ. Quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo hoạt động của các tổ chức đoàn thể quần chúng trong nhà trường [2.4-4]. Trung bình mỗi năm Đảng bộ kết nạp được 30 đảng viên mới, so với chỉ tiêu của Đại hội nhiệm kỳ 2005-2008 vượt 270%. Với kết quả đó, 5 năm qua Đảng bộ đều được công nhận tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh [2.4-5]. Tỷ lệ đảng viên đạt danh hiệu đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 50 % đến 84,1 %, năm sau cao hơn năm trước; trong đó đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chiếm 15%, tỷ lệ chi bộ trong sạch

vững mạnh xuất sắc chiếm 20% [2.4 -6]. Chỉ có 01 đảng viên vi phạm kỷ luật năm 2006. Tuy nhiên một số ít đảng viên là sinh viên hệ liên thông (Bác sỹ đa khoa 4 năm) chưa thật sự cố gắng trong học tập, kết quả học tập còn thấp.

Công đoàn nhà trường: là Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Y tế Việt Nam [2.4-7]. Thực hiện Luật Công đoàn và Điều lệ Công đoàn Việt Nam, Công đoàn nhà trường đã phát huy tốt vai trò một tổ chức chính trị đại diện người lao động, phối hợp với Ban Giám hiệu thực hiện các chế độ, chính sách; chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của CBVC và người lao động; đã làm tốt vai trò giám sát mọi hoạt động của chính quyền, tham gia ý kiến trong mọi vấn đề liên quan đến trách nhiệm, quyền, lợi ích của CBVC và người lao động [2.4-8]. Đồng thời động viên CBVC và người lao động tích cực tham gia các phong trào thi đua, góp phần đem lại sự đoàn kết nhất trí cao trong nhà trường và xây dựng nhà trường vững mạnh. Công đoàn Trường liên tục nhiều năm liền (từ 2005 đến 2008) được công nhận Công đoàn cơ sở vững mạnh và được tặng Bằng khen. Năm 2003 được tặng Cờ thi đua xuất sắc của Công đoàn Y tế Việt Nam; năm 2007 được tặng Cờ chuyên đề “trong phong trào thi đua xây dựng đời sống văn hoá- TDTT”, năm 2008 được công nhận Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc và được Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng Cờ thi đua xuất sắc [2.4 - 9].

Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội sinh viên nhà trường: là đơn vị cơ sở trực thuộc Thành Đoàn và Thành Hội Hải Phòng [2.4-10]. Thực hiện Điều lệ Đoàn và Điều lệ Hội sinh viên, đoàn viên thanh niên sinh viên nhà trường đã phát huy tốt vai trò xung kích, đi đầu trong phong trào thi đua "Học tập vì ngày mai lập nghiệp". Các chi đoàn, chi hội đã triển khai các hoạt động theo kế hoạch từng quý, từng tháng, tập trung vào việc thi đua nâng cao chất lượng học tập, đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học trong sinh viên. Nhiều đề tài đã đạt giải cao trong Hội nghị Khoa học-công nghệ các trường Đại học Y-Dược trong toàn quốc [2.4-11]. Công tác Đoàn, Hội vào phong trào thanh niên, sinh viên nhà trường đã đi vào nề nếp tốt. Các câu lạc bộ (CLB) của thanh niên như CLB thơ, CLB võ thuật, CLB hiến máu nhân đạo [2.4-12]... hoạt động có hiệu

quả, góp phần thu hút thanh niên sinh viên vào các hoạt động lành mạnh. Đoàn viên sinh viên y khoa còn phát huy tốt tính tích cực của tuổi trẻ, xung kích trong phong trào thanh niên tình nguyện, khám chữa bệnh miễn phí, phục vụ cộng đồng, hiến máu nhân đạo [2.4-13]. Tuổi trẻ nhà trường đang là điểm sáng trong phong trào hiến máu nhân đạo của thành phố. Hàng năm Đoàn trường và Hội sinh viên nhà trường được Trung ương Đoàn, Trung ương Hội sinh viên Việt nam và Thành phố tặng thưởng nhiều Bằng khen, nhiều đoàn viên, thanh niên, sinh viên được các cấp khen thưởng [2.4-14].

Hội Chữ thập đỏ nhà trường: là Hội trực thuộc Thành Hội Chữ thập đỏ thành phố [2.4-15]. Thực hiện Điều lệ Hội chữ thập đỏ Việt Nam, trong các năm qua Hội đã tích cực vận động cán bộ, viên chức và sinh viên tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, ủng hộ người nghèo, nạn nhân chất độc da cam, đồng bào vùng bão, lũ, thiên tai v.v... với số tiền từ năm 2005 đến đầu năm 2009 là gần 304 triệu đồng, trung bình hàng năm trên 60 triệu đồng [2.4-16]. Đặc biệt sinh viên nhà trường đã tích cực tham gia phong trào “Hiến máu tình nguyện”, từ năm 2005 đến nay đã hiến được 1844 đơn vị máu (tương đương gần 461 lít máu) và trở thành điểm sáng trong phong trào này của thành phố. Liên tục các năm từ 2006 đến nay, Hội Chữ thập đỏ nhà trường đều được UBND thành phố và Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam tặng Bằng khen [2.4-17].

2. Những điểm mạnh

Đảng bộ đã làm tốt công tác phát triển đảng viên mới.

Phong trào từ thiện nhân đạo được quan tâm đẩy mạnh, góp phần thiết thực trong việc giáo dục lòng nhân ái, đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên nhà trường.

3. Những tồn tại

Đảng viên là sinh viên hệ liên thông (bác sỹ đa khoa hệ 4 năm) chưa thật sự cố gắng, việc phấn đấu vươn lên trong học tập còn hạn chế. Do kết quả học tập chưa cao (điểm trung bình chung dưới 6,5) nên hàng năm có từ 15,9 % đến 50 % đảng viên đạt danh hiệu đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2009-2010, Đảng ủy sẽ tiếp tục đẩy mạnh phong trào học tập trong sinh viên, phát huy tốt vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên, phấn đấu giảm tỷ lệ sinh viên đạt điểm kém.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.5: Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường.

1. Mô tả

Tháng 3 năm 2009, Ban khảo thí và quản lý chất lượng đào tạo được thành lập. Ban thực hiện chức năng, nhiệm vụ chuyên trách về công tác khảo thí và công tác kiểm định, quản lý chất lượng giáo dục [2.5-1].

Đội ngũ cán bộ trong Ban Khảo thí và quản lý chất lượng giáo dục gồm 04 người, trong đó:

Trưởng ban: trình độ Tiến sĩ Y học, thâm niên công tác giảng dạy là 27 năm và có thời gian trực tiếp quản lý sinh viên tại Phòng Đào tạo là 10 năm; đã qua tập huấn công tác khảo thí và quản lý chất lượng đào tạo.

Phó trưởng ban: trình độ cử nhân, có thâm niên công tác là 27 năm và có thời gian trực tiếp quản lý sinh viên tại Phòng đào tạo là 20 năm; đã qua tập huấn công tác khảo thí và quản lý chất lượng đào tạo. 02 Chuyên viên: trình độ kỹ sư công nghệ thông tin, tin học mới được tuyển dụng vào tháng 4 năm 2009 đều là cán bộ trẻ, có trình độ, nhiệt tình nhưng chưa có kinh nghiệm công tác.

Vai trò quản lý chất lượng giáo dục trong nhà trường được xác định rõ ràng, ban đã triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [2.5-2] .

Tháng 11 năm 2009 Nhà trường sẽ thành lập Trung tâm Khảo thí và quản lý chất lượng giáo dục nhằm ổn định và phát triển công tác quản lý chất lượng giáo dục [2.5-3] .

2. Những điểm mạnh

Trưởng ban và phó ban Khảo thí và quản lý chất lượng giáo dục đã được tập huấn nghiệp vụ và có kinh nghiệm lâu năm trong công tác đào tạo và quản lý sinh viên.

3. Những tồn tại

Ban mới được thành lập, cán bộ trẻ còn yếu về chuyên môn nghiệp vụ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ trẻ trong Ban vào năm 2010.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 2.6: Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của nhà trường.

1. Mô tả

Trường Đại học Y Hải Phòng đã xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển phù hợp với định hướng phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và sứ mạng đã tuyên bố.

Năm 2006 Trường Đại học Y Hải Phòng đã xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn (giai đoạn 2006 đến 2010). Giai đoạn này nội dung chủ yếu của chiến lược ngắn hạn là: “*Ưu tiên bổ sung cán bộ cho các bộ môn để thành lập 4 khoa (Điều Dưỡng, Y tế công cộng, Dược và Răng Hàm Mặt) và các bộ môn mới*”. [2.6-1]. Kế hoạch phát triển ngắn hạn của Trường phù hợp với sứ mạng “*Xây dựng trường trở thành trường Đại học Y – Dược đào tạo đa ngành*”. Bên cạnh đó nhà trường đã xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn (giai đoạn 2011 đến 2015). Trong phát triển trung hạn nội dung chủ yếu của chiến lược trung hạn là: “*Hoàn thiện tổ chức các phòng chức năng, bộ môn, Khoa, tăng cường cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ viên chức. Bổ sung cán bộ cho các bộ môn để thành lập khoa Y học biển*”. [2.6-2]. Với kế hoạch Trung hạn

này nhà trường đã chú trọng đến đào tạo chuyên ngành y học biển đảo như trong sứ mạng của trường đã nêu ra.

Chiến lược và kế hoạch phát triển dài hạn 2016 đến 2020 của Trường được xây dựng tập trung vào “*Hoàn chỉnh trang thiết bị dạy học, các phòng thí nghiệm hiện đại. Mở rộng quy mô bệnh viện thực hành lên 400 giường. Thực hiện Dự án Xây dựng, hoàn chỉnh trường Đại học Y Hải Phòng quy mô 6000 sinh viên. Đầu tư, hoàn chỉnh cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại ngang tầm khu vực và quốc tế*” [2.6-3].

Hàng tháng, hàng quý, hàng năm Đảng uỷ nhà trường chỉ đạo cho các chi bộ họp định kỳ để đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết và tình hình thực hiện các kế hoạch của nhà trường [2.6-4]. Thông qua các hội nghị thường niên, báo cáo tổng kết cuối năm, nhà trường tổng kết đánh giá việc thực hiện các kế hoạch trong năm và đưa ra phương hướng hoạt động cho năm tới [2.6-5]. Đảng uỷ, Công đoàn cùng với Ban thanh tra nhân dân, Ban thanh tra giáo dục giám sát tiến trình thực hiện kế hoạch đã đề ra, kịp thời góp ý với Ban giám hiệu để có những chính sách, biện pháp hợp lý nhằm đạt được những mục tiêu đã định [2.6-6]

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã sớm có chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và được triển khai rộng rãi đến toàn thể các đơn vị trong Trường.

3. Những tồn tại

Chiến lược, kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Trường chưa được cụ thể hoá thành chương trình hoạt động của các đơn vị trực thuộc trong từng giai đoạn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2010 Trường triển khai xây dựng các chương trình hành động trong từng giai đoạn để cụ thể hóa kế hoạch chiến lược phát triển của Trường

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 2.7: Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của nhà trường.

1. Mô tả

Nhà trường luôn thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản và các cơ quan quản lý. Các báo cáo chính xác, đầy đủ, có giá trị và sát thực, cập nhật mọi tình hình hoạt động của trường.

Các báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo cho Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo: Các báo cáo về tổ chức cán bộ [2.7-1]; các báo cáo về công tác giáo dục đào tạo đại học, đào tạo sau đại [2.7-2]; các báo cáo về công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc [2.7-3]; các báo cáo về tài chính, vật tư trang thiết bị: Báo cáo quyết toán quý, báo cáo quyết toán năm, báo cáo về tình hình vật tư tài sản [2.7-4]; báo cáo định kỳ về công tác văn thư lưu trữ [2.7-5].

Ngoài ra nhà trường còn báo cáo định kỳ của Đảng Ủy; Công đoàn; Hội chữ thập đỏ, Đoàn thanh niên Hội sinh viên cho Thành Ủy; Công Đoàn Bộ Y tế, Thành Đoàn [2.7-6].

Báo cáo định kỳ về công tác xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ tổ quốc, báo cáo về công tác quân sự, báo cáo số lượng nam sinh viên tốt nghiệp cho ban Chỉ huy Quân sự Quận. [2.7-7]

Phòng Hành chính tổng hợp của nhà trường theo dõi tiến độ giải quyết các công văn nói chung và thời gian nộp báo cáo của các đơn vị trong Trường. Trưởng phòng báo cáo kết quả và những tồn tại trong hội nghị giao ban, tổng hợp, tư vấn với Hiệu trưởng và đôn đốc các đơn vị báo cáo và gửi báo cáo đúng kỳ hạn

Việc lưu trữ các báo cáo nói trên cũng do bộ phận lưu trữ của Phòng Hành chính Tổng hợp thực hiện. Công tác lưu trữ của Nhà trường được thực thi theo đúng quy định của Nhà nước và Bộ Y tế. Trong những năm qua, hoạt động lưu trữ của nhà trường được thực hiện một cách rất đầy đủ có cán bộ chuyên trách đảm nhiệm. Hiện nay cơ sở mới của trường vừa được xây dựng, các Phòng còn

chủ yếu tập trung phục vụ cho công tác giảng dạy nên chưa sắp xếp được kho lưu trữ chung cho toàn trường.

2. Những điểm mạnh

Có đội ngũ cán bộ chuyên môn nghiệp vụ làm công tác kiểm soát, đánh giá và đôn đốc thực hiện các báo cáo một cách nghiêm túc, đúng thời hạn.

3. Những tồn tại

Chưa xây dựng được kho lưu trữ chung cho toàn trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2010 - 2011, nhà trường sẽ sắp xếp, bố trí thành lập kho lưu trữ chung cho toàn trường để công tác lưu trữ được tập trung hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về tiêu chuẩn 2

Cơ cấu tổ chức hiện tại của Trường Đại học Y Hải Phòng được thiết lập hợp lý, có mối quan hệ tương đối chặt chẽ giữa các bộ phận trong quá trình hoạt động, đáp ứng được sứ mạng và mục tiêu phát triển của trường.

Hệ thống văn bản để tổ chức và quản lý của Trường được thực hiện tốt, do đó tránh được sự chông chéo trong công việc giữa các cá nhân và đơn vị, giúp cho các công việc được hoàn thành nhanh chóng và hiệu quả. Mặt khác làm tăng cường tính chủ động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị và cán bộ viên chức trong lĩnh vực được phân công.

Hoạt động của Đảng bộ và các tổ chức đoàn thể quần chúng có hiệu quả thiết thực, góp phần tích cực trong việc tạo dựng uy tín và xây dựng khối đoàn kết, thống nhất trong toàn trường. Công tác báo cáo thống kê định kỳ và không định kỳ, công tác lưu trữ các hoạt động của nhà trường đã đi vào nề nếp đúng quy định của pháp luật. Chưa triển khai thường xuyên các hoạt động đánh giá nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Chiến lược, kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn chưa được cụ thể hoá thành chương trình hoạt động của các đơn vị trực thuộc trường trong từng giai đoạn.

Tuy nhiên cơ cấu tổ chức của Trường chưa có Hội đồng trường theo đúng quy định của Điều lệ trường đại học.

Trong tiêu chuẩn 2, có 6/7 tiêu chí đạt yêu cầu. 1/7 tiêu chí chưa đạt yêu cầu là tiêu chí 2.1.

Tiêu chuẩn 3: Chương trình giáo dục

Mở đầu

Trường đại học Y Hải Phòng hiện có 8 chương trình giáo dục (CTGD), tất cả các chương trình giáo dục của trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Các chương trình giáo dục có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực thị trường. Chương trình giáo dục của trường được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo và được định kỳ đánh giá, bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các ý kiến của giảng viên các các Bộ môn, ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động và sự thống nhất của Hội đồng khoa học nhà trường, người tốt nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế xã hội.

Tiêu chí 3.1: Chương trình giáo dục của trường đại học được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Chương trình giáo dục được xây dựng với sự tham gia của các giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức, hội nghề nghiệp và các nhà tuyển dụng lao động theo quy định.

1. Mô tả

Hiện nay trường đại học y Hải Phòng có 8 chương trình giáo dục (CTGD), cả 8 CTGD đều được xây dựng theo chương trình khung của bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành bao gồm các chương trình bác sỹ đa khoa, bác sỹ y học dự phòng, bác sỹ Răng Hàm Mặt, cử nhân điều dưỡng hệ chính quy, cử nhân kỹ thuật y học, bác sỹ đa khoa hệ 4 năm (chuyên tu), cử nhân điều dưỡng đa khoa

hệ vừa làm vừa học, cử nhân điều dưỡng sản khoa hệ vừa làm vừa học [3.1-1; 3.1-2]. Tất cả các môn học có trong 8 chương trình khung do bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành đều được trường áp dụng xây dựng chương trình giáo dục của trường. Ngoài ra nhà trường đã bổ sung một số môn học tự chọn mang tính đặc thù khu vực như y học biển, thực hành cộng đồng, HIV/AIDS [3.1-1; 3.1-2].

Trong quá trình xây dựng một chương trình giáo dục, phòng đào tạo đại học chịu trách nhiệm đề xuất các môn học cho từng ngành của trường, tổ chức cuộc họp xây dựng chương trình giáo dục với cán bộ chủ chốt của các bộ môn [3.1-3; 3.1-4]. Trên cơ sở chương trình khung của bộ Giáo dục và Đào tạo quy định, các bộ môn chịu trách nhiệm xây dựng đề cương chi tiết các môn học do bộ môn phụ trách [3.1-3; 3.1-4]. Sau khi các bộ môn hoàn chỉnh chương trình giáo dục được gửi tới các chuyên gia, đại diện của các tổ chức, hội nghề nghiệp và các nhà tuyển dụng lao động để xin ý kiến góp ý [3.1-5]. Nhà trường tổ chức cuộc họp với các bộ môn, chuyên gia, đại diện của các tổ chức, hội nghề nghiệp và các nhà tuyển dụng lao động để hoàn thiện chương trình giáo dục trên cơ sở các góp ý đã nhận được [3.1-5]. Các bộ môn hoàn chỉnh chương trình các ngành, chuyên ngành, môn học do bộ môn phụ trách. Chương trình được thông qua hội đồng khoa học - giáo dục nhà trường trước khi hiệu trưởng phê duyệt [3.1-6]. Cả 8 chương trình giáo dục đại học đều được xây dựng trên quy trình trên và được lưu trữ tại các bộ môn, phòng đào tạo đại học sau khi đã phê duyệt [3.1-1].

Sau khi đã xây dựng hoàn chỉnh các môn học bắt buộc theo chương trình khung của bộ, nhà trường mới bổ sung các môn học tự chọn (đặc thù), do đó, các môn học này đều do bộ môn xây dựng dựa trên các nguồn thông tin từ Tổ chức Y tế thế giới, Bộ Y tế và tham khảo sự góp ý của các chuyên gia Pháp, Mỹ, Úc sau đó đưa vào chương trình giảng dạy mà chưa có ý kiến của các nhà tuyển dụng, hiệp hội nghề nghiệp.

2. Những điểm mạnh

Các chương trình giáo dục của trường đã xây dựng được các môn học tự chọn (đặc thù).

3. Những tồn tại

Một số môn học tự chọn chưa xin được ý kiến của các nhà tuyển dụng và hiệp hội nghề nghiệp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2010 - 2012, ban Khảo thí và đảm bảo chất lượng của trường tiếp tục triển khai việc lấy ý kiến góp ý từ hiệp hội nghề nghiệp và các nhà tuyển dụng với các học phần mới cập nhật của chương trình giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.2: Chương trình giáo dục có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả

Trong quá trình xây dựng chương trình giáo dục, trường đại học y Hải phòng luôn chú trọng việc xây dựng mục tiêu phù hợp với đối tượng và trình độ đào tạo, có mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể rõ ràng. Mục tiêu của chương trình giáo dục hệ bác sĩ là “Đào tạo bác sĩ có y đức và kỹ năng nghề nghiệp để xác định, đề xuất và tham gia tổ chức giải quyết các vấn đề cơ bản của sức khỏe cộng đồng, có khả năng tự học vươn lên đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe và phòng bệnh cho nhân dân” [3.2-1]. Chương trình giáo dục nhóm ngành cử nhân có mục tiêu tổng quát là “Đào tạo cử nhân có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ đúng đắn; có kiến thức khoa học cơ bản vững; có kiến thức và kỹ năng về chuyên môn, nghiệp vụ ở trình độ đại học/làm chủ được các kỹ thuật chuyên ngành để thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng bệnh, phục hồi sức khỏe nhân dân, có khả năng tổ chức và quản lý các hoạt động điều dưỡng, nghiên cứu khoa học và tự học vươn lên” [3.2-1]. Các mục tiêu đào tạo 8 chương trình giáo dục đều được xây dựng dựa trên luật giáo dục 2005 “đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến

thức và năng lực thực hành nghề nghiệp” và “có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo” [3.2-2].

Trên cơ sở chương trình khung do bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trường đã xây dựng chương trình giáo dục, các bộ môn xây dựng đề cương chi tiết của học phần do bộ môn phụ trách. Các mục tiêu cụ thể về kiến thức, thái độ và kỹ năng, nhiệm vụ, năng lực của người học khi tốt nghiệp được quy định cho từng ngành đào tạo [3.2-1]. Phạm vi, cấu trúc nội dung giáo dục, phương pháp, hình thức đào tạo và cách đánh giá kết quả đào tạo được xây dựng riêng cho từng ngành đào tạo dựa trên mục tiêu đào tạo [3.2-1]. Đề cương chi tiết các môn học đã đảm bảo sự cân đối về cơ cấu nội dung, tỷ lệ phân bổ thời gian đào tạo giữa các môn học; giữa kiến thức khoa học cơ bản, ngoại ngữ, công nghệ thông tin các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chuyên ngành; giữa lý thuyết với thực hành, thực tập [3.2-1]. Chương trình giáo dục nhóm ngành Bác sỹ chính quy có cấu trúc khoảng 320 đơn vị học trình (học 6 năm), chương trình giáo dục bác sỹ đa khoa hệ 4 năm (chuyên tu) gồm 210 đơn vị học trình trong đó phần giáo dục đại cương (môn học chung và môn khoa học cơ bản) chiếm 20 -25%, phần Giáo dục chuyên nghiệp (các môn cơ sở, môn chuyên môn) chiếm 75-80%; chương trình giáo dục cử nhân điều dưỡng và cử nhân kỹ thuật chuyên ngành xét nghiệm đa khoa được thiết kế gồm 210 đơn vị học trình (học 4 năm), các môn học phần giáo dục đại cương chiếm tỷ lệ 30%, phần giáo dục chuyên nghiệp chiếm tỷ lệ 70%. Các chương trình giáo dục đều có cấu trúc thời lượng học lý thuyết chiếm tỷ lệ 65%, thực hành chiếm 35% [3.2-1]. Các môn học được bố trí logic lần lượt theo trình tự các môn cơ bản, các môn cơ sở, các môn chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp [3.2-1]. Các chương trình giáo dục của trường đại học Y Hải Phòng còn được thiết kế hướng cộng đồng, đảm bảo sinh viên có các học phần học tập và thực hành tại các cơ sở y tế tuyến huyện, xã và hộ gia đình... [3.2-1]. Chương trình giáo dục bảo đảm cho sinh viên có những kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức chuyên môn tương đối hoàn chỉnh; có phương pháp làm việc khoa học; có năng lực vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn [3.2-2].

Sinh viên của trường khi tốt nghiệp hệ bác sỹ và cử nhân đều có thể công tác ở các chuyên khoa khác nhau tại cơ sở y tế các tuyến hoặc các tổ chức chăm sóc sức khỏe cộng đồng, các công ty dược do các chương trình giáo dục được xây dựng đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường. Đồng thời, các chương trình giáo dục được thiết kế một số môn học mang đặc thù ngành nghề và vùng miền như Y học biển cho phần tự chọn với thời lượng được khoảng 30-40 đơn vị học trình (10%) với khối ngành bác sỹ và 10-15 đơn vị học trình (5%) với khối ngành cử nhân [3.2-1; 3.2-4], tuy vậy số môn học tự chọn còn ít, hiện tại mới có từ 1-3 môn học tự chọn cho mỗi đối tượng.

2. Những điểm mạnh

Chương trình giáo dục của nhà trường được thiết kế theo hướng cộng đồng với việc gắn liền với đặc thù và nhu cầu của địa phương và khu vực.

3. Những tồn tại

Phần tự chọn của các chương trình giáo dục được xây dựng còn ít môn học để sinh viên lựa chọn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2010, phòng đào tạo đại học phối hợp với các bộ môn xây dựng thêm các môn học tự chọn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 3.3: Chương trình giáo dục chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo.

1. Mô tả:

Từ khi thành lập trường, nhà trường chỉ đào tạo bác sỹ đa khoa, hiện nay hệ chính quy của đại học y Hải Phòng đã có 5 mã ngành đào tạo. Đó là: bác sỹ đa khoa, bác sỹ y học dự phòng, cử nhân điều dưỡng; bắt đầu tuyển sinh năm 2009 là bác sỹ Răng - Hàm - Mặt và cử nhân kỹ thuật y học chuyên ngành xét nghiệm.

Khi mở mã ngành mới, chương trình giáo dục của nhà trường được chú trọng xây dựng và trình duyệt bộ chủ quản. Trường luôn căn cứ vào quy định

của bộ Giáo dục và Đào tạo để xây dựng chương trình [3.3-1]. Với từng mã ngành đào tạo, chương trình giáo dục luôn được thiết kế theo đúng chương trình của bộ Giáo dục phê duyệt, với mục tiêu đào tạo phù hợp, đảm bảo chất lượng đào tạo. Các chương trình giáo dục của trường đều có mục tiêu cụ thể, cấu trúc phù hợp với các chương trình khung theo quy định của bộ Giáo dục và Đào tạo [3.3-2].

Chương trình giáo dục thường xuyên của trường đào tạo cử nhân điều dưỡng hệ vừa làm vừa học (hệ tại chức cũ). Mã ngành cử nhân điều dưỡng hệ vừa làm vừa học bắt đầu tuyển sinh từ năm 2006. Nhà trường xây dựng chương trình giáo dục đối với đối tượng này đảm bảo đầy đủ kiến thức các môn học, học phần cơ bản, chuyên môn cung cấp kiến thức đặc thù ngành như hệ chính quy [3.3-3]. Khối lượng kiến thức của chương trình bao gồm các phần Giáo dục đại cương và Giáo dục chuyên nghiệp. Trong chương trình có khối lượng kiến thức cho các môn tự chọn và thi tốt nghiệp. Đối tượng vừa làm vừa học trong chương trình trung cấp đã được học khối lượng kiến thức cơ bản; chương trình cử nhân bổ sung thêm những kiến thức sâu, nâng cao. So với hệ chính quy cùng ngành đào tạo, hệ vừa làm vừa học chỉ giảm tải kiến thức Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất [3.3-2, 3.3-3].

Các sinh viên hệ vừa làm vừa học thi hết môn, hết học phần với hình thức tương tự hệ chính quy. Mỗi môn học đều có bộ câu hỏi ôn tập, kiểm tra đánh giá sinh viên qua bài thi viết hoặc test trắc nghiệm. Trong trường hợp thi viết lý thuyết, sinh viên được bốc thăm câu hỏi thi từ bộ câu hỏi ôn tập; mặt khác, các câu hỏi sử dụng trong thi test trắc nghiệm cũng bao phủ chương trình học. Thời gian thi luôn đảm bảo theo quy chế quy định. Đối với các môn chuyên ngành, ngoài thi lý thuyết còn có phần thi lâm sàng đánh giá khả năng vận dụng thực hành của sinh viên.

Các chương trình giáo dục đều đảm bảo các khối kiến thức cần thiết của ngành đào tạo. Có cấu trúc hợp lý, logic giữa các phần kiến thức cơ bản, chuyên môn. Điều này giúp chất lượng đào tạo được đảm bảo.

2. Những điểm mạnh:

Quy trình kiểm tra, đánh giá của chương trình giáo dục thường xuyên giống đối tượng chính quy.

3. Những tồn tại:

Chưa có đánh giá chung về chương trình giáo dục thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm 2010, Ban Giám hiệu Nhà trường chỉ đạo lập kế hoạch và thực hiện đánh giá chương trình giáo dục thường xuyên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 3.4: Chương trình giáo dục được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

1. Mô tả

Các chương trình giáo dục của trường được định kỳ bổ sung, điều chỉnh 6 năm một lần (sau một chu trình đào tạo) ngay sau khi sinh viên thi tốt nghiệp. Việc bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác [3.4-1].

Từ năm 2003, trường đại học y Hải Phòng đã tiến hành khảo sát về kiến thức, kỹ năng của bác sỹ làm việc tại trạm y tế xã và các kỹ năng cần có một bác sỹ đa khoa hướng cộng đồng mới tốt nghiệp từ trường đại học y Hải Phòng [3.4-2;3.4-3]. Trường cùng với 7 trường đại học y trong cả nước biên soạn và xuất bản cuốn “Sách Xanh” về Kiến thức, Thái độ, Kỹ năng (KAS) cần thiết khi tốt nghiệp của bác sỹ đa khoa trên cơ sở tham khảo cuốn sách “Blue Print Book” về cách tiếp cận xây dựng chương trình giáo dục của các trường đại học y tại Hà Lan và ý kiến phản hồi của người học, nhà tuyển dụng lao động [3.4-4]. Các nội dung môn y học biển của các trường đại học y tại Pháp cũng được xem xét, tham khảo cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết môn học y học biển của trường

[3.4-9]. Trên cơ sở đó, trường đại học y Hải Phòng đã điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục bác sỹ đa khoa như bổ sung thêm môn học tự chọn, tăng thời lượng cho một số môn học cho phù hợp nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước [3.4-5; 3.4-7; 3.4-8]. Các bộ môn chịu trách nhiệm điều chỉnh đề cương chi tiết các môn học do bộ môn phụ trách [3.4-1]. Chương trình được thông qua hội đồng khoa học - giáo dục nhà trường trước khi hiệu trưởng phê duyệt [3.4-1]. Cả 8 chương trình giáo dục đại học đều được xây dựng theo quy trình trên và được lưu trữ tại các bộ môn, phòng đào tạo đại học sau khi đã phê duyệt [3.4-7].

Hiện nay, bảy chương trình giáo dục còn lại của trường chưa được bổ sung, điều chỉnh do mới tuyển sinh, chưa có sinh viên tốt nghiệp. Tuy nhiên, năm 2009, Trường đại học y Hải phòng cũng đã phối hợp với các trường đại học y khác trong cả nước tiến hành đánh giá nhu cầu đào tạo bác sỹ y học dự phòng thông qua thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu các cán bộ y tế dự phòng từ tuyến trung ương tới tuyến huyện, cán bộ trạm y tế xã, các ban ngành đoàn thể, lãnh đạo địa phương, người dân và sinh viên y học dự phòng tại 8 trường đại học y trong cả nước. Đây sẽ là cơ sở để bổ sung, điều chỉnh chương trình giáo dục bác sỹ y học dự phòng trong thời gian tới, sau khi có khóa sinh viên đầu tiên tốt nghiệp [3.4-6].

2. Những điểm mạnh

Chương trình giáo dục bác sỹ đa khoa được định kỳ bổ sung, điều chỉnh.

3. Những tồn tại

Việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng, người học, các tổ chức giáo dục được thực hiện chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2011, hàng năm phòng đào tạo đại học sẽ triển khai việc lấy ý kiến phản hồi từ nhà tuyển dụng, người học đã tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 3.5: Chương trình giáo dục được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình giáo dục khác.

1. Mô tả

Căn cứ vào sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ của nhà trường, được sự đồng ý của Bộ Giáo dục & Đào tạo, Bộ Y tế, trường đại học y Hải Phòng đã thiết kế ba chương trình giáo dục theo hướng liên thông bao gồm chương trình liên thông từ y sĩ trung học thành bác sĩ đa khoa, chương trình liên thông từ y tá đa khoa /điều dưỡng trung học thành cử nhân điều dưỡng đa khoa, chương trình liên thông từ nữ hộ sinh trung học thành cử nhân điều dưỡng sản khoa [3.5-1].

Với chương trình giáo dục bác sĩ đa khoa hệ 4 năm, người học phải tốt nghiệp y sĩ trung học, có đủ thâm niên công tác theo qui định và thi tuyển đầu vào. Thời gian đào tạo là 4 năm, học viên được giảm bớt những nội dung đã học ở bậc trung học y [3.5-1]. Với chương trình giáo dục cử nhân điều dưỡng đa khoa và cử nhân điều dưỡng sản khoa hệ vừa làm vừa học, học viên phải là y tá đa khoa/ điều dưỡng trung học hoặc nữ hộ sinh trung học, có đủ thâm niên công tác và thi tuyển đầu vào theo qui định. Thời gian đào tạo là 4 năm, học viên được giảm bớt những nội dung đã học ở bậc trung học hoặc cao đẳng [3.5-1]. Tuy nhiên, ở các chuyên ngành khác, chương trình giáo dục chưa được thiết kế theo hướng liên thông.

Chương trình giáo dục được thiết kế thống nhất trong 8 trường đại học y trong cả nước nên việc sinh viên chuyển trường giữa các trường có thể thực hiện được, đảm bảo tính liên thông của chương trình giáo dục với các trường đại học y khác [3.5-3].

Mặc dù vậy, chương trình giáo dục của trường chưa được thiết kế để sinh viên ngành này có thể học liên thông sang chuyên ngành khác trong trường hoặc trường khác.

Việc xây dựng các chương trình đào tạo liên thông được thực hiện theo qui định chung của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Y tế [3.5-2]. Chương trình giáo dục liên thông được xây dựng dựa trên việc so sánh giữa chương trình đào tạo trình độ đại học cho những người có bằng tốt nghiệp cao đẳng hoặc trung

cấp. Việc xây dựng các chương trình đào tạo liên thông nói trên được thực hiện theo nguyên tắc bù đủ những khối lượng kiến thức còn thiếu và kiến thức cập nhật mới phù hợp với thực tế xã hội, đảm bảo người học được sử dụng kết quả học tập đã có ở bậc học trung học để học tiếp ở trình độ đại học [3.5-2].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường sớm có chương trình giáo dục theo hướng liên thông ở chuyên ngành bác sĩ đa khoa hệ 4 năm.

3. Những tồn tại

Chương trình giáo dục thiết kế theo hướng liên thông còn chưa phổ biến ở các chuyên ngành khác nhau.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục triển khai thiết kế chương trình giáo dục theo hướng liên thông ở các chuyên ngành khác nhau từ năm 2011.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 3.6: Chương trình giáo dục được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả

Chương trình giáo dục của Nhà trường được xây dựng dựa trên khung chương trình do bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cho khối ngành Khoa học sức khỏe và tham khảo chương trình đào tạo của các trường cùng khối ngành. Sinh viên sau khi ra trường được trang bị khối kiến thức lý thuyết và kỹ năng thực hành cần thiết.

Thực tế, trường Đại học Y Hải Phòng chưa tiến hành đánh giá chương trình giáo dục để dựa trên những kết quả đánh giá cải tiến chương trình.

Tuy nhiên, các giảng viên, cán bộ nhà trường đã tiến hành một số đề tài nghiên cứu khoa học với mục đích tìm hiểu từ thực tế các sinh viên sau khi tốt nghiệp, đi làm tại các trung tâm y tế, cơ sở y tế, bệnh viện... để đánh giá chất lượng đào tạo của Nhà trường [3.6-1; 3.6-2]. Từ đó có những điều chỉnh trên thực tế giảng dạy để sinh viên những năm tiếp theo đạt kết quả tốt hơn khi làm việc tại cộng

đồng sau khi ra trường. Nhà trường đã có những thay đổi trong giảng dạy nhằm nâng cao hơn nữa trình độ kiến thức, kỹ năng của sinh viên với mục tiêu sinh viên sau khi ra trường có thể làm việc đạt chất lượng tốt nhất. Nhà trường có đơn vị Skill-lab có nhiệm vụ giảng dạy sinh viên kiến thức kỹ năng trong giao tiếp y khoa. Trong xây dựng kế hoạch giảng dạy các chuyên khoa luôn được bố trí lượng thời gian đảm bảo, cân đối lý thuyết và lâm sàng cần thiết.

2. Những điểm mạnh:

Không có điểm mạnh.

3. Những tồn tại:

Chưa đánh giá riêng từng chương trình giáo dục và sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến chương trình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Xây dựng kế hoạch định kỳ đánh giá các chương trình giáo dục.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu tiêu chí.

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Chương trình giáo dục của trường được xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Tất cả các chương trình đào tạo của trường đều có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, có cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, hướng cộng đồng, đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng của từng trình độ đào tạo và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các bộ môn định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình giáo dục. Các chương trình giáo dục được thiết kế theo hướng liên thông và trường triển khai đào tạo liên thông. Tuy nhiên việc lấy các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác còn thực hiện chưa thường xuyên. Từ năm 2010, Nhà trường sẽ tiếp tục triển khai lấy ý kiến phản hồi về chương trình giáo dục của các nhà tuyển dụng, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác đặc biệt với những ngành đào tạo mới chưa có sinh viên tốt nghiệp từ đó bổ sung điều chỉnh chương trình giáo dục.

Có 5/6 tiêu chí đạt yêu cầu, 1/6 tiêu chí chưa đạt yêu cầu là tiêu chí 3.6.

Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo

Mở đầu

Trường Đại học Y Hải Phòng được thành lập năm 1979, với một mã ngành đào tạo Bác sĩ đa khoa hệ chính qui chủ yếu cho 3 tỉnh: Hải Phòng, Hải Hưng, Quảng Ninh. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của xã hội về nhân lực y tế, từ năm 1984 trường bắt đầu đào tạo bác sĩ đa khoa hệ chuyên tu (nay là hệ liên thông) và đặc biệt là trong những năm gần đây trường đã mở nhiều mã ngành đào tạo mới như cử nhân điều dưỡng, bác sĩ y học dự phòng, bác sĩ răng hàm mặt, cử nhân kỹ thuật y học với các cấp độ đào tạo khác nhau như đào tạo đại học, đào tạo sau đại học: Bác sĩ chuyên khoa cấp I, thạc sĩ, bác sĩ nội trú bệnh viện, Bác sĩ chuyên khoa cấp II với các hình thức đào tạo chính qui, chuyên tu, tại chức. Từ chỗ chỉ đào tạo tại trường, đến nay đã mở các lớp đào tạo cho các địa phương như Bắc Ninh, Nghệ An, Thanh Hoá và liên kết đào tạo với nước ngoài. Nhờ việc đa dạng hóa loại hình đào tạo, trước đây toàn bộ số lượng sinh viên, học viên viên của trường là dưới 1000 thì nay mỗi năm chỉ tiêu tuyển sinh của trường đã trên 1200 sinh viên, học viên, nâng tổng số sinh viên, học viên của trường lên tới gần 4000. Mỗi năm có khoảng gần 300 bác sĩ và 100 cử nhân điều dưỡng và trên 100 học viên sau đại học tốt nghiệp đã đóng góp một phần nhân lực có trình độ cao cho sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân.

Tiêu chí 4.1: Đa dạng hoá các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo qui định.

1. Mô tả

Thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Bộ Y tế, nhà trường đã thực hiện đa dạng hóa các hình thức đào tạo bao gồm đào tạo hệ chính qui, hệ vừa làm vừa học, đào tạo liên kết trong và ngoài nước.

Hiện nay nhà trường đã đa dạng hoá các loại hình đào tạo, đào tạo đại học hệ chính qui với các chuyên ngành bác sĩ đa khoa, bác sĩ Răng Hàm Mặt, bác sĩ

y học dự phòng, cử nhân kỹ thuật y học, cử nhân điều dưỡng [4.1-1]. Hệ vừa làm vừa học gồm chuyên ngành cử nhân điều dưỡng đa khoa và sản khoa [4.1-2].

Với hình thức đào tạo liên kết, nhà trường đã liên kết với khối các trường y - dược trong nước và quốc tế. Hàng năm nhà trường đều có sinh viên sang học tập và nghiên cứu sinh tại cộng hòa Pháp, Trung Quốc, Mỹ [4.1-3].

Tất cả các chuyên ngành đào tạo trên đều đáp ứng nhu cầu cấp bách của xã hội thể hiện ở qui mô đào tạo không ngừng tăng [4.1- 4].

2. Những điểm mạnh

Hình thức đào tạo liên kết được mở rộng và phát triển.

3. Những tồn tại

Hiện nhà trường chưa mở được hình thức đào tạo từ xa.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường có kế hoạch đào tạo theo hình thức từ xa vào năm 2010.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.2. Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện cho người học.

1. Mô tả

Năm 2006 Quy chế 25/2006 của Bộ Giáo dục và đào tạo được ban hành. Trường Đại học Y Hải Phòng đã sớm tổ chức hướng dẫn thực hiện và triển khai đến các cán bộ giảng viên và sinh viên trong toàn trường. Để đưa nội dung của Quy chế này vào áp dụng có hiệu quả, Hiệu trưởng nhà trường đã ký quyết định số 72/YHP - QĐ ngày 26 tháng 02 năm 2007 về việc ban hành hướng dẫn thực hiện quy chế 25 [4.2 -1].

Nội dung của việc thực hiện công nhận kết quả học tập của sinh viên theo niên chế kết hợp với học phần:

Điểm học phần là điểm trung bình cộng của 2 phần tính theo hệ số: điểm thi lý thuyết hệ số 2, điểm thi thực hành hệ số 1. Các học phần lấy 2 điểm thì điểm học phần gồm điểm thi lý thuyết và điểm thi thực hành [4.2 -2].

Trong thời gian khoá học, sinh viên phải hoàn tất số học phần bắt buộc và tự chọn của từng ngành học đã được phân chia theo từng học kỳ, nếu chưa hoàn thành các học phần ở học kỳ chính, sinh viên có thể đăng ký tham gia học lại ở học kỳ hè (gọi là kỳ phụ) [4.2-3]. Sau khi hoàn tất chương trình học, người học sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp. Quy trình xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện chặt chẽ, chính xác và theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT.

Khi Bộ GD&ĐT có chủ trương chuyển đổi quy trình đào tạo sang đào tạo theo tín chỉ, nhà trường đã cử cán bộ đi tập huấn, tiếp thu nội dung chương trình chuyển đổi [4.2-4].

Hiện nay, nhà trường đang xây dựng kế hoạch cho việc chuyển từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ. Nội dung của kế hoạch:

Từ năm 2006 nhà trường chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị. Thực hiện chuyển đổi phương pháp giảng dạy/học.

Từ năm 2007 nhà trường tập hợp các văn bản về chuyển đổi quy trình đào tạo và ban hành các văn bản hướng dẫn đào tạo theo tín chỉ.

Từ năm học 2009-2010, nhà trường thành lập các tiểu ban xây dựng chương trình đào tạo tín chỉ, xây dựng và củng cố đội ngũ cố vấn học tập, biên soạn sổ tay sinh viên... để bước sang năm học 2011-2012, 100% các chuyên ngành đào tạo của nhà trường sẽ đào tạo theo tín chỉ.

Để tạo cơ sở thuận lợi cho việc chuyển đổi quy trình đào tạo từ niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ, nhà trường đang tích cực trang bị những trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập hiện đại nhằm đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, học tập và khai thác nguồn thông tin [4.2 -5].

Hệ thống mạng internet của nhà trường và Phòng Đào tạo Đại học đang được nâng cấp giúp sinh viên thuận lợi trong việc truy cập nguồn tài liệu học tập, tham khảo và đăng ký môn học tự chọn..

2. Những điểm mạnh

Hệ thống mạng internet của nhà trường phục vụ cho việc dạy và học được trang bị đồng bộ hiện đại.

3. Những tồn tại

Hiện tại cơ sở vật chất để phục vụ cho việc đào tạo theo tín chỉ cho tất cả các chuyên ngành còn thiếu và chưa đồng bộ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2009 - 2011 xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất.

Từ năm học 2009 - 2010, nhà trường thành lập các tiểu ban xây dựng chương trình đào tạo tín chỉ, củng cố đội ngũ cố vấn học tập, biên soạn sổ tay sinh viên nhằm chuẩn bị thí điểm đào tạo theo tín chỉ đối với một số môn học như: Lý luận chính trị, Y tế công cộng, Y học xã hội, Y học biển...

Từ năm học 2011 - 2012, đào tạo theo tín chỉ cho các chuyên ngành.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.3: Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả của người học theo hướng phát triển năng lực tự học tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

1. Mô tả

Nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, nhà trường đã thực hiện kế hoạch đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên dựa trên các kênh thông tin tin cậy và có độ chính xác cao.

Việc đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên được tiến hành định kỳ hàng năm thông qua công tác đánh giá, bình chọn giáo viên dạy giỏi. Việc đánh giá được thực hiện nghiêm túc từ cấp Bộ môn, Khoa và thông qua Hội đồng thi đua khen thưởng của nhà trường.

Các Khoa, Bộ môn trong trường đã có kế hoạch và định kỳ thực hiện tổ chức dự giờ, thăm lớp nhằm đánh giá và đóng góp ý kiến hoạt động giảng dạy của giảng viên, nhất là đối với giảng viên trẻ [4.3 -1].

Từ năm học 2008-2009, hàng năm, vào thời điểm đầu năm học, Phòng Đào tạo đại học sử dụng phiếu đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên phát cho sinh viên của trường nhận xét và phản hồi lại. Nhà trường coi đây là một kênh thông tin quan trọng trong việc đánh giá hoạt động giảng dạy. [4.3-2]

Hoạt động Hội giảng, bình giảng được nhà trường thường xuyên tổ chức với sự phối hợp của công đoàn trường. [4.3-3].

Giảng viên tự đánh giá hoạt động giảng dạy của mình [4.3-4].

Ngay từ năm học 1999-2000, nhà trường đã mời nhiều chuyên gia có uy tín cả trong và ngoài nước đến tập huấn, hội thảo, trao đổi kinh nghiệm. Cho đến nay, nhà trường đã tổ chức được trên 20 buổi hội thảo về đổi mới phương pháp dạy và học cho giảng viên. [4.3 -5]. Cứ nhiều cán bộ, giảng viên đi tham gia các cuộc hội thảo liên trường trong và ngoài nước về đổi mới phương pháp giảng dạy. [4.3 -6]

Năm 2007, nhà trường đã thành lập Đơn vị phương pháp dạy học với thành phần là những giảng viên nòng cốt, có kinh nghiệm lâu năm. [4.3-7].

Vận dụng tích cực đổi mới phương pháp dạy và học bằng việc áp dụng phương pháp dạy/học tích cực, giao cho sinh viên các bài tập, nội dung học, vấn đề cần ôn tập cho sinh viên nghiên cứu và trình bày.

Các giảng viên tích cực áp dụng phương pháp dạy học thông qua thảo luận nhóm, đóng vai. Nhiều Bộ môn đã áp dụng các phương pháp dạy học tiên tiến như: dạy học dựa vào bằng chứng, dạy học dựa trên vấn đề (EBM, PBL) [4.3-8].

Bằng việc đưa sinh viên đi xuống thực tế cộng đồng đã giúp sinh viên làm quen với các trường hợp bệnh, qua đó tự mình lập kế hoạch phòng chống và khám chữa bệnh.... Hàng năm từ 10-15 sinh viên có điểm tổng kết học tập toàn khoá cao nhất làm Luận văn tốt nghiệp, tạo cho sinh viên làm quen với phương pháp nghiên cứu khoa học, chủ động trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề [4.3 -9].

2. Những điểm mạnh

Thành lập đơn vị chuyên sâu về đổi mới phương pháp giảng dạy.

3. Những tồn tại

Việc khảo sát đánh giá tính hiệu quả của việc đổi mới phương pháp giảng dạy đối với các giảng viên chưa được nhà trường thực hiện thường xuyên .

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2011 đến 2012, nhà trường cùng với Phòng Đào tạo Đại học và sau đại học sẽ xây dựng một hệ thống tiêu chí nhằm đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy của giảng viên theo định kỳ hàng năm; trong đó có khảo sát ý kiến đánh giá từ các kênh thông tin như: người giảng viên tự đánh giá hoạt động giảng dạy của mình, đồng nghiệp đánh giá, sinh viên đánh giá.

Định kỳ hàng năm tổ chức tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm trong đổi mới phương pháp giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.4: Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hoá, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo, đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện giải quyết vấn đề.

1. Mô tả

Trong những năm qua, nhà trường đã áp dụng nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá để lượng giá sinh viên như: Thi vấn đáp; thi viết tự luận; thi trắc nghiệm; bảng kiểm; viết tiểu luận; thi thực hành tại phòng thực tập, thi lâm sàng trên bệnh nhân tại buồng bệnh; thi thực tế tại cộng đồng... [4.4-1]

Tính đến thời điểm đầu năm học 2008-2009, nhà trường có trên 65% Bộ môn thuộc các khối Cơ sở và Lâm sàng áp dụng hình thức thi trắc nghiệm khách quan; 30% bộ môn áp dụng thi bằng hình thức tự luận (các môn thuộc khối cơ bản) hoặc kết hợp cả hai hình thức này. 5% bộ môn áp dụng hình thức thi vấn đáp (thuộc khối Lâm sàng); 100% các bộ môn lâm sàng tổ chức thi lâm sàng trên bệnh nhân tại buồng bệnh...

Thi trắc nghiệm được các bộ môn tiến hành lựa chọn đề thi bằng việc tổ hợp ngẫu nhiên các câu hỏi từ Bộ ngân hàng câu hỏi được lưu tại Bộ phận khảo thí trước đây thuộc Phòng Đào tạo đại học, nay là Ban Khảo thí và đánh giá chất lượng qua hệ thống thiết kế và trộn câu hỏi thi **Item banking, Test pro...** . Mỗi bộ đề thi được làm thành nhiều đề thi khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được độ khó tương đương. Việc đánh phách và khớp điểm được thực hiện theo đúng quy định. Đối với hình thức thi tự luận, quy trình ra đề thi được thực hiện theo quy định của nhà trường:

Trước mỗi buổi thi Phòng Đào tạo đại học trước đây và Ban Khảo thí hiện nay sẽ chịu trách nhiệm tổ chức cho sinh viên bắt thăm câu hỏi thi.

Đề thi được sinh viên bắt thăm ngẫu nhiên từ bộ ngân hàng câu hỏi môn học và có sự giám sát của cán bộ Phòng Đào tạo đại học trước đây và Ban Khảo thí hiện nay, đại diện lãnh đạo Bộ môn, thanh tra giáo dục. Do đề thi có nội dung bao phủ chương trình học nên đã đánh giá được mức độ tích lũy của người học, khắc phục tư tưởng học lệch, học tủ trong sinh viên. [4.4-2]

Công tác coi thi được nhà trường tổ chức đúng quy trình và được cán bộ coi thi thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ, an toàn, hiệu quả.

Ngay sau buổi thi bài thi được thu lại và bàn giao lại cho Phòng đào tạo đại học trước đây, nay là Ban khảo thí tổ chức việc đánh phách, rọc phách theo đúng quy định. Việc chấm thi viết phải do 2 giảng viên đảm nhận, điểm thi phải được gửi về Phòng đào tạo ĐH trước đây, nay là Ban khảo thí trong thời gian 2 tuần kể từ ngày nhận bàn giao bài thi. [4.4-3]

Thi lâm sàng tại buồng bệnh: Sớm nhất là 2 ngày trước khi tổ chức thi, sinh viên phải bắt thăm làm bệnh án. Các Bộ môn đều phải lượng giá lâm sàng và tay nghề theo bảng kiểm. [4.4-4] .

Thi thực hành được tiến hành tại Phòng thực tập Bộ môn, tiến hành chấm thi thực hành theo đáp án hoặc theo bảng kiểm. [4.4-5]

2. Những điểm mạnh

Các môn thi lâm sàng đều được đánh giá qua bảng kiểm.

3. Những tồn tại

Ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm có độ rộng chưa lớn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2010 - 2011, nhà trường sẽ xây dựng ngân hàng đề thi trắc nghiệm đủ lớn cho sinh viên (khoảng trên 1000 câu hỏi cho mỗi môn học) và bộ ngân hàng này có thể công bố công khai cho sinh viên tham khảo ngay từ đầu năm học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 4.5. Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của nhà trường.

1. Mô tả

Việc thông báo kết quả học tập cho sinh viên được nhà trường quy định cụ thể với từng bộ môn và phổ biến tới sinh viên trong tuần sinh hoạt đầu khóa thông qua quyết định số 72/YHP-QĐ về việc hướng dẫn thực hiện quy chế 25/2006/QĐ-BGD&ĐT [4.5-1].

Sau khi Bộ môn chấm thi xong theo quy định 2 tuần sẽ cùng phòng Đào tạo đại học vào điểm. Bản điểm gốc được lưu tại phòng Đào tạo đại học, 1 bản photo lưu tại bộ môn và 1 bản photo gửi ngay về cho lớp. Sau mỗi học kỳ, phòng Đào tạo đại học tính điểm học bổng và xếp loại học tập cho từng sinh viên, thông báo kết quả tới các lớp. Cuối năm nhà trường cũng gửi bảng điểm về cho gia đình để nắm được tình hình học tập và rèn luyện của sinh viên. Phòng Đào tạo đại học có cán bộ chuyên trách giải quyết thắc mắc của sinh viên về kết quả thi theo quy định [4.5-3]. Trong 5 năm qua không có một trường hợp nào bị sai sót về kết quả thi của sinh viên, điều đó đã tạo sự tin tưởng giúp sinh viên yên tâm học tập. Đặc biệt từ năm học 2008 - 2009, sinh viên có thể tra cứu điểm thi các môn của mình trên trang Website của nhà trường một cách nhanh chóng và thuận tiện [4.5-4].

Để làm được điều đó nhà trường đã xây dựng hệ thống sổ sách giao cho các chủ nhiệm lớp lưu điểm thi từng môn theo học kỳ, các file điện tử cá nhân và 1 phần mềm chuyên dụng có 1 cán bộ phụ trách được chia sẻ với các chủ

nhệm lớp. Sổ ghi điểm thi cùng các phôi điểm gốc được lưu trữ cẩn thận trong tủ sắt chống cháy và an toàn tại phòng Đào tạo đại học.

Việc cấp phát bằng tốt nghiệp cùng các chứng chỉ Y học cũng được tiến hành theo đúng quy định [4.5-5]. Kết thúc mỗi khóa học, sinh viên được trao bằng tốt nghiệp, chứng chỉ tại lễ tổng kết năm học, khóa học và phải ký nhận vào sổ cấp phát bằng, chứng chỉ. Đồng thời nhà trường cũng công bố việc cấp bằng, chứng chỉ cho sinh viên trên trang Website của trường cho từng khóa học, điều đó giúp các sinh viên đã tốt nghiệp nắm được các quy định, danh sách và thời gian cấp nhanh chóng và thuận tiện [4.5-6].

2. Những điểm mạnh

Sinh viên có thể tra cứu kết quả điểm thi của mình trên trang Website của nhà trường.

Hàng năm kết quả học tập của sinh viên đều được thông báo về cho gia đình sinh viên, tạo mối liên hệ chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong việc quản lý việc học tập của sinh viên.

3. Những tồn tại

Chưa có phòng riêng để lưu giữ kết quả học tập của sinh viên cũng như các cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2009 - 2010, nhà trường bố trí phòng riêng để lưu trữ các cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo do bộ phận quản lý sinh viên của phòng Đào tạo đại học phụ trách.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.6: Có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Nhà trường có một hệ thống lưu trữ thông tin dữ liệu về mọi hoạt động đào tạo. Các chương trình đào tạo chi tiết của từng năm học; các văn bản quy định về hoạt động đào tạo trong nhà trường, danh sách sinh viên các lớp từng

khóa; mỗi sinh viên có lý lịch trích ngang kèm theo địa chỉ liên hệ (chỗ ở, số điện thoại, email...); bảng điểm kết quả học tập các môn học và điểm đánh giá rèn luyện sinh viên; thời khóa biểu hàng tuần của từng lớp, từng khoa...được lưu trữ đầy đủ trên hệ thống sổ sách và phần mềm chuyên dụng cũng như các tệp tin trong máy tính tại các phòng ban và bộ môn. Riêng các bài thi kết thúc môn học của sinh viên được lưu trữ khoa học và chuyên biệt tại Ban Khảo thí, thuận tiện cho việc giải đáp thắc mắc của sinh viên về kết quả thi theo đúng quy định [4.6-1]. Phòng Đào tạo đại học cũng đã thiết lập hệ thống các sổ sách giao nhận bài thi, sổ theo dõi kết quả học tập của từng khóa, sổ cấp bằng tốt nghiệp, các chứng chỉ Y khoa [4.6-2].

Từ năm học 2008-2009, trang Website của nhà trường đã giúp sinh viên tìm được tài liệu học tập, tra cứu điểm thi, thời khóa biểu và chương trình học tập cả năm cũng như các hoạt động học tập, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, học bổng,... của toàn trường [4.6-3].

Danh sách, hồ sơ, thông tin về sinh viên các khóa sau khi đã tốt nghiệp vẫn được lưu giữ tại phòng Đào tạo đại học trong vòng 2 năm theo đúng quy định.

Tuy nhiên nhà trường chưa có các cơ sở dữ liệu về tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên đã tốt nghiệp. Năm học 2009 - 2010, nhà trường xây dựng kế hoạch lấy ý kiến sinh viên về chất lượng đào tạo của nhà trường và đã thành lập ban liên lạc cựu sinh viên [4.6-4] để thực hiện kế hoạch đánh giá về tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên nhà trường sau khi tốt nghiệp.

2. Những điểm mạnh

Nhà trường đã sớm có cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo và đã có kế hoạch đánh giá tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

3. Những tồn tại

Nhà trường chưa có cơ sở dữ liệu về tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm 2010, sẽ phân công cho bộ phận quản lý sinh viên của phòng Đào tạo tiến hành điều tra thu thập về tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên nhà trường sau khi tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 4.7: Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả

Đánh giá chất lượng đào tạo là công tác được nhà trường rất quan tâm và đã triển khai nhiều hoạt động để thực hiện như: tiến hành điều tra đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên của sinh viên đa khoa chính quy khóa 29 và sinh viên đa khoa hệ 4 năm khóa 25 [4.7-1]; đã tiến hành nghiên cứu về *kiến thức, thái độ, kỹ năng cần có của một bác sĩ đa khoa hướng cộng đồng mới tốt nghiệp từ trường Đại học Y Hải Phòng* [4.7-2]. Năm 2009, nhà trường đã xây dựng kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với sinh viên sau khi ra trường thông qua việc lấy ý kiến của các tuyến y tế có sinh viên của trường đang làm việc tại đó [4.7-3]; dùng phiếu hỏi và phỏng vấn sâu các sinh viên đã tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường.

Nhà trường cũng đã tiến hành các nghiên cứu nhu cầu về *thực trạng nguồn nhân lực điều dưỡng tại Vĩnh Bảo và An Dương 2003* [4.7-4]; *nghiên cứu khả năng quản lý công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Vĩnh Bảo và Tiên Lãng 2002* [4.7-5];... để nắm được thực tế nhu cầu của xã hội về đào tạo cán bộ y tế từ đó có những kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo của nhà trường cho phù hợp.

Trong 5 năm qua, xuất phát từ nhu cầu thiếu hụt nguồn nhân lực y tế lớn của cả nước và nhất là các tỉnh miền duyên hải phía bắc, nhà trường đã có những đề án và quyết định thành lập các khoa, mở các mã ngành mới như: ngành Cử nhân điều dưỡng chính quy và Cử nhân điều dưỡng hệ vừa làm vừa học (2005); khoa Điều dưỡng (2007) [4.7-8]; ngành Bác sĩ Y học dự phòng và kế hoạch

thành lập khoa Y tế công cộng (2009) [4.7-9]; ngành Bác sĩ chuyên khoa RHM và thành lập khoa Răng-Hàm-Mặt (2009) [4.7-10]; ngành Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm Y học (2009) [4.7-11]; ngành Dược sĩ Đại học và kế hoạch thành lập khoa Dược (2010) [4.7-12]. Trong từng năm học, nhà trường đều xây dựng kế hoạch đào tạo chi tiết cho cả năm có sự đổi mới và phù hợp với thực tế.

2. Những điểm mạnh

Đã có những điều chỉnh về hoạt động đào tạo thông qua các quyết định thành lập các khoa và mở các mã ngành đào tạo mới theo nhu cầu nguồn nhân lực y tế của xã hội.

3. Những tồn tại

Chưa tiến hành điều tra được về tình hình việc làm và thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp cũng như các ý kiến của lãnh đạo, cán bộ tại các tuyến y tế về chất lượng đào tạo của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2010, nhà trường sẽ giao cho bộ phận quản lý sinh viên của phòng Đào tạo quản lý về tình hình sinh viên của trường sau khi tốt nghiệp (về việc làm, thu nhập, đơn vị công tác...).

Hàng năm, vào dịp tổng kết năm học nhà trường sẽ phát phiếu cho sinh viên tốt nghiệp để lấy ý kiến về chất lượng đào tạo của trường. Nhà trường cũng sẽ mời đại diện các cán bộ của các tuyến y tế từ xã/phường tới tỉnh/thành phố tới trao đổi về chất lượng làm việc của các cựu sinh viên đang công tác tại đó.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Để đáp ứng được nhu cầu nhân lực y tế hiện nay, Nhà trường đa dạng hoá các loại hình đào tạo. Đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học. Thông báo kịp thời, lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn kết quả học tập của người học, việc cấp văn bằng, chứng chỉ theo đúng qui định. Điều tra về tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp và đã có những điều chỉnh về

hoạt động đào tạo như mở thêm các mã ngành đào tạo mới theo nhu cầu của nguồn nhân lực của xã hội.

Tuy nhiên, trong hoạt động đào tạo của nhà trường cũng còn những tồn tại: Chưa mở được hình thức đào tạo từ xa, chưa chuyển sang đào tạo theo tín chỉ ở tất cả các ngành học, việc đánh giá hiệu quả đổi mới phương pháp giảng dạy của giảng viên chưa được thực hiện thường xuyên, ngân hàng câu hỏi thi trắc nghiệm chưa đủ mạnh, nhà trường chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu đầy đủ về việc làm của sinh viên sau khi ra trường. Để khắc phục những tồn tại trên, nhà trường đã có kế hoạch mở thêm các hình thức đào tạo từ xa, chuyển dần qui trình đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo tín chỉ ở tất cả các ngành học, tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập của người học, điều tra để có đầy đủ cơ sở dữ liệu về việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Đánh giá chung: 6/7 tiêu chí trong tiêu chuẩn đạt yêu cầu, 1/7 tiêu chí chưa đạt yêu cầu là tiêu chí 4.6.

Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên

Mở đầu

Công tác cán bộ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường, hàng năm nhà trường có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên, có quy hoạch bổ nhiệm cụ thể rõ ràng nhằm đáp ứng chức năng nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện của nhà trường. Các mặt công tác khác cũng đều được công khai nhằm đảm bảo các quyền dân chủ cho cán bộ nhà trường. Như vậy, đòi hỏi đội ngũ cán bộ quản lý phải có phẩm chất tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ sâu và có năng lực quản lý thật sự mới hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Để đạt mục tiêu chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ sinh viên/giảng viên, cũng như sự cân bằng về kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, tin học, ngoại ngữ trong đội ngũ cán bộ viên chức, nhà trường đã có chính sách và biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ quản lý, giảng viên, kỹ thuật viên và nhân viên được học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài

nước. Ngoài ra để đảm bảo trình độ chuẩn của giảng viên và sự cân bằng về thâm niên công tác, nhà trường có kế hoạch tuyển mới, trẻ, ưu tiên cho đối tượng tốt nghiệp khá, giỏi đạt trình độ chuẩn được hợp đồng làm việc ngay nhằm trẻ hoá và nâng cao chất lượng cán bộ.

Tiêu chí 5.1: Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

1. Mô tả

Công tác cán bộ luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Trường. Hàng năm nhà trường có kế hoạch tuyển dụng minh bạch, rõ ràng, cụ thể: Phòng TCCB lập dự thảo phân bổ chỉ tiêu biên chế, Đảng ủy- BGH duyệt trên cơ sở ý kiến phản hồi của các đơn vị (phòng/bộ môn) [5.1-1]. Kế hoạch tuyển dụng viên chức được báo cáo Bộ Y tế về: Thời gian tuyển dụng, hình thức và các tiêu chí tuyển dụng; thực hiện theo các văn bản ban hành về tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch công chức. Ngoài ra với đặc thù là Trường Y, để đảm bảo chất lượng đào tạo nguồn nhân lực y tế liên quan đến sức khỏe con người nên cán bộ giảng dạy ngành y được tuyển phải là bác sĩ tốt nghiệp loại khá trở lên hoặc thạc sĩ, tiến sĩ. Số chuyên ngành khác cũng phải tốt nghiệp loại khá trở lên [5.1-2]. Song để thu hút được nguồn nhân lực tham dự, nhất là về các bộ môn cơ sở, cơ bản, nhà trường đã có mở hướng ưu tiên được hợp đồng làm việc ngay cho sinh viên ra trường tốt nghiệp loại giỏi ở lại trường.

Quy trình tuyển dụng được công khai minh bạch, rõ ràng trên báo và bảng tin của Trường [5.1-3]. Việc tuyển dụng được Bộ Y tế chỉ đạo và chứng kiến khách quan minh bạch [5.1-4]. Kết quả tuyển dụng đảm bảo được tính khách quan, đảm bảo quyền lợi cho người dự tuyển. Danh sách trúng tuyển được niêm yết công khai, rõ ràng. Sau 10 ngày không có ý kiến thắc mắc, kết quả tuyển dụng được đề nghị Bộ Y tế công nhận [5.1-5] và được tuyển dụng.

Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng phát triển đội ngũ cán bộ, cụ thể:

Với giảng viên: Trường đề ra quy định cụ thể trong vòng 5 năm kể từ khi được tuyển dụng vào trường, người được tuyển dụng cần đạt trình độ chuẩn giảng viên, hoàn thành chương trình đào tạo cao học hoặc bác sĩ chuyên khoa I [5.1-6]; động viên CBVC tiếp tục học nghiên cứu sinh hoặc chuyển đổi NCS; nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học...[5.1-6]. Năm học 2008-2009 nhà trường có tổng số 53 cán bộ học sau đại học, 11 Nghiên cứu sinh, 39 Cao học, 2 BSCKII, 1 BSCKI) [5.1-7].

Với cán bộ quản lý, nhân viên và kỹ thuật viên: có kế hoạch rà soát và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ viên chức hoàn thành chương trình học tập: đại học, cao học; học tập ngoại ngữ, tin học, cao cấp chính trị và quản lý nhà nước [5.1-8]. .. để nâng cao năng lực quản lý và hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kỹ thuật viên hướng dẫn thực hành khi được tuyển dụng có trình độ chuẩn của ngạch theo quy định của nhà nước. Nhiều đồng chí phấn đấu có trình độ cao đẳng, đại học phù hợp với yêu cầu công việc [5.1-9].

Hàng năm Phòng TCCB dự thảo kế hoạch, Đảng ủy- BGH thông qua với từng đơn vị có cán bộ đã đủ điều kiện về năng lực, phẩm chất, uy tín và trình độ: thạc sĩ, BSCKI đối với cấp phó trưởng bộ môn, tiến sĩ và BSCKII đối với cấp trưởng bộ môn và cán bộ quản lý theo đúng tiêu chuẩn văn bản nhà nước ban hành. Năm 2009 để kiện toàn bộ máy lãnh đạo, nhà trường đã bổ nhiệm 10 cán bộ, trong đó 04 cán bộ cho 04 bộ môn vừa mới thành lập, 06 cán bộ để kiện toàn cho 06 đơn vị để có cấp trưởng, cấp phó (02 cán bộ vừa học xong) [5.1-10].

Từ năm 2006, nhà trường thực hiện bổ nhiệm theo sự phân cấp của Bộ Y tế và được cụ thể hoá bằng quy trình bổ nhiệm của Trường [5.1-11]. Quy trình bổ nhiệm theo nguyên tắc công khai, dân chủ, rõ ràng: lấy phiếu tín nhiệm từ đơn vị. Một lần nữa tín nhiệm được thể hiện qua lá phiếu của tập thể cán bộ chủ chốt hoặc Hội đồng Khoa học nhà trường [5.1-12].

Quy hoạch bổ nhiệm nhằm kiện toàn bộ máy lãnh đạo, trong đó có quy hoạch dài hạn trong giai đoạn 2010 -2020 và quy hoạch ngắn hạn nhằm bổ sung lãnh đạo các đơn vị còn thiếu hoặc thay thế cán bộ nghỉ hưu [5.1-13].

2. Những điểm mạnh

Các tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm rất chi tiết công khai.

3. Những tồn tại

Tuyển dụng chưa thu hút được nguồn nhân lực tham dự, nhất là về các bộ môn cơ sở, cơ bản.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường xét tuyển và hợp đồng những học sinh khá, giỏi làm giảng viên trong khi chờ tuyển viên chức.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.2: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học.

1. Mô tả

Ngày 31 tháng 8 năm 2000 Trường Đại học Y Hải Phòng đã ra Quyết định ban hành “Quy chế thực hiện dân chủ” gồm 3 Chương- 20 Điều với mục tiêu thực hiện tốt nhất, có hiệu quả nhất những điều Luật Giáo dục quy định theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trong các hoạt động của nhà trường [5.2-1].

Trong công tác đoàn thể Nhà trường đã xây dựng Quy chế mối quan hệ công tác giữa Chính quyền và công đoàn để thực hiện tốt hơn nữa chức năng và nhiệm vụ được giao, Công đoàn cùng với chính quyền chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tổ chức động viên CBVC thực hiện thắng lợi nhiệm vụ của đơn vị và của ngành. Công đoàn tham gia quản lý nhà nước theo Luật công đoàn, giám sát hoạt động của Chính quyền trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao [5.2-2].

Việc thi hoặc xét tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng; xét hết thời gian thử việc; chế độ nâng lương; bình xét thi đua- khen thưởng, xét chọn cán bộ viên chức đi nước ngoài, công tác bảo hộ lao động; thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ... có đại diện của Ban chấp hành Công đoàn tham gia, có tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt lấy ý kiến đóng góp và dán công khai trên bảng tin trước khi nhà trường ra quyết định [5.2-3].

Việc thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ viên chức trong nhà trường được quan tâm và giải quyết nhanh chóng, kịp thời đảm bảo chế độ theo qui định [5.2-4].

Hàng năm tổ chức Hội nghị cán bộ viên chức nhằm kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết trong năm học và lắng nghe các ý kiến đóng góp của cán bộ, giảng viên và nhân viên trong toàn trường [5.2-5].

2. Những điểm mạnh

Đảm bảo tốt quyền dân chủ, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

3. Những tồn tại

Một số viên chức ở các bộ môn Lâm sàng chưa thực sự quan tâm đến việc thực hiện quy chế dân chủ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2009, Trường sẽ tăng cường phổ biến tuyên truyền rộng rãi quy chế dân chủ trong đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.3: Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước

1. Mô tả

Xác định nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên là nâng cao chất lượng đào tạo, tháng 8 năm 2008 Trường Đại học Y Hải Phòng đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó có chính sách, biện pháp được quy định rõ ràng cho các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước, cụ thể các chính sách như sau [5.3-1]: Cán bộ viên chức được nhà trường cử đi học sẽ được thanh toán học phí 100%, được hỗ trợ tiền tàu xe 150.000đ/tháng, hỗ trợ phụ cấp giảng dạy cho cán bộ đi học đạt loại khá trở lên. Học Cao học được hỗ trợ 2 triệu đồng và Nghiên cứu sinh 5 triệu đồng. Cán bộ hoàn thành luận án Tiến sĩ đúng hạn được hỗ trợ 5 triệu đồng và hoàn thành chậm 6 tháng là 1 triệu đồng [5.3-2].

Ngoài các chính sách thiết thực trên, nhà trường còn có các biện pháp nhằm động viên cán bộ học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ như: mở lớp tập huấn cho giảng viên theo kế hoạch hàng năm và tổ chức các hội nghị, hội thảo về chuyên môn nghiệp vụ ở trong nước [5.3-3]; mời các bác sĩ giỏi, các chuyên gia chia sẻ kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn [5.3-4].

Tạo điều kiện, thời gian và kinh phí cho cán bộ quản lý và giảng viên được đi học tập chuyên môn nghiệp vụ, học kinh nghiệm, tham quan học tập, tham gia các hội nghị, hội thảo ở trong nước và nước ngoài [5.3.-5].

Hợp tác, liên kết với các Trường đại học Y ở Nhật Bản, Pháp, Trung Quốc và là trường thành viên tham gia các dự án để tạo điều kiện cho cán bộ viên chức nhà trường giao lưu, học tập chuyên môn nghiệp vụ [5.3-6].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường luôn tạo cơ hội cho mọi cán bộ tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

3. Những tồn tại

Chính sách đãi ngộ cho cán bộ đi học sau đại học còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học mới 2009-2010 nhà trường thực hiện nâng chế độ đãi ngộ cho cán bộ đi học sau đại học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.4: Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả

Đội ngũ cán bộ quản lý của trường có năng lực tham mưu, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện các kế hoạch của nhà trường. Tính đến ngày 01/6/2009 nhà trường có 79 cán bộ giữ chức vụ quản lý trong đó số lượng cán bộ quản lý là đảng viên hoàn thành xuất sắc, tốt và hoàn thành nhiệm vụ được giao như sau

Bảng thống kê số lượng cán bộ quản lý là đảng viên hoàn thành xuất sắc, tốt và hoàn thành nhiệm vụ được giao [5.4-1]

Tổng số	Số Đảng viên	Đảng viên hoàn thành nhiệm vụ được giao		
		Xuất sắc	Tốt	Hoàn thành
79	66 (83,5%)	29	36	01

Nhà trường đã bố trí đội ngũ cán bộ quản lý với cơ cấu hợp lý về trình độ chuyên môn đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định. Hàng năm, nhà trường đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý thông qua công tác tổng kết, bình xét thi đua năm học [5.4-2]; thông qua Đại hội Đảng, Đánh giá phân loại Đảng viên, Đại hội Công Đoàn, Hội nghị dân chủ sinh viên, Hội nghị cán bộ chủ chốt; qua nhận xét và ý kiến phản hồi của cán bộ viên chức toàn trường trong Hội nghị CBVC về đội ngũ cán bộ quản lý [5.4-3]. Kết quả bình xét khen thưởng của Trường hàng năm cho thấy đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường đều đạt danh hiệu thi đua cao, có đầy đủ phẩm chất đạo đức và hoàn thành nhiệm vụ được giao, nhiều cán bộ được tặng thưởng các danh hiệu và phần thưởng cao quý (huân chương, bằng khen thủ tướng...). Ngoài ra, đội ngũ cán bộ quản lý đã nhận được nhiều danh hiệu khen thưởng các cấp về hiệu quả công tác; không có trường hợp cán bộ quản lý nào bị kỷ luật, vi phạm các qui chế dân chủ hay vi phạm các qui định về quyền hạn và trách nhiệm [5.4-4].

2. Những điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý của nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực quản lý chuyên môn nghiệp vụ cao; có tâm huyết với trường đoàn kết thống nhất ý chí xây dựng và phát triển nhà trường.

3. Những tồn tại

Đội ngũ cán bộ quản lý còn mỏng, một số cán bộ quản lý còn phải kiêm nhiều chức trách nhiệm vụ khác như giảng dạy hoặc quản lý nhiều đơn vị một lúc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong giai đoạn 2010-2015 nhà trường tăng cường bồi dưỡng cho các cán bộ quản lý nguồn để bổ sung cho đội ngũ cán bộ quản lý của Trường, giảm bớt sự kiêm nhiệm để nâng cao hiệu quả điều hành công việc.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.5: Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình giáo dục và nghiên cứu khoa học; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.

1. Mô tả

Để đáp ứng chương trình đào tạo với chất lượng cao, đội ngũ cán bộ giảng viên hàng năm tăng về số lượng và chất lượng. Hiện nay số giảng viên của trường có 188 người chiếm tỷ lệ 70% tổng số cán bộ viên chức trong trường; trong đó có 01 Giáo sư, 05 Phó Giáo sư, 21 Tiến sĩ, 71 Thạc sĩ, 11 Bác sĩ CKII, 08 Bác sĩ CKI, 01 giảng viên cao cấp, 71 Đại học, 57 Giảng viên chính. Trường có 134 giáo viên thỉnh giảng gồm 07 Giáo sư, 10 Phó giáo sư, 21 Tiến sĩ, 42 Bác sĩ Chuyên khoa II, 18 Thạc sĩ, 29 Bác sĩ Chuyên khoa I và 07 Đại học. Nhà trường đã có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và tạo mọi điều kiện cho cán bộ viên chức đi học các lớp Cử nhân lý luận chính trị cao cấp, Đại học ngoại ngữ và tin học để nâng cao trình độ phục vụ giảng dạy [5.5-1]

Tổng số giảng viên đã quy đổi: 285 [5.5-2]

Tổng số sinh viên đã quy đổi: 3100 [5.5-3]

Tỷ lệ trung bình 10,8 sinh viên/01 giảng viên đã quy đổi.

Trường có chiến lược phân đầu giảm tỷ lệ sinh viên/ giảng viên trong giai đoạn từ 2015 đến 2020: số lượng sinh viên từ 5000 đến 6000; số lượng giảng viên cơ hữu từ 420 đến 500. [5.5-4]

2. Những điểm mạnh

Tỷ lệ số sinh viên trên một giảng viên quy đổi đạt tỷ lệ thấp.

3. Những tồn tại

Một số bộ môn khối cơ bản, cơ sở còn chưa đủ giảng viên cơ hữu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2009 việc tuyển dụng biên chế hàng năm ưu tiên bổ sung giảng viên cho các bộ môn khối cơ sở, cơ bản và có những chính sách ưu đãi để thu hút người về làm việc.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.6: Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học

1. Mô tả

Đội ngũ giảng viên của trường có 188 người gồm 1 Giáo sư, 5 Phó giáo sư, 21 Tiến sĩ, 11 Bác sĩ chuyên khoa II, 71 Thạc sĩ, 8 Bác sĩ chuyên khoa I và 71 Đại học; 1 giảng viên cao cấp và 57 giảng viên chính. Giảng viên thỉnh giảng 134 người gồm 7 Giáo sư, 10 Phó giáo sư, 21 Tiến sĩ, 42 Bác sĩ chuyên khoa II, 18 Thạc sĩ, 29 Bác sĩ chuyên khoa I và 7 Đại học. Tỷ lệ giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo (có trình độ từ Thạc sĩ trở lên) là 63,8% trong đó tỷ lệ giảng viên có trình độ Tiến sĩ là 16%. Hàng năm, đội ngũ giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn tăng thêm 10 người. Nhiều giảng viên được bồi dưỡng sư phạm y học, tuy nhiên, tỷ lệ giảng viên có chứng chỉ sư phạm dưới 5% [5.6-1].

Về cơ cấu trình độ, các bộ môn của trường có cơ cấu gồm Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa II, Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa I và Đại học. Ngoài ra, đội ngũ lãnh đạo của các bộ môn đảm bảo tối thiểu là Thạc sĩ. Để nâng cao trình độ chuyên môn, nhà trường bố trí cử cán bộ đi học sau đại học tại các trường đại học trong và ngoài nước. Theo quy định, giảng viên tuyển về sau 5 năm phải hoàn thành Cao học và sau 7 năm phải hoàn thành chương trình Nghiên cứu sinh [5.6-2].

Tại các bộ môn có phân công giảng viên phụ trách các từng chuyên ngành sâu riêng biệt phù hợp với chuyên môn được đào tạo. Giảng viên được đào tạo nâng cao trình độ theo chuyên ngành phụ trách. Các giảng viên mới tuyển dụng có bằng đại học phù hợp với chuyên ngành cần tuyển dụng. Hiện tại, không có tình trạng giảng viên bố trí công việc trái với chuyên môn [5.6-3].

Toàn bộ giảng viên của trường đều có chứng chỉ B ngoại ngữ trở lên trong đó số giảng viên có trình độ đại học ngoại ngữ là 42 người chiếm tỷ lệ 18,5%.

Tỷ lệ giảng viên có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế như TOEFL, IELTS chiếm tỷ lệ 5,5% [5.6-4]. Trình độ tin học của giảng viên có 4 Thạc sĩ và 8 đại học chuyên ngành công nghệ thông tin. Số giảng viên có chứng chỉ tin học A, B là 66 người chiếm tỷ lệ 35%. Giảng viên đều sử dụng thành thạo các phần mềm xử lý số liệu trong nghiên cứu khoa học như Epifo, SPSS, Epidata..., sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy cho sinh viên tại các giảng đường [5.6-5].

2. Những điểm mạnh

Tỷ lệ giảng viên đạt chuẩn về chuyên môn theo quy định cao.

3. Những tồn tại

Tỷ lệ giảng viên có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong giai đoạn 2010 - 2015, nhà trường tiếp tục hỗ trợ về thời gian và kinh phí, tìm kiếm nguồn tài trợ để tạo điều kiện cho các giảng viên đi học ngoại ngữ theo các chương trình quốc tế về phục vụ công tác đào tạo của trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.7: Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định

1. Mô tả

Nhà trường đã chú ý tới việc xây dựng đội ngũ giảng viên phục vụ công tác đào tạo. Hiện tại, giảng viên của trường có sự cân bằng giữa kinh nghiệm chuyên môn và tuổi nghề. Tuổi trung bình của giảng viên là 38,5 tuổi [5.7-1]. Thâm niên công tác trung bình là 14,2 năm trong đó tỷ lệ giảng viên có thâm niên công tác dưới 5 năm là 30%, thâm niên công tác từ 5 - 10 năm là 25,5%, thâm niên công tác từ 10 - 20 năm là 14,5% và thâm niên công tác trên 20 năm là 30%. Các bộ môn của trường đều có phân bố về tuổi nghề theo cơ cấu giảng viên có kinh nghiệm và giảng viên trẻ trong đó tỷ lệ giảng viên trẻ dưới 50%. Về trình độ chuyên môn, giảng viên có trình độ sau đại học là 63,8% [5.7-2].

Bảng phân bố thâm niên công tác của đội ngũ giảng viên

	Thâm niên công tác của giảng viên				Tổng
	Dưới 5 năm	5-10 năm	10-20 năm	Trên 20 năm	
Số lượng	56	48	28	56	188
Tỷ lệ	30%	25,5%	14,5%	30%	100%

Việc trẻ hoá đội ngũ giảng viên được thực hiện theo quy hoạch phù hợp với nhu cầu đào tạo của trường. Trong 5 năm qua nhà trường đã tuyển dụng được 95 giảng viên có trình độ từ đại học loại khá trở lên là những sinh viên có tuổi đời dưới 30 tuổi. Nhà trường cũng xây dựng cơ chế nhằm thu hút các sinh viên tốt nghiệp loại giỏi về công tác sau khi ra trường [5.7-3].

Bảng phân bố tuổi của đội ngũ giảng viên

	Tuổi của giảng viên				Tổng
	Dưới 30	30 – 40	40 – 50	Trên 50	
Số lượng	65	45	34	44	188
Tỷ lệ %	34,6	24	18	23,4	100

2. Những điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên đảm bảo cân bằng giữa kinh nghiệm chuyên môn và trẻ hoá.

3. Những tồn tại

Tỷ lệ giảng viên có thâm niên công tác từ 10 - 20 năm thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong giai đoạn từ nay tới năm 2015, nhà trường tiếp tục thực hiện quy hoạch phát triển đội ngũ giảng viên. Xây dựng cơ chế hấp dẫn nhằm thu hút những người có kinh nghiệm chuyên môn và có trình độ sau đại học về công tác ở trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 5.8: Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực nghiệp vụ và được định kỳ bồi dưỡng nâng cao năng lực, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả

Nhằm đạt các mục tiêu chung của nhà trường trong giai đoạn mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo, ngoài việc tuyển dụng đội ngũ giảng viên, trường còn tuyển dụng đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên theo đúng quy định để đảm bảo chất lượng và số lượng phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học [5.8-1]

Đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên chuyên trách trong toàn trường là 74 người, chiếm 28% tổng số cán bộ viên chức của Trường.[5.8-2]

Về trình độ chuyên môn, nhân viên làm việc tại các phòng ban có trình độ Đại học trở lên là 32/74 người chiếm 43%. Kỹ thuật viên chính Y và Kỹ thuật viên kỹ thuật ở các bộ môn là 35/74 người chiếm tỷ lệ 47% trong đó Kỹ thuật viên cao cấp là 03 người; tỷ lệ cán bộ biết sử dụng thành thạo máy tính chiếm 90%; tỷ lệ cán bộ có trình độ C ngoại ngữ trở lên chiếm 47%. Một số nhân viên của các phòng Quản lý Khoa học - Hợp tác quốc tế; Phòng Đào tạo đại học và Sau đại học...có khả năng sử dụng ngoại ngữ để làm việc trực tiếp với người nước ngoài. Hầu hết các nhân viên ở các phòng chức năng đều ứng dụng phần mềm tin học vào công tác quản lý nên đã đảm bảo đáp ứng tốt được yêu cầu công việc. [5.8-3]

Nhân viên khối văn phòng làm các công việc chuyên trách như quản lý về nhân sự, đào tạo và Quản lý khoa học & Hợp tác quốc tế; Tài chính kế toán; y tế cơ quan; quản lý thư viện và kỹ thuật viên quản lý phòng máy tính thực hành, thiết bị dạy học, quản trị mạng. Phòng máy tính thực hành thuộc bộ môn Toán tin có hai nhân viên chuyên trách phục vụ giảng dạy thực hành và quản lý chung. Nhân viên Ban công nghệ thông tin ngoài việc công tác chuyên môn còn đảm nhiệm các việc như quản trị mạng, quản lý và xây dựng Website cho nhà trường. Đội ngũ Kỹ thuật viên chính y là những người đồng hành cùng giảng viên hướng dẫn thực hành tại các bộ môn cơ bản, cơ sở, lâm sàng. [5.8-4]. Ngoài ra nhà trường còn điều động một số giảng viên từ các bộ môn về làm kiêm nhiệm tại các phòng chức năng để đảm bảo được yêu cầu công việc của trường [5.8-5].

Nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên, hàng năm, nhà trường đã tạo điều kiện về mặt thời gian và kinh phí cho một số cán bộ và nhân viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn về quản lý nhân sự, kế toán, nghiệp vụ văn phòng và tin học, nghiệp vụ bảo vệ...[5.8-6].

2. Những điểm mạnh

Trường Đại học Y Hải Phòng có đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên có trình độ phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học.

3. Những tồn tại

Một số kỹ thuật viên ở các bộ môn thuộc khối cơ sở, cơ bản chưa được định kỳ bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2009, nhà trường có kế hoạch định kỳ bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, cử đi học đúng chuyên ngành cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ được cụ thể hoá bằng văn bản thể hiện công khai, minh bạch, rõ ràng và phù hợp với điều kiện của nhà trường. Công tác cán bộ đã luôn đi sát mục tiêu chiến lược phát triển giáo dục và đã đảm bảo về số lượng và chất lượng: trình độ chuẩn, năng lực chuyên môn nghiệp vụ và được trẻ hoá. Trường có kế hoạch nhân sự về quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ nhằm thực hiện mục tiêu và sứ mạng đến năm 2020. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên là xấp xỉ 10 /1 phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo. Để đảm bảo được công tác cán bộ, nhà trường đã thực hiện tốt quy chế dân chủ trong trường học, thực sự tạo được môi trường dân chủ, động viên khích lệ cho cán bộ giáo viên yên tâm công tác.

Trường có đội ngũ cán bộ giảng viên trẻ, năng động và sáng tạo, có khả năng nhanh chóng hội nhập với khu vực và thế giới, là yếu tố cơ bản để Trường nhanh chóng phát triển, tiếp cận với khoa học tiên tiến và hiện đại.

Tuy nhiên, do quá trình phát triển Trường là quá trình xây dựng qua nhiều thời kỳ nên còn gặp nhiều khó khăn về cơ sở vật chất. Trường đang đầu tư xây dựng Bệnh viện Trường và cơ sở trường mới nên việc tạo điều kiện kinh tế cho cán bộ tham gia học tập chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học còn hạn hẹp. Tỷ lệ cán bộ có trình độ tiến sĩ ở một số bộ môn cơ sở, cơ bản còn chưa đồng đều. Nhà trường chưa có kế hoạch định kỳ bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên. Một số cán bộ giảng viên và nhân viên chưa sử dụng tin học, ngoại ngữ vào công tác chuyên môn. Chưa có chế độ, chính sách cụ thể để thu hút, đãi ngộ những người có năng lực, trình độ chuyên môn cao. Đó là một số nét cần được quan tâm và có biện pháp cụ thể khắc phục nhằm hoàn thiện về mặt nhân lực trong những năm tới. Có 8/8 tiêu chí đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chuẩn 6: Người học

Mở đầu

Trong các trường đại học, người học phải thực hiện quy chế đào tạo, được hưởng các chế độ chính sách của nhà nước đối với người học; được nhà trường tạo điều kiện trong học tập, hoạt động khoa học, sinh hoạt đoàn thể, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao... đồng thời phải thực hiện nghĩa vụ đóng học phí và các khoản khác theo quy định hiện hành của nhà nước. Người học thuộc diện cử tuyển, con em các dân tộc ở các vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, diện chính sách xã hội và các gia đình nghèo được cấp học bổng, trợ cấp, được miễn giảm học phí, được vay vốn ngân hàng ... theo quy định của nhà nước.

Ở trường Đại học Y Hải Phòng, ngay từ những ngày đầu mới nhập học và trong suốt sáu năm theo học ở trường, người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình giáo dục, kiểm tra, đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được đảm bảo chế độ, chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường, được tạo điều kiện hoạt động, tập

luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường; công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho.

Các phong trào thi đua “Hai tốt”, “Thanh niên sinh viên vì ngày mai lập nghiệp”, các hoạt động sôi nổi và thiết thực của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên của trường cũng đã góp phần rất lớn trong việc rèn luyện đạo đức và lối sống, đặc biệt là giáo dục ý thức cho các thầy thuốc tương lai. Các loại sách báo, các phòng học mở cửa ngoài giờ, các phương tiện thông tin hiện đại, nhà ăn, dịch vụ được nhà trường ấn định giá để trông giữ xe cho người học trong khuôn viên của trường và ở KTX ... tất cả đều góp phần không nhỏ trong việc hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của sinh viên.

Các hoạt động hướng về người học của trường Đại học Y Hải Phòng rất phong phú và thiết thực. Chúng ta sẽ xem xét chúng một cách cụ thể qua từng tiêu chí của tiêu chuẩn này.

Tiêu chí 6.1: Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình giáo dục, kiểm tra, đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Mô tả

Để giúp các sinh viên mới nhanh chóng làm quen với môi trường học tập mới, hàng năm, ngay sau khi nhập học, các sinh viên được nhà trường bố trí hai tuần để sinh hoạt chính trị đầu khoá. Trong hai tuần này, các sinh viên được nghe phổ biến đầy đủ về các nội dung trọng tâm, các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được phổ biến, hướng dẫn đầy đủ các văn bản về mục tiêu, về chương trình đào tạo theo từng ngành học của nhà trường, về các điều kiện để được dự thi hết học phần, hết môn học, điều kiện để được dự thi tốt nghiệp, được công nhận tốt nghiệp và các văn bản có liên quan khác [6.1- 1], [6.1- 2]. Các tân sinh viên cũng được hướng dẫn đầy đủ về quy chế 25 của Bộ GD&ĐT và văn bản hướng dẫn thực hiện quy chế này của nhà trường [6.1- 3]. Khi sinh viên đến học tập tại các bộ môn, trong bài giảng đầu tiên của mình, các đồng chí trưởng bộ môn đều phổ biến cho sinh viên các yêu cầu cụ thể của môn

học, nội quy bệnh viện, nội quy phòng thực tập và phòng thí nghiệm, lịch học lý thuyết và lịch học lâm sàng, các quy định của bộ môn đối với sinh viên để học được dự thi hết môn học.

Công tác phổ biến, hướng dẫn cho sinh viên được nhà trường, các phòng ban chức năng, các bộ môn và các giáo viên chủ nhiệm thực hiện đều đặn và có hiệu quả tốt.

2. Những điểm mạnh

Toàn bộ sinh viên của trường đều được phổ biến và hướng dẫn đầy đủ về mục tiêu đào tạo, chương trình đào tạo, kế hoạch năm học, lịch trình các môn học sẽ được học trong năm, các yêu cầu về kiểm tra đánh giá và các quy định về quá trình đào tạo trong nhà trường.

3. Những tồn tại

Nếu nhà trường thêm cuốn sổ tay cho sinh viên Đại học Y Hải Phòng với các thông tin cô đọng về lịch trình các môn học, quy chế 25, và các thông tin thiết yếu khác, hiệu quả của đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa sẽ còn cao hơn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2010 - 2011, nhà trường sẽ biên soạn và ban hành cuốn sổ tay của sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.2: Người học được đảm bảo chế độ, chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường, được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của nhà trường.

1. Mô tả

Các văn bản về chế độ chính sách xã hội liên quan đến người học như “Chế độ chính sách đối với HSSV”, các nghị định, các công văn, quyết định liên ngành về chế độ học bổng, học phí và trợ cấp xã hội đối với sinh viên các trường đại học, cao đẳng ... đều được nhà trường và các đơn vị quản lý đào tạo phổ biến cho sinh viên ngay trong những ngày đầu của đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa

học [6.2 - 1]. Các văn bản này đã giúp cho người học luôn nắm vững được các quyền lợi, trách nhiệm và nắm vững các chính sách hỗ trợ của nhà nước cho người học trong suốt quá trình đào tạo tại trường.

Tất cả các chế độ chính sách đối với người học trong trường Đại học Y Hải Phòng được thực hiện theo đúng quy chế, đúng chính sách của Đảng và Nhà nước và được công bố công khai [6.2 - 2].

Bộ phận Y tế của trường với đội ngũ nhân viên và các trang thiết bị được bổ sung hàng năm, chịu trách nhiệm lập kế hoạch khám sức khỏe cho toàn bộ sinh viên mới nhập trường, cho toàn bộ số sinh viên sắp tốt nghiệp và phối kết hợp với bệnh viện trường Đại học Y Hải Phòng hoặc trước đây là với Bệnh viện Việt-Tiếp để triển khai. [6.2 - 3]. Mỗi sinh viên đều có hồ sơ sức khỏe cá nhân và được lưu giữ tại Y tế trường.

Các hoạt động ngoại khoá được nhà trường tổ chức hàng năm với các chương trình văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, các CLB Tiếng Anh, Tiếng Pháp, CLB Những người yêu thơ, CLB võ thuật, CLB khiêu vũ quốc tế ... Phòng Công tác chính trị lập kế hoạch, phối kết hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên của trường tổ chức thực hiện, góp phần tích cực vào việc giáo dục nhân cách, giáo dục thể chất và tạo ra một môi trường đào tạo tốt cho sinh viên [6.2 - 4].

Nhà trường đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần Dịch vụ Bảo vệ Hùng Vương để cung cấp dịch vụ bảo vệ 24/24 giờ và thường xuyên có từ bốn nhân viên được huấn luyện tốt trở lên trực trong khuôn viên của trường [6.2 - 5]. Nhà trường năm nào cũng ký các hợp đồng Liên kết bảo vệ trật tự an ninh với Công an các phường Đằng Giang, Đồng Quốc Bình và Liên kết bảo vệ an ninh nội bộ với PA 25 CA Thành phố Hải Phòng [6.2 - 5]. Trong khuôn viên của trường, ở mỗi tầng đều có các bình cứu hoả cá nhân và hệ thống phun nước cứu hoả để phòng cháy chữa cháy. Nhờ vậy mà không có bất kỳ một vụ việc mất an ninh trật tự nào xảy ra trong trường, và mọi người học đều được đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường. Phong trào bảo vệ ANTT của trường hàng năm được đánh giá tốt và được các cấp khen thưởng [6.2 - 5].

2. Những điểm mạnh

Mọi sinh viên của trường đều được đảm bảo các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước, được tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, được chăm sóc sức khoẻ thường xuyên và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên nhà trường.

3. Những tồn tại

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao còn chưa đa dạng và còn thiếu các cơ sở vật chất.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2011-2012 phải hoàn thiện và nâng cấp các công trình thể dục thể thao hiện có để phục vụ tốt hơn cho các nhu cầu hoạt động của sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.3: Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.

1. Mô tả

Ngay trong những ngày sinh hoạt chính trị đầu khoá, các sinh viên mới đã được nhà trường phổ biến các văn bản về quy chế rèn luyện đối với người học [6.3 - 1]. Trong từng học kỳ, các giáo viên chủ nhiệm cùng với ban cán sự lớp đều tiến hành bình xét, đánh giá thể hiện bằng điểm đối với sự rèn luyện, ý thức học tập và nếp sống của sinh viên [6.3 - 2]

Tại phòng đọc của thư viện trường, tại Văn phòng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên đều có nhiều loại sách, báo, tạp chí, tài liệu phục vụ cho nhu cầu học tập và rèn luyện đạo đức của SV, trong đó có những tài liệu để sinh viên có thể tham khảo, tự nghiên cứu nâng cao nhận thức và hoàn thiện bản lĩnh chính trị của mình [6.3-3]. Báo chí còn được dán trên bảng báo tại khu ký túc xá sinh viên để họ có thể đọc trong thời gian rỗi.

Đài phát thanh của sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng được duy trì và hoạt động đều đặn hàng tuần với các nội dung thiết thực, phong phú và góp phần không nhỏ trong việc giáo dục tư tưởng đạo đức lối sống trong sinh viên của

trường. Mọi sinh viên đều ký cam kết nói không với tiêu cực, nói không với ma túy và các tệ nạn xã hội khác.

Nhà trường giao cho Phòng Công tác chính trị lập kế hoạch hàng năm và phối kết hợp với các tổ chức đoàn thể của trường triển khai các hoạt động phục vụ cho công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống và đáp ứng mọi nhu cầu tìm hiểu và rèn luyện của người học [6.3- 4].

Tính đến tháng tư năm 2009, trong 5 năm gần đây, đã có 73 sinh viên được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam và 184 sinh viên là quân chủng ưu tú được cử đi học các lớp bồi dưỡng đối tượng kết nạp Đảng.

2. Những điểm mạnh

Công tác rèn luyện chính trị tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học rất được chú trọng và chỉ đạo tổ chức thực hiện. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban chức năng của trường với các tổ chức đoàn thể nên đã đạt được hiệu quả tốt.

3. Những tồn tại

Hoạt động của bộ phận quản lý sinh viên ngoại trú chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2010-2011, nhà trường sẽ bổ sung nhân sự và tăng cường quản lý sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.4: Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

1. Mô tả

Rèn luyện tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ nhà trường. Ngay từ đầu năm học, Đảng uỷ đã có các văn bản chỉ đạo đối với công tác đoàn thanh niên và công tác rèn luyện chính trị tư tưởng cho người học, phân công cụ thể Đảng uỷ viên phụ trách công tác đoàn, công tác rèn luyện chính trị tư tưởng; các văn bản mô tả chức năng cụ thể của Hội sinh viên [6.4-1]. Các khoá sinh viên đang học tại

trường và các khoá mới nhập trường đều được sắp xếp lịch học chính trị đầu khoá trong 2 tuần đầu năm học [6.4-2]. Chính vì vậy các đối tượng sinh viên của trường hiểu được quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong suốt thời gian theo học tại trường.

Hàng năm Đảng uỷ mở các lớp “Tìm hiểu về Đảng” cho các đoàn viên ưu tú. Số người học được tham gia các lớp “Tìm hiểu về Đảng” ngày càng nhiều, xu hướng ngày càng đồng đều giữa các đối tượng học viên và sinh viên trong trường; năm 2006 là 45 sinh viên, năm 2007 là 97 sinh viên, năm 2008 có 42 sinh viên [6.4-3]. Số đối tượng này có động cơ và tinh thần phấn đấu tốt để trở thành Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, nên từ năm 2006 đến tháng 4 năm 2009 có 73 sinh viên được kết nạp vào Đảng [6.4-4].

Đoàn thanh niên và hội sinh viên thường xuyên mở các lớp tìm hiểu và học tập các tấm gương tiêu biểu của đoàn thanh niên thuộc các thế hệ khác nhau của đoàn cũng như học tập và làm theo tấm gương các anh hùng liệt sỹ, phát động phong trào chiến dịch mùa hè xanh, hoạt động tiếp sức mùa thi, các hoạt động từ thiện, hiến máu nhân đạo... [6.4-5].

Do làm tốt công tác bồi dưỡng chính trị, tư tưởng và đạo đức tác phong cho người học, nên trong những năm qua không có học viên, sinh viên nào bị kỷ luật vì vi phạm quy chế học tập và rèn luyện đạo đức tác phong, đã tạo ra một môi trường sinh hoạt và rèn luyện lành mạnh trong nhà trường [6.4-6].

2. Những điểm mạnh

Quan tâm phát triển sớm đối tượng Đảng trong sinh viên ngay từ những năm đầu. Số lượng sinh viên được khen thưởng về rèn luyện tư tưởng, đạo đức tác phong tăng.

3. Những tồn tại

Thiếu đội ngũ cán bộ đoàn chuyên trách. Các phong trào học tập gương điển hình tiên tiến chưa được triển khai thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phấn đấu đến năm 2010-2015 có cán bộ đoàn chuyên trách, thực hiện theo dõi, động viên và đổi mới công tác sinh hoạt của các chi đoàn trong toàn trường.

Từ năm học 2008-2009 mỗi năm mở một đến hai lớp “Tìm hiểu về Đảng” nhằm bồi dưỡng những quần chúng tích cực là người học trở thành đội ngũ kế cận của Đảng.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.5: Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

1. Mô tả

Hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của các đối tượng sinh viên nhằm đạt được kết quả tốt nhất trong học tập là một trong những nội dung được Đảng ủy, BGH ưu tiên trong công tác thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Mặc dù điều kiện còn thiếu thốn, nhà trường đã tổ chức và hỗ trợ cho các loại hình câu lạc bộ tồn tại và hoạt động có hiệu quả: câu lạc bộ tiếng Anh, câu lạc bộ tiếng Pháp... [6.5-1].

Tạo điều kiện cho sinh viên có thêm cơ hội tìm kiếm tài liệu hỗ trợ quá trình học tập, thư viện nhà trường tăng thời gian mở cửa phục vụ vào các kỳ thi, miễn phí truy cập internet hàng tháng một khoảng thời gian nhất định cho mỗi sinh viên [6.5-2].

Ngoài việc học tập, sinh viên còn được tạo điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học. Hai năm một lần, nhà trường mở hội nghị khoa học giành cho cán bộ trẻ và sinh viên, lựa chọn những đề tài xuất sắc tham gia Hội nghị Khoa học Tuổi trẻ các trường Y dược Việt Nam [6.5-3].

Để tạo điều kiện cho học viên, sinh viên rèn luyện sức khỏe, nhà trường đã xây dựng một hệ thống sân bãi khá đầy đủ: 01 sân bóng đá, 03 sân bóng chuyền, 02 sân bóng rổ, cũng như đầy đủ hệ thống xà đơn, xà kép... [6.5-4]. Do được rèn luyện và thi đấu thường xuyên, nên hàng năm sinh viên nhà trường tham gia tích cực các kỳ thi đấu thể thao giữa các trường đại học và đạt khá nhiều giải thưởng. Hệ thống nhà ăn, căng tin được tổ chức lại, phong phú về mặt hàng và đổi mới về phong cách phục vụ, ngoài việc tạo điều kiện thuận lợi sinh

hoạt cho sinh viên, còn đảm bảo được dinh dưỡng và an toàn thực phẩm cho các bữa ăn [6.5-5].

Mặc dù đã có nhiều cố gắng tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên các tỉnh xa về học, nhưng do số lượng sinh viên ngày càng tăng nên hiện tại KTX nhà trường chỉ đảm bảo cho khoảng 30% số sinh viên và học viên. Số sinh viên ở trong KTX hàng tháng được hỗ trợ tiền điện, tiền nước sinh hoạt, giảm bớt một phần khó khăn trong sinh hoạt. Nhà trường cũng như Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đã có những hoạt động đáng kể tư vấn, giới thiệu địa chỉ cũng như tìm kiếm chỗ ở cho sinh viên không có chỗ ở trong KTX của trường [6.5-6].

2. Những điểm mạnh

Hỗ trợ tiền điện và tiền nước sinh hoạt cho những sinh viên ở trong KTX.

3. Những tồn tại

Điều kiện sinh hoạt và học tập trong KTX chưa đầy đủ tiện nghi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2009-2010, từng bước nâng cao điều kiện sinh hoạt và học tập cho số sinh viên ở trong KTX.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.5: Có các biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

1. Mô tả

Hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của các đối tượng sinh viên nhằm đạt được kết quả tốt nhất trong học tập là một trong những nội dung được Đảng uỷ, BGH ưu tiên trong công tác thực hiện nhiệm vụ chính trị của nhà trường. Mặc dù điều kiện còn thiếu thốn, nhà trường đã tổ chức và hỗ trợ cho các loại hình câu lạc bộ tồn tại và hoạt động có hiệu quả: câu lạc bộ tiếng Anh, câu lạc bộ tiếng Pháp... Qua hoạt động của các câu lạc bộ này, trình độ ngoại ngữ của sinh viên cải thiện đáng kể, nhiều sinh viên đạt giải trong các kỳ thi ngoại ngữ, thể dục thể thao [6.5-1].

Tạo điều kiện cho sinh viên có thêm cơ hội tìm kiếm tài liệu hỗ trợ quá trình học tập, thư viện nhà trường tăng thời gian mở cửa phục vụ vào các kỳ thi, miễn phí truy cập internet hàng tháng một khoảng thời gian nhất định cho mỗi sinh viên; chính vì vậy thư viện luôn là nơi thu hút số lượng sinh viên đông đảo tới học tập và tham khảo tài liệu [6.5-2].

Ngoài việc học tập, sinh viên còn được tạo điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học, được sử dụng các trang thiết bị, được các thầy cô có kinh nghiệm hướng dẫn...Hai năm một lần, nhà trường mở hội nghị khoa học giành cho cán bộ trẻ và sinh viên, lựa chọn những đề tài xuất sắc tham gia Hội nghị Khoa học Tuổi trẻ các trường Y dược Việt Nam [6.5-3].

Để tạo điều kiện cho học viên, sinh viên rèn luyện sức khỏe, nhà trường đã xây dựng một hệ thống sân bãi khá đầy đủ: 01 sân bóng đá, 03 sân bóng chuyền, 02 sân bóng rổ, cũng như đầy đủ hệ thống xà đơn, xà kép...giúp sinh viên luyện tập tăng cường sức khỏe, thi đấu thể thao và học thêm các môn chuyên ngành thuộc bộ môn Giáo dục thể chất [6.5-4]. Do được rèn luyện và thi đấu thường xuyên, nên hàng năm sinh viên nhà trường tham gia tích cực các kỳ thi đấu thể thao giữa các trường đại học và đạt khá nhiều giải thưởng [6.5-5]. Hệ thống nhà ăn, căng tin được tổ chức lại, phong phú về mặt hàng và đổi mới về phong cách phục vụ, ngoài việc tạo điều kiện thuận lợi sinh hoạt cho sinh viên, còn đảm bảo được dinh dưỡng và an toàn thực phẩm cho các bữa ăn.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên các tỉnh xa về học, nhưng do số lượng sinh viên ngày càng tăng nên hiện tại KTX nhà trường chỉ đảm bảo cho khoảng 30% số sinh viên và học viên. Số sinh viên ở trong KTX hàng tháng được hỗ trợ tiền điện, tiền nước sinh hoạt, giảm bớt một phần khó khăn trong sinh hoạt [6.5-6]. Nhà trường cũng như Đoàn thanh niên, Hội sinh viên đã có những hoạt động đáng kể tư vấn, giới thiệu địa chỉ cũng như tìm kiếm chỗ ở cho sinh viên không có chỗ ở trong KTX của trường [6.5-7].

2. Những điểm mạnh

Hỗ trợ tiền điện và tiền nước sinh hoạt cho những sinh viên ở trong KTX.

3. Những tồn tại

Điều kiện sinh hoạt và học tập trong KTX chưa đầy đủ tiện nghi.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phấn đấu đến năm 2015 có đủ chỗ ở cho khoảng 50% số sinh viên của trường.

Từ năm học 2009-2010, từng bước nâng cao điều kiện sinh hoạt và học tập cho số sinh viên ở trong KTX.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.6: Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước và các nội quy của nhà trường cho người học.

1. Mô tả

Trường Đại học Y Hải Phòng luôn chú trọng tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng và nhà nước, nội quy nhà trường cũng như giáo dục đạo đức, lối sống cho đối tượng sinh viên (SV) trong trường bằng nhiều hoạt động hằng năm. Nổi bật là công tác sinh hoạt tuần công dân của SV do nhà trường tổ chức mỗi năm một lần vào đầu khóa học [6.6-1], trong đó 100% SV mới của trường được học tuần sinh hoạt công dân SV, được phổ biến các nội quy, quy chế rèn luyện chuyên môn đạo đức trong trường, quyền và nghĩa vụ của người học [6.6-2]. Nội dung các hoạt động này do Bộ môn Lý luận chính trị, các phòng ban liên quan biên soạn và tổ chức dưới các hình thức nói chuyện, tuyên truyền bằng hình ảnh...[6.6-2].

Nhà trường cũng tuyên truyền lối sống và đạo đức cho người học qua các biểu ngữ, pano... với các nội dung như “Thầy và trò Đại học Y Hải Phòng thi đua dạy thật tốt học thật tốt”, “SV Đại học Y Hải Phòng nói không với tiêu cực...” [6.6-3]. Phòng công tác chính trị còn có sẵn những tài liệu, sách báo cho SV, trong số đó có thể kể đến “Sổ tay phối hợp nhà trường và gia đình trong

giáo dục học sinh SV” của Bộ GD&ĐT, phát miễn phí cho giáo viên chủ nhiệm và Ban cán sự các lớp SV [6.6-4].

Bên cạnh đó, nhà trường thường xuyên hỗ trợ kinh phí cho SV tham tổ chức và hoạt động khác giúp nâng cao hiểu biết của SV về pháp luật, lối sống và đạo đức. Những cuộc thi với những chủ đề khác nhau, ở cấp trường, địa phương hay quốc gia được phát động đều đặn hằng năm. Tại các cuộc thi này, SV Đại học Y Hải Phòng tham gia tích cực và đoạt giải cao, như cuộc thi “*Luật an toàn giao thông và kỹ năng lái xe an toàn*” do Hội SV Việt Nam tổ chức [6.6-5], “*SV với an toàn giao thông*” do Bộ GD&ĐT, UB An toàn giao thông Quốc gia và Cục Cảnh sát giao thông đường bộ tổ chức [6.6-6]. Tuy nhiên một số SV chưa nhiệt tình tham gia các cuộc thi.

Về công tác tuyên truyền đường lối của Đảng và nhà nước, nhà trường tổ chức hằng năm các buổi tọa đàm về công tác phát triển Đảng trong SV, các nội dung cần cập nhật về đường lối đều được thường xuyên tuyên truyền đến các lớp học bằng văn bản [6.6-7].

Đoàn thanh niên, Hội SV thường xuyên mở các đợt giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao nhân các ngày lễ lớn như ngày SV Việt Nam (9/1), ngày Thành lập Đoàn (26/3), ngày Nhà giáo 20/11 ..., qua đó giáo dục các giá trị đạo đức, trách nhiệm của Đoàn viên, và SV đối với Đảng, đất nước và nhân dân [6.6-8]. Các giá trị nhân văn cũng được nhà trường chú trọng giáo dục bằng những hoạt động cụ thể như phong trào Hiến máu nhân đạo, đặc biệt là Công tác khám chữa bệnh nhân đạo [6.6-9]. Tuy nhiên, theo Ban chấp hành Đoàn trường, một số ít SV chưa nhiệt tình tham gia các hoạt động trên.

Nhà trường cũng khuyến khích SV rèn luyện đạo đức và học tập bằng việc trao giải thưởng, danh hiệu cho các SV giỏi, gương mẫu. Số Đoàn viên SV kết nạp Đảng hằng năm đều tăng và trẻ hóa, trước đây thường SV được kết nạp Đảng từ năm thứ 4, nay có những SV năm thứ 3 đã được kết nạp [6.6-10].

Từ nhiều năm nay, qua các đợt điều tra, kiểm tra và xét nghiệm, trường không có SV vi phạm pháp luật, không có SV nghiện ma túy [6.6-11].

2. Những điểm mạnh

Hoạt động tuyên truyền giáo dục cho người học được Đảng ủy, Ban giám hiệu, Đoàn thanh niên, Hội SV trường Đại học Y Hải Phòng quan tâm tổ chức thường xuyên, đa dạng và được lồng ghép tốt trong các hoạt động của nhà trường.

3. Những tồn tại

Một số hoạt động chưa thu hút được tất cả SV tham gia thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giai đoạn 2010-2015, trường có kế hoạch tăng cường công tác giáo dục đạo đức lối sống và pháp luật cho SV. Nhà trường kết hợp với các phường trên địa bàn và gia đình SV tạo môi trường giáo dục tích cực và đa dạng hóa các hoạt động giáo dục nhằm mục tiêu thu hút toàn bộ SV của trường tham gia.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.7: Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

1. Mô tả

Nhằm tăng hiệu quả tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo, trong những năm qua, Trường Đại học Y Hải Phòng đã thực hiện nhiều hoạt động hỗ trợ việc làm cho người tốt nghiệp và đã bước đầu đã đạt những kết quả tích cực.

Từ năm 1997, trường đã có đội ngũ cán bộ làm công tác tư vấn giới thiệu việc làm cho SV được tổ chức thuộc phòng đào tạo đại học [6.7-1]. Tuy nhiên, trường chưa thành lập Trung tâm tư vấn hỗ trợ việc làm. Hiện nay, bộ phận phụ trách công tác học sinh SV thuộc Phòng Đào tạo Đại học là bộ phận chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ cho SV tìm kiếm việc làm [6.7-2]. Hằng năm vào các dịp lễ tốt nghiệp, trường tổ chức các cuộc gặp gỡ tiếp xúc giữa các nhà tuyển dụng là sở y tế các tỉnh và các cơ sở y tế từ nhiều địa phương gặp gỡ SV chuẩn bị tốt nghiệp. Những cuộc gặp gỡ này cho phép các cơ sở y tế giới thiệu các vị trí tuyển dụng, điều kiện làm việc và đãi ngộ nhằm thu hút SV giỏi tốt nghiệp về cơ sở làm việc [6.7-3]. Những công văn liên hệ về việc về việc

tuyển người của các cơ quan tổ chức gửi về trường đều được chuyển đến bộ phận tư vấn việc làm tại phòng Đào tạo Đại học và được niêm yết trên bảng tin và học viên nào quan tâm được hướng dẫn liên hệ với các tổ chức [6.7-4].

Bên cạnh những hoạt động trợ giúp về việc làm tại trường, Nhà trường cũng có những hoạt động tích cực khác làm tăng tỷ lệ SV ra trường có việc làm. Nhà trường đã liên hệ với các cơ sở y tế của nhiều tỉnh thành như Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Nghệ An, Thanh Hóa, Ninh Bình, Hải Phòng... trong việc đánh giá nhu cầu nhân lực y tế, liên kết và cam kết đào tạo theo địa chỉ [6.7-5]. Số lượng SV đào tạo theo nhu cầu của các địa phương ngày một tăng, năm 2008 có 55 SV Bác sỹ đa khoa, năm 2009 đến 150 SV đa khoa theo học ở diện này [6.7-6; 6.7-7].

Trong công tác đào tạo, 100% SV của trường đều đi thực tập tại các cơ sở y tế (Các bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa của Hải Phòng, các cơ sở y tế, cơ sở cộng đồng các tỉnh) theo chương trình đã được Nhà trường phê duyệt và thống nhất với cơ sở thực tập [6.7-8]. Việc này giúp cho nhiều SV sau khi tốt nghiệp được nhận về làm việc ngay tại các cơ sở thực tập (số lượng chưa được thống kê).

Ngoài ra nhà trường cũng tích cực giới thiệu các ngành nghề đào tạo tại các hội chợ việc làm của các địa phương nhằm nâng cao tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm. Tỷ lệ SV trường tốt nghiệp làm đúng ngành nghề ngày một tăng. Năm 2008, trường là một trong số 25 trường Đại học có tỷ lệ số người tốt nghiệp làm đúng ngành nghề (85%) cao nhất trong cả nước [6.7-9].

Song song với các hoạt động hỗ trợ việc làm trong nước, nhà trường còn ký kết hợp tác đào tạo Cử nhân Đông Y với trường Quảng Tây Trung Quốc, đào tạo Điều dưỡng viên với một số trường của Đài Loan, Hungary, Canada, ... Bằng tốt nghiệp cho các SV thuộc các hệ đào tạo liên kết được cấp bởi trường Đại học Y Hải Phòng và của trường đối tác. Điều này tạo điều kiện cho các SV theo học các ngành thuộc các hệ trên khi tốt nghiệp có thể dự tuyển lao động tại các nước kể trên [6.7-10].

2. Những điểm mạnh

Trường đã tích cực tổ chức các hoạt động hỗ trợ việc làm, thực hiện đào tạo theo địa chỉ. Tỷ lệ SV của trường tốt nghiệp có việc làm đúng ngành nghề cao.

3. Những tồn tại

Trường chưa thành lập Trung tâm tư vấn hỗ trợ việc làm cho SV.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ nay đến năm 2010, trường thành lập “Trung tâm tư vấn hỗ trợ việc làm” nhằm tăng cường hơn nữa công tác hỗ trợ việc làm cho SV tốt nghiệp.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.8. Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo

1. Mô tả

Sinh viên của nhà trường sau khi tốt nghiệp có khả năng thích ứng với các môi trường, hoàn cảnh xã hội khác nhau, có khả năng đáp ứng với nhu cầu lao động của xã hội, đặc biệt phục vụ cho các tỉnh Duyên hải Bắc bộ. Điều này thể hiện những thế mạnh của Nhà trường trong công tác tuyển sinh, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế, xã hội của các tỉnh duyên hải Bắc bộ cũng như trong cả nước.

Nhà trường đã tiến hành điều tra về tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp 3 khóa K19, K20, K21, kết quả tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp là 85% [6.8.1]. Bên cạnh đó nhà trường còn tiến hành khảo sát và nghiên cứu về khả năng công tác của các BS ở các cơ sở y tế nhằm có những điều chỉnh phù hợp trong công tác đào tạo, phục vụ tốt hơn nhu cầu xã hội trong từng thời điểm [6.8.2].

Để phục vụ tốt cho các công tác trên, Nhà trường đã phân công Phòng Đào tạo ĐH phụ trách công tác liên lạc với Hội cựu sinh viên của trường, thông qua các cựu SV từng giữ chức vụ Lớp trưởng, Bí thư Chi đoàn. [6.8.3]

Kết quả của một quá trình phấn đấu lâu dài này là Trường Đại học Y Hải Phòng đạt được vị trí thứ 5 trong toàn quốc về số lượng sinh viên tìm được việc

làm sau khi tốt nghiệp theo số liệu thống kê của Bộ GD-ĐT từ báo cáo của 89 trường đại học, học viện được công bố tại Hội nghị toàn quốc về chất lượng giáo dục đại học ngày 5/1/2008 [6.8.4].

Mặt khác, do đặc thù của ngành y tế quy định điều kiện hành nghề y tế tư nhân là phải có kinh nghiệm làm việc tại bệnh viện trên 5 năm, nên khả năng tự tạo việc làm rất thấp

2. Điểm mạnh của nhà trường

Tỷ lệ sinh viên tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp cao (85%)

3. Những tồn tại

Công tác điều tra khảo sát tình hình có việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp chưa được tiến hành thường xuyên liên tục

Nhà trường chưa có bộ phận chuyên trách công tác khảo sát việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có kế hoạch tiến hành khảo sát khả năng tìm việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp vào thời điểm tháng 12 hàng năm (sau khi tốt nghiệp 6 tháng)

Giao nhiệm vụ khảo sát tỷ lệ sinh viên có việc làm sau Tốt nghiệp cho Bộ phận Quản lý sinh viên của Phòng Đào tạo Đại học

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 6.9. Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

1. Mô tả:

Trường Đại học Y Hải Phòng luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng giảng dạy với mục tiêu sinh viên của trường sau khi tốt nghiệp có khả năng đáp ứng với nhu cầu lao động của xã hội, có khả năng phục vụ tốt cho công tác chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Chính vì vậy công tác đánh giá chất lượng giảng dạy luôn được nhà trường quan tâm và việc đánh giá chất lượng được Ban Giám hiệu quyết định sẽ tiến hành khảo sát từ sinh viên về chất lượng giảng dạy dưới hai hình thức:

Đánh giá chất lượng giảng dạy của từng môn học: sau mỗi môn học, các sinh viên được tham gia đánh giá chất lượng môn học về phương pháp sư phạm, khối lượng kiến thức tiếp thu trong cả môn học [6.9.1].

Đánh giá chất lượng của toàn khóa học: trước kỳ thi tốt nghiệp, các sinh viên năm 6 sẽ được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của cả khóa học về chất lượng giảng dạy nhìn chung, những kỹ năng thu được trong cả khóa học [6.9.2].

Các hình thức khảo sát được tiến hành theo phương thức: thông qua các phiếu thăm dò kín (không ghi rõ tên sinh viên đánh giá) do Phòng Đào tạo phát ra trực tiếp đến từng sinh viên và nhận lại sau khi sinh viên đánh giá xong.

Kết quả của quá trình khảo sát trung bình trên 80% sinh viên đánh giá cao về khối lượng kiến thức tiếp thu và khoảng 30% sinh viên mong muốn có sự thay đổi về phương pháp ở một số bộ môn. [6.9.3]. Bên cạnh đó, do điều kiện thời gian và khối lượng học tập quá nhiều nên đôi lúc có một số môn học đã không được đánh giá quá phiếu thăm dò như: Sinh học, Mô học, Ký sinh trùng, Triết học, Lịch sử Đảng, Nội, Truyền nhiễm...

Về đánh giá chất lượng của toàn khoá học, trên 90% sinh viên vừa tốt nghiệp hài lòng với chất lượng giảng dạy nhìn chung và trên 75% sinh viên tự tin sẽ làm tốt ở nơi công tác mới với những kỹ năng thu được trong cả khoá học. [6.9.4]

Bên cạnh đó, Website của trường có mục “Đối thoại”, đây cũng là một kênh riêng tiếp nhận những đánh giá của tất cả sinh viên về chất lượng đào tạo. Đồng thời hàng năm vào tháng 12, Nhà trường luôn tổ chức buổi đối thoại “Dân chủ sinh viên” giữa sinh viên với Ban Giám hiệu và các Bộ môn nhằm tiếp thu những đánh giá về công tác đào tạo cũng như các vấn đề tồn tại khác. [6.9.5]

Quá trình đánh giá chất lượng đào tạo từ sinh viên kết hợp cùng với công tác đánh giá chất lượng giảng dạy giữa các giảng viên dưới hình thức bình giảng sẽ luôn đảm bảo chất lượng đào tạo của Trường Đại học Y Hải Phòng ở tiêu chuẩn cao, đáp ứng nhu cầu về lực lượng cán bộ Y tế của xã hội.

2. Những điểm mạnh :

Quy trình đánh giá được xây dựng đảm bảo tính khách quan cao thông qua nhiều kênh đánh giá như phiếu thăm dò, đối thoại qua website, gặp gỡ trực tiếp với sinh viên.

3. Những tồn tại :

Chưa tiến hành công tác đánh giá chất lượng đào tạo đến tất cả các bộ môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng :

Giao nhiệm vụ đánh giá chất lượng đào tạo các môn học cho Bộ phận Quản lý sinh viên của Phòng Đào tạo Đại học.

Tiến hành đúng kế hoạch và thường xuyên công tác đánh giá chất lượng đào tạo ngay sau khi sinh viên học hết mỗi môn học.

5. Tự đánh giá : Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về tiêu chuẩn 6

Cơ bản các yêu cầu của các tiêu chí thuộc tiêu chuẩn 6 này trường Đại học Y Hải Phòng đều đạt được. Nếu khắc phục được một số tồn tại như việc soạn thảo và ban hành cuốn sổ tay sinh viên trường Đại học Y Hải Phòng; kết hợp có hiệu quả hơn với các cơ quan chức năng để quản lý sinh viên ngoại trú; thành lập bộ phận xúc tiến việc làm ngay trong trường ... thì chắc chắn người học sẽ được tạo điều kiện tốt hơn. Có 9/9 tiêu chí đạt yêu cầu.

Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Mở đầu

Hoạt động khoa học công nghệ là nhiệm vụ quan trọng của Trường, đây cũng là một trong hai nhiệm vụ chính của giảng viên. Trường đại học Y Hải Phòng đã có những ưu tiên và định hướng để phát triển tiềm lực nghiên cứu khoa học của đơn vị.

Căn cứ vào kế hoạch phát triển khoa học công nghệ của đơn vị, các mũi nhọn ưu tiên cần tập trung nghiên cứu bao gồm: nghiên cứu y học cơ bản,

nghiên cứu y học ứng dụng (chẩn đoán và điều trị), nghiên cứu Y học cộng đồng và Y học biển đảo. Mục tiêu của các nghiên cứu nhằm tập trung giải quyết những vấn đề y tế của cộng đồng dân cư. Các nghiên cứu đã góp phần quan trọng trong việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho đơn vị. Một số các nghiên cứu, dự án đã trực tiếp xây dựng năng lực giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hỗ trợ trang thiết bị, cơ sở vật chất cho các bộ môn. Hoạt động nghiên cứu khoa học đã phát huy các thế mạnh nghiên cứu của đội ngũ cán bộ giảng viên. Do yêu cầu từ thực tiễn, các nghiên cứu đã ngày càng bám sát và đáp ứng được nhu cầu thực tế. Các kết quả nghiên cứu được ứng dụng nhiều hơn trong giảng dạy, điều trị và chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho người dân tại cộng đồng.

Công tác quản lý khoa học được thực hiện theo đúng văn bản hướng dẫn của Bộ Khoa học công nghệ, Bộ Y tế. Việc tổ chức đăng ký thuyết minh đề tài, thành lập hội đồng tuyển chọn, thẩm định đề cương, kiểm tra tiến độ, sản phẩm đề tài, đánh giá nghiệm thu được thực hiện khách quan và đúng quy chế. Việc in ấn công trình được tổ chức thường xuyên hàng năm vì vậy các kết quả nghiên cứu hầu hết được công bố rộng rãi trên các tạp chí của ngành một cách cập nhật liên tục.

Tiêu chí 7.1: Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học

1. Mô tả

Cùng với đào tạo và giảng dạy, hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cũng là những nhiệm vụ quan trọng của Trường. Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn các cấp, Trường chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ hàng năm.

Quy trình xây dựng kế hoạch khoa học công nghệ của trường bắt đầu từ việc gửi thông báo và các biểu mẫu đăng ký nhiệm vụ khoa học các cấp cho các đơn vị, bộ môn trong trường. Trên cơ sở số liệu tổng hợp từ các phiếu đăng ký của các đơn vị, căn cứ vào văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế, Sở Khoa học-Công nghệ cũng như sứ mạng và định hướng phát triển của trường, nguồn nhân lực

khoa học của đơn vị và dựa vào sự phân bổ kinh phí nghiên cứu khoa học (NCKH), Phòng Quản lý Khoa học - Hợp tác quốc tế (QLKH-HTQT) xây dựng kế hoạch dự thảo về hoạt động khoa học, công nghệ của Trường. Kế hoạch dự thảo được trình và xin ý kiến của Hội đồng Khoa học- Giáo dục nhà trường trước khi được Ban Giám hiệu ký duyệt. [7.1-1] Trường chủ động triển khai kế hoạch đến từng đơn vị, cá nhân liên quan qua các hợp đồng nghiên cứu khoa học [7.1-2]. Trong quá trình triển khai thực hiện, phòng QLKH-HTQT thường xuyên kiểm tra, giám sát và báo cáo kịp thời lên ban giám hiệu về những khó khăn, vướng mắc phát sinh để điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế. [7.1-3]

Bên cạnh việc xây dựng kế hoạch hàng năm, Trường còn xây dựng kế hoạch phát triển KHCN từ năm 2006 đến năm 2010 [7.1-4]. Kế hoạch đề cập đến các hướng nghiên cứu của Trường, trong đó ưu tiên nghiên cứu y học cơ bản, y học ứng dụng trong chẩn đoán, điều trị cũng như tập trung nghiên cứu y học cộng đồng và y học biển đảo để thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, đặc biệt là nhân dân khu vực ven biển và hải đảo, nhằm thực hiện sứ mạng trong việc đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực y tế và phù hợp với xu thế phát triển của trường [7.1-5].

Kế hoạch khoa học công nghệ của trường luôn bám sát sứ mạng cũng như nội dung quy hoạch phát triển về khoa học công nghệ và phát triển công nghệ của trường đến năm 2020. Cụ thể, tiếp tục tăng về số lượng, chất lượng, quy mô, cấp quản lý và phạm vi ứng dụng các đề tài nghiên cứu khoa học y sinh học các cấp với hướng ưu tiên mũi nhọn gồm: nghiên cứu cộng đồng kết hợp với chuyên sâu thực hiện tốt công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ban đầu; nghiên cứu lĩnh vực y học biển đảo góp phần nâng cao sức khỏe lao động trên biển và nhân dân khu vực ven biển, hải đảo và xây dựng Labo đạt chuẩn quốc gia nhằm nâng cao hiệu quả điều trị lâm sàng, [7.1-6]

Trong 5 năm qua, trường đã triển khai thực hiện 18 đề tài cấp Bộ, thành phố; trên 100 đề tài cấp trường được thực hiện dựa vào nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học thường xuyên và hơn 50 đề tài được hoàn thành trên cơ sở tận dụng các nguồn kinh phí hỗ trợ khác. [7.1-7]

2. Những điểm mạnh

Kế hoạch ngắn hạn về hoạt động khoa học công nghệ của Trường được xây dựng, triển khai và đánh giá định kỳ hàng năm.

3. Những tồn tại

Chưa xây dựng kế hoạch khoa học công nghệ dài hạn định kỳ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2011-2012, Trường sẽ xây dựng kế hoạch khoa học công nghệ định kỳ cho giai đoạn 5 năm.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.2: Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch

1. Mô tả

Định kỳ vào quý I hàng năm, các đề xuất nghiên cứu khoa học các cấp được tổng hợp và phê duyệt thực hiện. Trong 5 năm từ 2005 - 2009, các cán bộ, giảng viên Trường đã triển khai, thực hiện 18 đề tài và 1 dự án cấp Bộ, thành phố, trên 100 đề tài cấp cơ sở có hỗ trợ kinh phí của đơn vị và nghiệm thu 13 đề tài và 1 dự án cấp Bộ, thành phố; 78 đề tài cấp cơ sở và nhiều hợp đồng tư vấn nghiên cứu khoa học với các đơn vị khác. [7.1-7]. Công tác phê duyệt và nghiệm thu đề tài các cấp được thực hiện theo đúng quy trình của Bộ Khoa học Công nghệ, Bộ Y tế, Sở Khoa học công nghệ và của Trường [7.2-1]. Định kỳ 2 năm một lần, vào quý 4 các năm lẻ, Trường tổ chức Hội nghị Khoa học công nghệ, tạo điều kiện để các cán bộ, giảng viên và sinh viên chia sẻ kết quả nghiên cứu đồng thời cũng là dịp để nghiệm thu các đề tài cấp cơ sở [7.2-2]. Tuy vậy, vẫn còn một số đề tài cấp cơ sở nghiệm thu chậm. Trung bình hàng năm, 60% đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng hạn.[7.2-3; 7.2-4].

Bảng 7.2.1. Số lượng đề tài các cấp trong 5 năm 2005-2009

	Đề tài cấp Bộ, thành phố	Đề tài cấp cơ sở
--	--------------------------	------------------

Số lượng đề tài đã triển khai	18	100
Số lượng đề tài đã nghiệm thu	13	78
Tỷ lệ đề tài nghiệm thu đúng hạn	80%	60%

2. Những điểm mạnh

Phần lớn đề tài cấp Bộ, thành phố và cơ sở được triển khai thực hiện và nghiệm thu đúng hạn.

3. Những tồn tại

Một số đề tài cấp cơ sở nghiệm thu chậm.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2010-2011, Trường triển khai kế hoạch tăng số lượng đề tài cấp cơ sở được nghiệm thu đúng hạn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.3: Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài nghiên cứu khoa học và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học

1. Mô tả

Việc đăng các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành ở trong và ngoài nước là một cách hữu hiệu để trao đổi thông tin về khoa học và công bố các kết quả nghiên cứu. Chính vì vậy, kết quả nghiên cứu của các đề tài các cấp do các cán bộ giảng viên Trường triển khai và thực hiện đã được công bố trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín quốc gia và quốc tế. Trong 5 năm qua, trên cơ sở kết quả nghiên cứu của 91 đề tài, các cán bộ giảng viên của trường đã viết và đăng 206 bài báo trên các tạp chí trong và ngoài nước. Trong đó, có 6 bài báo đã được đăng trên các tạp chí quốc tế: *European Respiratory Journal* (tạp chí Hô Hấp Châu Âu), *Epidemiol. Infection* (tạp chí Dịch tễ bệnh truyền nhiễm), *The International Journal of Tuberculosis and Lung Disease* (tạp chí quốc tế về Lao và Bệnh phổi), *Pubmed* (tạp chí của Viện Hàn Lâm Khoa học Hoa Kỳ),

Euporean Journal of Immunology (tạp chí Miễn dịch học Châu Âu), *International Immunopharmacology* (tạp chí Dược-Miễn dịch quốc tế) [7.3-1]. Bên cạnh đó, 199 bài báo khác cũng đã được đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước là tạp chí Y học Việt Nam và tạp chí Y học thực hành [7.3-2]. Ngoài ra, còn nhiều bài báo khác do các cán bộ của trường gửi đăng trên các tạp chí chuyên ngành khác nhưng chưa được thống kê đầy đủ [7.3-3]. Tuy trường chưa có quy định cụ thể số lượng các bài báo cho mỗi đề tài/dự án nghiên cứu khoa học các cấp phải công bố nhưng kết quả của đa số các đề tài thực hiện đều được công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước [7.3-4].

Mặc dù hầu hết các bộ môn đều thực hiện đề tài và có bài báo đăng trên tạp chí trong nước, nhưng chủ yếu tập trung ở các bộ môn có truyền thống về nghiên cứu khoa học như khối y tế công cộng và lâm sàng. Hơn nữa, số giảng viên có đề tài và các bài báo trong và ngoài nước cũng không đồng đều ở các bộ môn [7.3-5].

Nội dung của các bài báo cũng như kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học các cấp với hướng nghiên cứu tập trung vào hướng chẩn đoán, điều trị các bệnh phổ biến và đặc thù cho khu vực miền duyên hải Bắc Bộ cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe người đi biển và cộng đồng cư dân ven biển, hải đảo; phù hợp với định hướng nghiên cứu đã được xây dựng trong các kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ và định hướng phát triển của trường [7.3-6].

2. Những điểm mạnh

Số lượng các bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước phù hợp với số đề tài và định hướng nghiên cứu của trường.

3. Những tồn tại

Số lượng giảng viên có bài báo đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước chưa đồng đều ở các bộ môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2010-2011, Trường sẽ quy định định mức về số lượng bài báo từ kết quả nghiên cứu của đề tài các cấp cần đăng trên các tạp chí khoa học cho giảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.4: Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế-xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Hoạt động khoa học công nghệ của Trường đã đóng góp tích cực cho sự phát triển khoa học kỹ thuật của Ngành. Mỗi bộ môn là một mũi nhọn nghiên cứu ứng dụng, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào giảng dạy, chẩn đoán, điều trị.

Một số nghiên cứu đã tìm ra những vấn đề mới: “**Nghiên cứu mối tương quan giữa kháng nguyên đặc hiệu và đột biến gen trong ung thư tuyến tiền liệt - Đề xuất một số giải pháp phát hiện sớm**” (Thực hiện từ năm 2005-2007), nghiên cứu đầu tiên phát hiện đột biến trên gen COXI ở những bệnh nhân ung thư tuyến tiền liệt, đột biến này không trùng lặp với phát hiện của những nghiên cứu trước. Kết quả này đã mở ra hướng chẩn đoán rất sớm cho những người có nguy cơ cao mắc bệnh ung thư tuyến tiền liệt [7.4-2][7.4-3].

Một số nghiên cứu đã tiếp cận và đưa kỹ thuật mới vào chẩn đoán, điều trị: đề tài “**Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật PCR trong xét nghiệm máu tại Hải Phòng**”(Thực hiện từ năm 2007-2009) đã ứng dụng kỹ thuật PCR (phản ứng khuếch đại chuỗi AND) trong xét nghiệm máu để chẩn đoán nhanh các bệnh nhiễm HIV, viêm gan B, viêm gan C, Lao [7.4-1][7.4-2].

Nhiều đề tài đã đi sâu, nghiên cứu các vấn đề sức khỏe, bệnh tật của cộng đồng dân cư, từ đó xây dựng giải pháp can thiệp: nghiên cứu “**Đánh giá thực trạng, các yếu tố liên quan và ứng dụng giải pháp dự phòng vẹo cột sống cho học sinh thành phố Hải Phòng**” (Thực hiện từ năm 2005-2007) đã đề xuất các giải pháp phòng, phát hiện sớm vẹo cột sống và can thiệp tại các trường học của Hải Phòng [7.4-2][7.4-3]. Đề tài “**Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ở các trạm y tế xã của Hải**

Phòng” (Thực hiện từ năm 2008-2009) đã xây dựng và một số giải pháp nhằm cải thiện chất lượng khám chữa bệnh tại các trạm y tế xã của Hải Phòng.

Một số nghiên cứu mang tính dự báo nguy cơ mắc bệnh tại cộng đồng: đề tài “**Dự báo nguy cơ bệnh động mạch vành trong 10 năm tại thành phố Hải Phòng**” (Thực hiện từ năm 2007-2008) [7.4-1],[7.4-2]

2. Những điểm mạnh

Có nhiều đề tài khoa học cấp Bộ, Thành phố được ứng dụng thực tế.

3. Những tồn tại

Một số đề tài cấp Cơ sở chưa có tính ứng dụng.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2010 Trường sẽ xây dựng quy chế quản lý, nâng cao chất lượng các đề tài cấp Cơ sở.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.5: Đảm bảo nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này.

1. Mô tả

Hàng năm, nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và công nghệ của đơn vị gồm các khoản kinh phí cấp cho các đề tài, dự án cấp Bộ, thành phố, kinh phí cấp cho nghiên cứu khoa học thường xuyên. Trường khuyến khích cán bộ giảng viên tích cực tham gia nghiên cứu khoa học bằng cách đầu tư toàn bộ kinh phí cho các công trình và dự án nghiên cứu. Các kết quả, sản phẩm nghiên cứu hầu hết được phục vụ cho giảng dạy, nghiên cứu và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân tại cộng đồng, chưa trở thành sản phẩm công nghệ hoặc hàng hóa. Vì vậy, hoạt động khoa học công nghệ chưa mang lại lợi nhuận về doanh thu cho đơn vị [7.5-1].

STT	Năm	Kinh phí thu từ hoạt động KHCN (đ)	Kinh phí chi cho hoạt động KHCN (đ)	Chênh lệch Thu-Chi
------------	------------	---	--	---------------------------

1.	2002	380.000.000	380.000.000	0
2.	2003	457.677.000	457.677.000	0
3.	2004	470.000.000	470.000.000	0
4.	2005	1.465.127.350	1.465.127.350	0
5.	2006	367.735.000	367.735.000	0
6.	2007	135.000.000	135.000.000	0
7.	2008	1.100.000.000	1.100.000.000	0

2. Những điểm mạnh

Trường đã khai thác được nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học từ các đề tài, dự án cấp thành phố.

3. Những tồn tại

Kinh phí thu về từ NCKH không lớn hơn định mức chi cho NCKH.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2010 Trường có kế hoạch cân đối thu chi hợp lý để tăng nguồn thu cho đơn vị từ hoạt động khoa học công nghệ.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.6: Hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện nghiên cứu khoa học, các trường đại học khác và doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường.

1. Mô tả

Hoạt động nghiên cứu khoa học có sự phối hợp và gắn kết với nhiệm vụ đào tạo của đơn vị. Trường khuyến khích các chủ nhiệm đề tài, dự án tận dụng nguồn kinh phí từ các đề tài, dự án nghiên cứu cấp Bộ, cấp Thành phố hoặc từ nguồn tài trợ quốc tế để hỗ trợ để đào tạo nguồn nhân lực cho đơn vị. Đề tài khoa học cấp thành phố, cấp bộ, các dự án là nguồn kinh phí quan trọng giúp cán bộ, giảng viên của trường hoàn thành luận văn, luận án tốt nghiệp. Luận văn

thạc sĩ: *“Thực trạng lựa chọn dịch vụ khám chữa bệnh của người dân và kiến thức, kỹ năng của bác sĩ trạm y tế xã -huyện An Dương và Vĩnh Bảo Hải Phòng”* được thực hiện từ nguồn kinh phí đề tài thành phố: *“Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh ở các trạm y tế xã của Hải Phòng”* (Thực hiện từ năm 2008-2009); Luận án tiến sĩ: *“Hiệu quả bổ sung sớm vitamin A liều cao định kỳ 3 tháng một lần đến tình trạng dinh dưỡng, vi chất dinh dưỡng và bệnh nhiễm khuẩn ở trẻ nhỏ”* thực hiện từ kinh phí đề tài thành phố: *“Thực trạng thiếu máu thiếu vi chất dinh dưỡng, các yếu tố nguy cơ, giải pháp cải thiện tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng trong phòng chống thiếu máu, bệnh nhiễm khuẩn và suy dinh dưỡng ở trẻ tuổi bú mẹ tại ngoại thành Hải Phòng”* (Thực hiện từ năm 2007-2009)[7.4-2],[7.6-1]. Trường khuyến khích các bộ môn soạn giáo trình bài giảng, các giáo trình đã được nghiệm thu in đăng: bài giảng Tai-Mũi-Họng, bài giảng Nhi khoa, bài giảng Nội khoa, bài giảng huấn luyện kỹ năng Y khoa, bài giảng Đạo đức Y học...[7.6-2].

Trường phối hợp với các đơn vị để khai thác nguồn đề tài cho học viên: Viện Y học Biển nghiên cứu về môi trường, sức khoẻ người dân ven biển, người đi biển; Viện Dinh dưỡng về chương trình phòng chống thiếu vitamin A ở trẻ em; Trung tâm Y tế dự phòng Hải Phòng về các bệnh lây truyền, các chương trình phòng chống dịch bệnh; Bệnh viện Việt Tiệp về các phương pháp chẩn đoán và điều trị mới, Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng về các vấn đề chẩn đoán và điều trị bệnh cho trẻ em...

Các dự án chủ yếu hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực của đơn vị: tập huấn, đào tạo phương pháp giảng dạy tích cực cho giảng viên; tập huấn phương pháp đào tạo dựa trên vấn đề (PBL) và y học dựa trên bằng chứng (EBM); đào tạo cán bộ nòng cốt về giáo dục y học, quản lý, nghiên cứu khoa học và E-learning; Xây dựng đội ngũ chuyên gia có đủ năng lực tiếp cận với nền y học của khu vực và thế giới; Hỗ trợ các bộ môn xây dựng tài liệu giảng dạy, bộ công cụ lượng giá sinh viên, trang thiết bị phục vụ cho đào tạo: trang bị phòng mạng và máy tính

(30 máy tính và máy chiếu); Xây dựng phòng thực hành skillab phục vụ cho giảng dạy trên mô hình [7.6-3].

2. Những điểm mạnh

Nhiều đề tài, dự án đóng góp cho đào tạo và xây dựng nguồn nhân lực cho đơn vị.

3. Những tồn tại

Chưa có quy chế, quy định cụ thể trong việc gắn kết, phối hợp giữa hoạt động khoa học công nghệ với hoạt động đào tạo trong đơn vị.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2009-2010, xây dựng quy chế phối hợp, gắn kết giữa các nhiệm vụ khoa học công nghệ với nhiệm vụ đào tạo, xây dựng nguồn nhân lực cho đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 7.7: Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

1. Mô tả

Nghiên cứu khoa học là một trong các nhiệm vụ chính của giảng viên. Quyền hạn và nghĩa vụ tham gia NCKH và công nghệ của giảng viên được quy định trong “*Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Hải Phòng*” [7.7-1]. Ngoài việc hoàn thành định mức giờ giảng, giảng viên phải hoàn thành ít nhất 1 công trình nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trong một năm học, chỉ tiêu này được phòng Quản lý khoa học và hợp tác quốc tế, phòng Tổ chức cán bộ giám sát và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên vào cuối năm học [7.7-2].

Các đề tài được trường xét cấp kinh phí phải được thông qua hội đồng xét duyệt đề cương nghiên cứu để xem xét và đánh giá tính khoa học, giá trị thực tiễn, tính khả thi và đạo đức của nghiên cứu.

Trường chưa có văn bản quy định về năng lực và đạo đức trong hoạt động khoa học công nghệ, nhưng để xem xét và giao đề tài nghiên cứu cấp cơ sở

cho cán bộ, giảng viên thì phải thực hiện đúng quy trình xét duyệt thông qua đề cương nghiên cứu như sau: Hội đồng khoa học họp, đánh giá về khía cạnh khoa học và đạo đức để kết luận đồng ý (hay không đồng ý) cho triển khai đề cương nghiên cứu đó.

Các văn bản nhà nước quy định về đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ đã được tuyên truyền phổ biến trong đơn vị [7.7-3]. Trong quyết định nghiệm thu, xếp loại, khen thưởng đề tài khoa học được xác định rõ chủ nhiệm đề tài, các thành viên tham gia để hạn chế tối đa việc tranh chấp quyền tác giả. Các đề tài KHCN cấp Bộ sau nghiệm thu được đăng ký kết quả nghiên cứu tại Viện thông tin Y học trung ương, một số nghiên cứu đã đăng ký kết quả nghiên cứu tại trung tâm thông tin khoa học và công nghệ quốc gia - Bộ khoa học công nghệ & môi trường, nhưng chưa có sản phẩm khoa học nào được đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ [7.7-4].

2. Những điểm mạnh

Các đề tài cấp cơ sở được Hội đồng khoa học xét duyệt đề cương xem xét và đánh giá.

3. Những tồn tại

Chưa có văn bản quy định về năng lực và đạo đức trong nghiên cứu.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2009-2010, ban hành văn bản quy định năng lực và đạo đức trong nghiên cứu.

5. Tự đánh giá: Chưa đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về tiêu chuẩn 7

Hoạt động nghiên cứu khoa học đã có những đóng góp lớn cho sự phát triển nguồn lực của đơn vị, là động lực thúc cán bộ, giảng viên tích cực nâng cao chất lượng giảng dạy tại các bộ môn.

Nguồn vốn dành cho hoạt động nghiên cứu khoa học chưa được quản lý và điều tiết một cách hợp lý để hoạt động này mang lại nguồn thu cho đơn vị.

Để khắc phục thực trạng này, trường sẽ xây dựng quy chế thu - chi trong nghiên cứu khoa học để tăng nguồn thu cho đơn vị.

Trong nội dung của Tiêu chuẩn 7, đã có 5/7 tiêu chí đạt yêu cầu, còn lại 2/7 tiêu chí chưa đạt yêu cầu là tiêu chí 5.7 và tiêu chí 7.7.

Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế

Mở đầu

Hoạt động hợp tác quốc tế là một trong những hoạt động quan trọng, góp phần tạo nên sự đa dạng trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, đem lại sự cải thiện đáng kể về cơ sở vật chất cho trường Đại học Y Hải Phòng. Thực vậy, trong 5 năm gần đây trường Đại học Y Hải Phòng đã tranh thủ mọi cơ hội để ký kết được các hợp đồng song phương, xây dựng và mở rộng được nhiều mối quan hệ hợp pháp với các nước và tổ chức trên Thế giới, từ đó mang lại nhiều lợi ích cho Trường. Tuy nhiên, các hoạt động hợp tác quốc tế của đơn vị luôn được tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước, đó là các hoạt động hợp tác có hiệu quả về đào tạo cũng như nghiên cứu khoa học.

Tiêu chí 8.1: Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

1. Mô tả

Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác Quốc tế của trường Đại học Y Hải Phòng được thành lập vào năm 2006 trên cơ sở của Ban Đối ngoại và Phòng Quản lý khoa học[8.1-1]. Hiện có 2 cán bộ kiêm nhiệm phụ trách công tác quan hệ hợp tác quốc tế dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Hiệu trưởng. Tính đến nay Phòng đã tìm kiếm và có 15 quan hệ hợp tác quốc tế. Các đối tác là các trường đại học quốc tế, tổ chức chính phủ và phi chính phủ. Trong số các đối tác trên đáng lưu ý là hợp tác với Đại sứ quán Pháp, hiệp hội các trường đại học sử dụng tiếng Pháp (AUF), đại học Y quốc gia Belarus, viện Trung Y Quảng Tây Trung Quốc, đại học Y Tây Brest, đại học Y Marseille, đại học Y Paris X thuộc cộng hoà Pháp, chính phủ Hà Lan...[8.1-2]. Hoạt động của Phòng Quản lý khoa học

và Hợp tác quốc tế dựa trên những qui định về hợp tác quốc tế của Trường đã được Bộ Y tế phê duyệt [8.1-3] cụ thể: Phòng có chế độ theo dõi, thống kê danh sách đoàn ra đoàn vào, chế độ báo cáo sở ngoại vụ, công an thành phố, việc chấp hành nội qui, qui chế của cán bộ, giáo viên và sinh viên của Trường đi học tập và nghiên cứu tại các trường, cơ sở của đối tác, chế độ xin phép và báo cáo an ninh trước và sau khi ký kết hợp tác...[8.1-4].

Về công tác theo dõi đoàn ra, đoàn vào: Phòng đã phối hợp với phòng Tổ chức cán bộ có chế độ theo dõi, thống kê đầy đủ, thường xuyên danh sách đoàn ra, đoàn vào Trường thăm quan, trao đổi và hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và báo cáo định kỳ cho an ninh của Thành phố [8.1-4].

Về công tác lưu học sinh, cán bộ của Trường học tập, công tác tại các trường, cơ sở học tập, nghiên cứu của đối tác: Giáo viên, cán bộ, sinh viên của Trường đi công tác, học tập, nghiên cứu sinh tại các cơ sở của đối tác luôn luôn chấp hành nghiêm chỉnh qui chế lưu học sinh của Đại sứ quán Việt Nam tại nước đó, mặt khác cũng chấp hành nghiêm chỉnh nội qui của các cơ sở của đối tác. Cho đến nay không có trường hợp nào vi phạm nội qui, hay ở lại cơ sở của đối tác. Mặt khác, đoàn công tác, cán bộ, sinh viên của phía đối tác đến làm việc, học tập tại Đại học Y Hải Phòng được Phòng hợp tác quốc tế hướng dẫn làm thủ tục chu đáo, đầy đủ và đúng pháp luật, họ cũng được phổ biến nội qui khi làm việc, học tập tại trường, cho tới nay chưa có trường hợp nào vi phạm nội qui hay vi phạm pháp luật của Nước cộng hoà XHCN Việt Nam [8.1-5].

Về chế độ báo cáo, xin phép: Đại học Y Hải Phòng đã và đang phối hợp chặt chẽ với cơ sở Ngoại vụ, công an của thành phố như PA25 và PA18 để đảm bảo cho các quan hệ với đối tác nước ngoài diễn ra đúng pháp luật. Ngoài chế độ báo cáo định kỳ, trước khi ký kết với đối tác nước ngoài bao giờ Trường cũng có văn bản báo cáo xin phép và báo cáo cụ thể sau khi đã ký kết với đối tác nước ngoài [8.1-6]. Ngoài ra, Trường cũng thường xuyên có báo cáo theo yêu cầu của sở Ngoại vụ hay của cơ quan an ninh thành phố khi cần thiết ngoài các báo cáo định kỳ [8.1-6]. Theo ngành dọc, Đại học Y Hải Phòng cũng có văn bản

trình Vụ hợp tác quốc tế Bộ Y tế, Bộ giáo dục-Đào tạo về các quan hệ với nước ngoài trước khi tiến hành thảo luận, ký kết [8.1-7].

Tính từ khi thành lập trường tới nay, Trường Đại học Y Hải Phòng chưa vi phạm qui định, pháp luật của Nhà nước về hoạt động đối ngoại.

2. Những điểm mạnh

Trường sớm xây dựng và có văn bản qui định hoạt động đối ngoại.

3. Những tồn tại

Số lượng cán bộ làm công tác đối ngoại còn mỏng và kiêm nhiệm. Thiếu cán bộ chuyên trách.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2009-2010, Phòng tuyển thêm 01 cán bộ làm việc chuyên trách về hoạt động quan hệ hợp tác quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 8.2: Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học.

1. Mô tả

Trường Đại học Y Hải Phòng, do thành lập sau nên còn rất trẻ so với 8 trường Đại học Y - Dược toàn quốc khác. Để quảng bá, nâng cao uy tín, thương hiệu của mình, trường Đại học Y Hải Phòng đã song song có nhiều giải pháp quan trọng. Một trong các giải pháp là mở rộng các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi giảng viên và người học.

Ngay từ năm 1993 khi còn là Phân hiệu Đại học Y Hải Phòng, Trường đã ký hợp tác với Đại sứ quán Pháp, hiệp hội các trường đại học sử dụng tiếng Pháp khu vực tây Thái Bình Dương tại Hà Nội về trao đổi giảng viên và đào tạo chung. Giảng viên của trường Đại học Y Hải Phòng có trình độ Pháp ngữ được tuyển chọn sang học tập và thực hành tại các trung tâm đại học-bệnh viện lớn và có uy tín của cộng hoà Pháp. Thông qua chương trình này, đội ngũ giảng viên

của Trường được đào tạo cơ bản, trở thành đội ngũ giảng viên có trình độ, đội ngũ cán bộ quản lý giỏi do vậy nâng cao năng lực đào tạo của Nhà trường. Cho đến thời điểm hiện tại, chương trình này đã đào tạo được 10 giảng viên [8.2-1]. Được sự phối hợp giúp đỡ của AUF, Trường đã cử giảng viên sang học tập, làm việc, soạn thảo chương trình giảng dạy tiếng Pháp chuyên ngành cho sinh viên của Trường Đại học Y Hải Phòng lựa chọn học Pháp ngữ chuyên ngành. Đến nay đã đào tạo được 6 giảng viên Pháp ngữ chuyên ngành [8.2-2]. Ngược lại, hàng năm, AUF đều cử giảng viên của các trường đại học sử dụng Pháp ngữ sang giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Pháp và chấm luận văn tốt nghiệp bằng tiếng Pháp cho các sinh viên học Pháp ngữ chuyên ngành. Trong 5 năm trở lại đây đã có 7 giảng viên Pháp ngữ sang làm việc tại Trường [8.2-3].

Hiện nay Trường đã có liên kết đào tạo bác sỹ y học cổ truyền với học viện Trung Y Quảng Tây Trung Quốc. Chương trình đào tạo đã được thống nhất giữa trường Đại học Y Hải Phòng và học viện Trung Y Quảng Tây Trung Quốc. Hai năm đầu sinh viên học tại Trường Đại học Y Hải Phòng, 4 năm sau học tại học viện Trung Y Quảng Tây. Bằng tốt nghiệp do học viện Trung Y Quảng Tây cấp.

Về trao đổi học viên, từ 5 năm trở lại đây, Trường đã tiếp nhận 23 sinh viên các trường Y của cộng hoà Pháp như Brest, Marseille và một số trường khác đến học tập, nghiên cứu trong dịp hè [8.2-4]. Ngược lại cũng có 5 sinh viên của trường Đại học Y Hải Phòng được lựa chọn sang học tập tại đại học Y Marseille hay Bordeaux [8.2-5]. Chương trình hợp tác này không những giúp sinh viên của trường đại học Y Hải Phòng tiếp cận văn hoá, y học hiện đại và cải thiện khả năng Pháp ngữ mà còn giúp sinh viên Pháp tiếp cận với mô hình bệnh tật của các nước đang phát triển thuộc khu vực khí hậu nhiệt đới như Việt Nam. Chương trình học của sinh viên Pháp tại Hải Phòng do giảng viên của trường Đại học Y Hải Phòng đảm nhiệm.

Ngoài hợp tác đào tạo với các trường Y của cộng hoà Pháp, trường Đại học Y Hải Phòng còn hợp tác với các tổ chức quốc tế khác như: tổ chức Pathfinder International của Hoa Kỳ tại Hà Nội. Tổ chức này đã hỗ trợ cho

Trường dự án “Tăng cường giảng dạy về HIV/AIDS” và dự án “Tăng cường giảng dạy về sức khoẻ sinh sản”. Thông qua các hoạt động của dự án đã hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên của bộ môn Sản, bộ môn Truyền nhiễm và các bộ môn khác cập nhật kiến thức, soạn thảo chương trình giảng dạy về các nội dung trên. Đặc biệt Pathfinder International đã giúp đỡ Trường biên soạn Bài giảng đạo đức Y học, đây là mảng kiến thức rất mới có tính thời sự và phù hợp với nhu cầu thực tế hiện nay [8.2-6].

Các đối tác với trường Đại học Y Hải Phòng còn trực tiếp đào tạo giảng viên cho Trường. Tính đến nay đã có 5 cao học, nghiên cứu sinh đã tốt nghiệp và đang học tập tại cơ sở đào tạo của đối tác [8.2-7].

Quan hệ hợp tác quốc tế của Trường không những tập trung đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao mà còn đem lại nguồn lợi về vật chất. Quả vậy, từ các hợp tác khác nhau trường Đại học Y Hải Phòng đã mang lại số tiền là 5,6 tỷ đồng Việt Nam. Số tiền này giúp nhà trường mua sắm trang thiết bị như bàn ghế, máy vi tính, máy chiếu phục vụ giảng dạy...Đặc biệt nhờ sự giúp đỡ trên, Trường đã trang bị một phòng máy tính giúp tổ chức hội nghị khoa học, hội thảo và đào tạo từ xa, một phòng Skills-Lab giúp nâng cao chất lượng giảng dạy các kỹ năng trong y khoa cho sinh viên trước khi họ đi thực tập tại bệnh viện. Trường Đại học Kanazawa của Nhật Bản đã trang bị cho bệnh viện trường Đại học Y Hải Phòng một trung tâm xét nghiệm sinh vật học phân tử để nâng cao năng lực chẩn đoán, điều trị bệnh và là cơ sở thực tập hiện đại cho sinh viên của trường [8.2-8].

Về các hoạt động tham quan khảo sát, trường Đại học Y Hải Phòng đã tổ chức 01 chuyến sang thăm học viện Trung Y Quảng Tây Trung Quốc. Chuyến đi này nhằm tìm hiểu thực trạng của đối tác để đi đến ký kết hợp tác đào tạo bác sỹ y học cổ truyền giữa 2 trường [8.2-9].

2. Những điểm mạnh

Hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo của trường đại học Y Hải Phòng đã mang lại nguồn nhân lực có chất lượng cao và nguồn lực về vật chất đáng kể phục vụ cho sự nghiệp đào tạo của nhà trường.

3. Những tồn tại

Các dự án về đào tạo của trường Đại học Y Hải Phòng vẫn dựa nhiều về phía đối tác. Trường chưa thực sự phát huy thế mạnh của mình khi đi tìm đối tác nhất là chưa có hoạt động liên kết đào tạo mà nhà trường giữ vai trò chính.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trường đại học Y Hải Phòng trong năm học 2009-2010, sẽ áp dụng một mô hình hợp tác đào tạo mới với Viện Y học nhiệt đới Viên chăn của cộng hoà dân chủ nhân dân Lào. Trường cùng ký bằng tốt nghiệp, cùng lựa chọn học viên.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 8.3: Các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.

1. Mô tả

Trong 5 năm trở lại đây, trường Đại học Y Hải Phòng đã chú trọng và tìm kiếm được các quan hệ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học. Đáng kể nhất trong các hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học là: Nghiên cứu khoa học do dự án tăng cường giảng dạy hướng cộng đồng với chính phủ Hà Lan tài trợ, nghiên cứu khoa học về tình hình tai nạn giao thông với tổ chức Jica của Nhật Bản và nghiên cứu xu hướng nhiễm HIV/AIDS và Viêm gan C (HCV) tại Hải Phòng do trường đại học Kanazawa Nhật Bản hỗ trợ [8.3-1].

Dự án Việt Nam Hà Lan (VietNam-Netherlands Project) giai đoạn II có tên «Tăng cường giảng dạy hướng cộng đồng trong 8 trường đại học Y của Việt Nam» đã có nhiều thành tựu. Tại trường đại học Y Hải Phòng, dự án đã hỗ trợ phát triển tài liệu học tập của 15 bộ môn can thiệp, biên soạn cuốn sách về kiến thức, thái độ, kỹ năng cần thiết của bác sỹ Đa khoa (sách xanh=Blue Print Book) [8.3-2]. Hiện nay dự án đang phối hợp với nhà trường tiến hành nghiên cứu về

chí phí trong đào tạo y khoa. Kết quả nghiên cứu giúp nhà trường, bộ giáo dục quyết định mức học phí phù hợp cho đào tạo sinh viên y khoa [8.3-3].

Năm 2007 trường Đại học Y Hải Phòng được sự giúp đỡ tài trợ của tổ chức JICA của Nhật Bản hỗ trợ kinh phí đã tiến hành nghiên cứu thực trạng tai nạn giao thông của 7 tỉnh và thành phố khu vực phía bắc Việt Nam là Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Lào Cai, Nghệ An, Quảng Trị và Đà Nẵng. Kết quả nghiên cứu giúp tổ chức JICA hoàn thành chương trình tổng thể làm giảm tỷ lệ tai nạn giao thông ở Việt Nam [8.3-4].

Ngoài trường Đại học Y Hải Phòng, bệnh viện trường Đại học Y Hải Phòng cũng nhận được sự giúp đỡ từ các hoạt động hợp tác quan hệ quốc tế. Trường đại học Kanazawa của Nhật Bản đã giúp đỡ bệnh viện Đại học Y Hải Phòng một trung tâm xét nghiệm sinh học phân tử. Trung tâm labo này đã giúp bệnh viện tăng cường khả năng phục vụ bệnh nhân, nghiên cứu khoa học. Hơn nữa, đây cũng là nơi phục vụ giảng dạy, thực hành cho sinh viên [8.3-5].

Hiện nay, trường Đại học Y Hải Phòng đang thực hiện một nghiên cứu hợp tác với trường đại học KANAZAWA của Nhật Bản, đề tài: "Nghiên cứu xu hướng nhiễm HIV/AIDS và HCV tại Hải Phòng, Việt Nam". Kết quả nghiên cứu cho biết đặc điểm hai bệnh trên tại Hải Phòng, góp phần vào việc điều trị và phòng bệnh hiệu quả cho nhân dân địa phương.

Về hội nghị, hội thảo khoa học, trường đại học Y Hải Phòng đã tổ chức 15 hội nghị khoa học về HIV/AIDS, sức khỏe sinh sản, hội nghị khoa học liên viện trường về vấn đề y tế địa phương và quốc tế hiện nay [8.3-6]. .

2. Những điểm mạnh

Trường Đại học Y Hải Phòng đã có hợp tác nghiên cứu khoa học về vấn đề y tế của địa phương.

3. Những tồn tại

Tuy đã có hợp tác nghiên cứu khoa học hiệu quả nhưng còn ít về số lượng và chưa phong phú về thể loại, loại hình.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm học tới, trường sẽ chú trọng hơn nữa về nghiên cứu khoa học về vấn đề sức khoẻ của nhân dân địa phương. Đó là nghiên cứu về sức khoẻ dân số biển đảo, thực trạng sức khoẻ của người đi biển ...

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về tiêu chuẩn 8

So sánh các tiêu chí của tiêu chuẩn 8 “Hoạt động hợp tác quốc tế” với yêu cầu đặt ra cho một trường đại học, chúng tôi thấy rằng trường đại học Y Hải Phòng đã có 15 hợp tác quốc tế với các trường đại học Y, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ ở khắp nơi trên thế giới, các hoạt động hợp tác quốc tế diễn ra theo sự cho phép của luật pháp. Đã có nhiều hợp tác về đào tạo giữa trường Đại học Y Hải Phòng và các trường đại học Y quốc tế khác nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, sinh viên, đem lại nguồn lợi cho nhà trường về phát triển cơ sở vật chất, nâng cao uy tín của nhà trường. Hơn nữa, Đại học Y Hải Phòng còn có hợp tác về lĩnh vực nghiên cứu khoa học có giá trị thực tiễn to lớn cho nhân dân thành phố, giúp cho cán bộ nhà trường có thêm kinh nghiệm trong nghiên cứu, đem lại nguồn tài chính to lớn nhằm mở mang cơ sở vật chất cho giảng dạy và phục vụ bệnh nhân của nhà trường. Như vậy, trong nội dung của tiêu chuẩn 8 có 3/3 tiêu chí đạt yêu cầu.

Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị và cơ sở vật chất khác

Mở đầu

Những năm qua trường Đại học Y Hải Phòng không ngừng quan tâm tới điều kiện mua sắm, xây dựng cơ sở vật chất để tạo điều kiện cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học. Trong đó nhà trường đã đầu tư mua sắm nhiều trang thiết bị mới, công nghệ hiện đại nhất hiện nay. Trường đã xây dựng nhiều phòng học mới, tu sửa khu ký túc xá sinh viên khang trang sạch đẹp. Bên cạnh đó việc bảo vệ an ninh, an toàn tài sản của trường cũng đạt được nhiều thành tích tốt trong những năm qua.

Để phục vụ sinh viên học tập tốt hơn, Thư viện trường Đại học Y Hải Phòng đã tăng cường mua sắm thêm nhiều sách báo, tạp chí, sách tham khảo... tăng cả về số đầu sách và số lượng sách gồm có 23863 cuốn sách tương đương 3230 đầu sách. Thư viện có 02 phòng đọc được trang bị đầy đủ hệ thống đèn chiếu sáng, điều hoà tốt với công suất lớn có thể phục vụ 100 sinh viên đọc tại chỗ giúp cho sinh viên có thêm không gian yên tĩnh để học tập, nghiên cứu tài liệu. Bên cạnh đó, nhà trường xây dựng 01 thư viện điện tử với 25 máy tính phục vụ việc tra cứu, tìm kiếm tài liệu và học tập của cán bộ, giảng viên và sinh viên trong toàn trường.

Với phương châm “Phục vụ hết mình vì công cuộc xây dựng phát triển trường, góp phần vào phong trào dạy tốt - học tốt” nhiều năm qua phòng Vật tư - Trang thiết bị đã tư vấn giúp Ban Giám Hiệu mua sắm nhiều trang thiết bị mới, công nghệ hiện đại nhất như: máy siêu âm màu 4D, bộ nội soi tiêu hoá, máy X-Quang răng Panorama, máy Realtime PCR.... Bên cạnh đó, nhà trường chú trọng Tin học hoá trong công việc và giảng dạy, mua sắm nhiều máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy chiếu mới... Xây dựng hệ thống mạng LAN, xây dựng website (có thuê địa chỉ IP tĩnh) để quảng bá Trường với toàn Thế giới.

Nhà trường xây dựng mới nhiều phòng học, phòng hội thảo, rộng rãi, sạch đẹp, thoáng mát. Trường đã chuyển toàn bộ sang khu trường mới với cảnh quan không gian đẹp hơn, thoáng mát hơn, hiện đại hơn. Trên cơ sở số phòng học hiện có, nhà trường còn kết hợp với nhiều bệnh viện trong Thành phố để xây dựng các bộ môn phục vụ việc học tập của sinh viên được thuận tiện hơn như: bệnh viện Đa khoa Hữu Nghị Việt Tiệp, bệnh viện Lao và bệnh phổi, bệnh viện Trẻ em, bệnh viện Phụ Sản, bệnh viện Tâm Thần, Bệnh viện đa khoa Kiến An... Điều đặc biệt hơn nữa, năm 2008 nhà trường đã cải tạo và xây dựng được bệnh viện thực hành của riêng trường - bệnh viện Đại học Y Hải Phòng.

Để phục vụ đời sống sinh viên ngày một tốt hơn, nhà trường có ký túc xá phục vụ sinh viên sinh hoạt nội trú. Nhà trường đã xây dựng 1 nhà ăn tập thể vệ sinh sạch sẽ, thoáng mát, giá cả hợp lý để phục vụ sinh viên. Nhà trường thường xuyên quan tâm tới điều kiện sinh hoạt vui chơi giải trí của sinh viên như: thành lập

câu lạc bộ thơ, câu lạc bộ võ thuật, câu lạc bộ tiếng Anh, tổ chức các giải bóng đá, bóng chuyền, cầu lông hàng năm...

Phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc của nhà trường nhiều năm qua đã gặt hái nhiều kết quả tốt, tình hình bảo vệ an ninh trật tự tại khu trường cũ (bệnh viện Đại học Y Hải Phòng) gắn liền với khu ký túc xá, khu tập thể của cán bộ giảng viên của trường tuy có nhiều phức tạp, người ra vào hàng ngày rất đông. Nhưng với tinh thần làm việc cao của các nhân viên bảo vệ nên nhiều năm qua chưa xảy ra vụ ẩu đả, xô xát, mất cắp nào nghiêm trọng. Trong nhiều năm liền, Trường được Công An Thành phố, UBND thành phố tặng nhiều cờ thi đua, bằng khen. Tại khu trường mới, nhà trường thuê đội bảo vệ chuyên nghiệp của công ty bảo vệ Hùng Vương cũng có nhiều tích cực, không cho người ngoài lạ mặt nào vào trong khuôn viên của nhà trường, chưa xảy ra vụ việc mất an toàn. Công tác an ninh trật tự được đảm bảo. Vì vậy, cán bộ, giảng viên, sinh viên của nhà trường rất yên tâm trong công tác, sinh hoạt và học tập.

Tiêu chí 9.1: Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và nghiên cứu khoa học có hiệu quả.

1. Mô tả

Nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học là nhiệm vụ trọng tâm của Trường, trong đó Thư viện là một khâu quan trọng.

Sách ở Thư viện tính đến tháng 3 năm 2009 có 23863 cuốn tương đương 3230 đầu sách gồm: giáo trình chuyên ngành có 279 đầu sách tương đương 17905 cuốn [9.1-1], tài liệu tham khảo 983 đầu sách tương đương 4364 cuốn [9.1-2], tài liệu ngoại văn 775 đầu sách tương đương 1040 cuốn [9.1-3], có 120 đĩa CD Medline chạy trên phần mềm Winspire 4.01 phù hợp đáp ứng nhu cầu của 3200 sinh viên các hệ, đội ngũ cán bộ công chức và giảng viên trong toàn trường. Có 20 chủng loại báo và 29 đầu tạp chí chuyên ngành trong nước [9.1-4;9.1-5], đáp ứng cơ bản nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của cán bộ,

sinh viên. Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu tham khảo tài liệu phục vụ giảng dạy các bộ môn đều có tủ sách chuyên môn tại bộ môn mình [9.1-6]

Tính đến tháng 3/2009, tỷ lệ đầu sách cho một ngành đào tạo: đạt 69,7 đầu sách/ ngành đào tạo [9.1-7]

Trong 5 năm gần đây Thư viện được bổ sung 350 tên sách tương đương 11178 cuốn sách các loại đáp ứng tối đa nhu cầu sử dụng của cán bộ giảng viên và sinh viên trong toàn trường[9.1-8]

Số lượng độc giả được phục vụ tại Thư viện hàng năm đều tăng tính trung bình có 8673 lượt bạn đọc/năm lên Thư viện tra cứu và tìm tài liệu, có 13783 lượt sách /năm được phục vụ [9.1-9].

Hiện nay, Thư viện làm việc theo ngày, giờ quy định của Nhà nước[9.1-10], thường xuyên có cán bộ Thư viện hỗ trợ độc giả tra cứu thông tin và khai thác Thư viện [9.1-11].

Đầu năm học Thư viện tổ chức các lớp học hướng dẫn sử dụng Thư viện và khai thác tài nguyên mạng cho độc giả [9.1-12]. Thư viện phục vụ sinh viên các hệ theo mục tiêu đào tạo của nhà trường, cán bộ, giảng viên, sinh viên được mượn sách, sử dụng kho tư liệu theo nhu cầu.

Công tác chuyên môn đang từng bước được tin học hoá: biên mục, thông kê số liệu, viết báo cáo, bổ sung tài liệu, in mã vạch, làm thẻ thư viện... đều được thực hiện trên máy tính và thông qua mạng Internet [9.1-13].

Năm 2002 Nhà trường bắt đầu triển khai Thư viện điện tử gồm 01 máy chủ IBM quản lý dữ liệu và 26 máy trạm kết nối với nhau bằng mạng LAN, được nối mạng Internet [9.1-14] [9.1-15]. Hệ thống cơ sở dữ liệu tích hợp gồm hơn 3200 biểu ghi thư mục được quản trị bởi phần mềm Vlas cho phép bạn đọc tra cứu tin trực tuyến đáp ứng tối đa nhu cầu về thông tin y dược. Nhà trường có hệ quản trị Thư viện tích hợp : biên mục, kiểm soát lưu thông tư liệu, gia hạn mượn qua mạng, tìm tin trong cơ sở dữ liệu, truy nhập và khai thác các nguồn tin tại chỗ và với tới các nguồn tin ở nơi khác, tổ chức mục lục truy nhập công cộng trực tuyến [9.1-16]. Tuy nhiên Thư viện điện tử Nhà trường chưa được kết nối với hệ

thống Thư viện điện tử trong nước và trên thế giới vì vậy hạn chế khả năng khai thác và tìm kiếm thông tin của cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Với phương pháp phục vụ trên Thư viện đã khuyến khích người học, giảng viên, cán bộ quản lý khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên của trường cũng như nguồn tài nguyên mạng.

2. Những điểm mạnh

Ứng dụng tin học vào công tác chuyên môn phát triển mạnh.

Vốn tài liệu chuyên ngành phong phú, đa dạng, tần suất sử dụng sách cao.

3. Những tồn tại

Thư viện điện tử của Nhà trường chưa kết nối với hệ thống Thư viện điện tử trong khu vực và trên thế giới.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

2010 - 2020 tổ chức mọi hoạt động của Thư viện theo hướng hiện đại hoá, phát huy tối đa Thư viện điện tử, triển khai Thư viện số, đào tạo người dùng tin chuyên nghiệp.

2010- 2015 tăng cường hợp tác với hệ thống Thư viện điện tử trong và ngoài nước, ưu tiên hợp tác với các Thư viện điện tử ngành y dược.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.2: Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

1. Mô tả

Quá trình đào tạo của Trường Đại học Y Hải Phòng gắn liền với các bệnh viện thực hành trong thành phố. Với đặc điểm của ngành, các bộ môn khoa học cơ bản và y học cơ sở hầu hết tập trung tại khuôn viên của nhà trường, các bộ môn y học lâm sàng học và thực tập tại các bệnh viện. Hiện nay trường Đại học Y Hải Phòng có tổng số 51 phòng học, 3 phòng thí nghiệm và 17 phòng thực tập cho các bộ môn riêng biệt, Trong đó có 4 phòng học lớn. Ngoài ra nhà trường có 1 hội trường với sức chứa 350 chỗ ngồi phục vụ khi cần thiết. Với số phòng

học và phòng thực tập như trên sinh viên của trường đại học Y Hải Phòng không phải học ca 3[9.2-1].

Tại Cơ sở 225C Lạch Tray có 2 phòng học lớn, 8 phòng thực tập cho các bộ môn riêng biệt. Phòng thực tập bộ môn Điều dưỡng, đơn vị Huấn luyện kỹ năng Y Khoa, bộ môn Giải phẫu bệnh - Pháp Y, bộ môn Phẫu thuật thực hành và Phòng thực tập LABO Sinh học Phân tử. Trong đó có 3 phòng thực tập của 3 bộ môn nằm trong khu vực nhà 5 tầng thuê của Công ty kinh doanh nhà. Đó là Phòng thí nghiệm bộ môn Sinh Hoá, Phòng thực tập bộ môn Ký sinh trùng và bộ môn Vi sinh [9.2-2].

Có 1 bệnh viện đa khoa Đại học Y Hải Phòng là cơ sở học tập, nghiên cứu khoa học và thực hành. Bệnh viện bao gồm các khoa : Nội, Ngoại, Chẩn đoán hình ảnh, Sản, Da liễu, Mắt, Răng hàm mặt, Tai Mũi họng, Phục hồi chức năng, Y học cổ truyền[9.2-3].

Tại cơ sở 72 Nguyễn Bình Khiêm nhà trường có 20 phòng học, và 12 phòng thực tập cho các bộ môn riêng biệt. Phòng thực tập bộ môn Mô phôi, 2 phòng thực tập bộ môn Giải phẫu, bộ môn Dược lý, bộ môn Lý sinh, bộ môn Sinh vật, bộ môn Sinh lý bệnh - Di ứng, bộ môn Y Tế công cộng, bộ môn Lý sinh, bộ môn Y - Hoá và 2 phòng thực tập của bộ môn toán tin [9.2-4].

Với đặc điểm của ngành Y Các bộ môn khối y học lâm sàng tập trung làm việc, giảng dạy, hướng dẫn lâm sàng thực hành tại các bệnh viện tuyến 4 trong thành phố. Như vậy sinh viên Y khoa trong 2 năm rưỡi đầu thường xuyên học tập lý thuyết và thực tập tại các phòng học và các labo, phòng thực tập tại trường. Sinh viên 3 năm cuối chủ yếu học tập lý thuyết và thực hành lâm sàng ngay giường bệnh tại các bệnh viện. Được sự thống nhất của 7 bệnh viện lớn trong thành phố nhà trường đã xây dựng và bố trí 29 phòng học. Tại bệnh viện Phụ sản, Bệnh viện Nhi, bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp, bệnh viện Lao và bệnh phổi, Bệnh viện đa khoa Kiến An, Bệnh viện Tâm thần, bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng [9.2-5].

2. Những Điểm mạnh

Phòng học được xây dựng tại các bệnh viện .

3. Những tồn tại:

Còn một số phòng thực tập diện tích còn chật hẹp .

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm 2010 – 2014 xây dựng mở rộng trường sẽ đáp ứng tốt nhu cầu phòng học và phòng thực tập cho các bộ môn trong nhà trường.

5. Tự đánh giá : Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.3. Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, được đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo.

1. Mô tả:

Với nguồn kinh phí được phân bổ dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước hàng năm của Bộ Y tế [9.3-1], nhà trường trang bị nhiều thiết bị hiện đại đảm bảo về chất lượng, đa dạng và phong phú được khai thác sử dụng tối đa vào các hoạt động dạy, học và nghiên cứu khoa học, cụ thể là:

Các bộ môn, phòng ban, các phòng thực hành, thí nghiệm của trường 100% đều được trang bị máy hệ thống điều hoà giúp cho cán bộ, giảng viên và sinh viên học tập, làm việc trong môi trường tốt nhất [9.3-2].

Các bộ môn, phòng ban được trang bị đầy đủ trang thiết bị, máy văn phòng với các model mới nhất để phục vụ hiệu quả nhất cho công việc, học tập và nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên [9.3-3].

Tại các giảng đường, các phòng thí nghiệm đều được trang bị đầy đủ hệ thống đèn chiếu sáng tiết kiệm điện Compaq, hệ thống âm thanh California, Texas... và hệ thống quạt làm mát hiện đại nhất để phục vụ giảng viên, sinh viên giảng dạy và học tập đạt hiệu quả cao nhất. Ngoài ra, đa số các giảng đường được trang bị máy tính, máy chiếu để phục vụ cho giảng viên giảng bài giảng điện tử Power Point được tốt nhất, trực quan nhất giúp sinh viên tiếp thu bài hiệu quả nhất [9.3-4].

Trường Đại học Y Hải Phòng có 17 phòng thực tập, 3 phòng thí nghiệm và 01 bệnh viện thực hành (bệnh viện Đại học Y Hải Phòng) phục vụ việc đào

tạo của các chuyên ngành. Mỗi chuyên ngành đều được trang bị các thiết bị hiện đại tiên tiến đặc thù cho từng chuyên ngành, một số bộ môn cụ thể là:

Bộ môn mắt có máy đo khúc xạ, thiết bị mổ Phaco [9.3-5] ...

Bộ môn điều dưỡng có các bộ mô hình thực tập chuyên ngành điều dưỡng [9.3-5]

Bộ môn phục hồi chức năng có hệ thống kéo dẫn cổ, cột sống kèm bàn nằm kéo, máy điều trị sóng cực ngắn xung và liên tục [9.3-5] ...

Ngoài các thiết bị phục vụ cho từng chuyên ngành như trên, trường trang bị các máy móc đặc biệt hiện đại như:

+ Bộ môn Sinh lý được trang bị máy siêu âm màu 4D SSD-3500SX của hãng ALOKA - Nhật Bản, sản xuất năm 2008 [9.3-6].

+ Bộ môn Giải phẫu bệnh được trang bị bộ nội soi tiêu hoá của hãng Fujinon - Nhật Bản, sản xuất năm 2008 [9.3-6].

+ Bộ môn Răng Hàm Mặt được trang bị máy X - Quang răng Panorama kỹ thuật số và in phim khô của hãng KODAK - Pháp, sản xuất năm 2008 [9.3-6].

+ Labô sinh học phân tử của trường được trang bị máy Realtime PCR sản xuất tại Mỹ năm 2008 [9.3-6].

+ Bộ môn Ngoại được trang bị bộ nội soi bàng quang của hãng Olympus - Nhật Bản, sản xuất năm 2008 [9.3-6].

+ Bộ môn Sinh hóa được trang bị máy sinh hoá tự động của hãng Biosystem - Tây Ban Nha, sản xuất năm 2008 [9.3-6].

Các thiết bị đặc biệt hiện đại trên được sử dụng rất hiệu quả, giúp cho sinh viên được tiếp cận các thiết bị y tế tiên tiến nhất hiện nay. Ngoài ra, một số máy như máy X-Quang răng, máy Realtime PCR, bộ nội soi bàng quang... được đặt tại bệnh viện thực hành của trường góp phần khám chữa bệnh cho nhân dân khu vực miền duyên hải, mang lại khoản thu hàng trăm triệu đồng cho trường trong năm qua.

2. Những điểm mạnh

Trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học đa dạng, cơ bản đã đáp ứng yêu cầu của các đề tài nghiên cứu khoa học, đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Thành phố và đề tài cấp Trường.

3. Những tồn tại

Nhà Trường cần thêm nhiều nguồn kinh phí hơn nữa để mua sắm được nhiều trang thiết bị hiện đại hơn phục vụ công tác, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Để đáp ứng quy mô đào tạo ngày càng tăng cũng như đảm bảo chất lượng đào tạo, nhà trường cần tăng cường kế hoạch đầu tư kinh phí mua sắm trang thiết bị, máy móc phục vụ công tác giảng dạy và học tập.

Tăng cường xây dựng các dự án đầu tư trang thiết bị từ các nguồn vốn khác nhau để nâng cấp các trang thiết bị, chú trọng mua sắm các trang thiết bị hiện đại, tiên tiến nhất trên Thế giới phục vụ nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.4. Cung cấp đầy đủ thiết bị Tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, nghiên cứu khoa học và quản lý.

1. Mô tả

Trong những năm qua ngoài việc đầu tư mua sắm trang thiết bị Nhà trường rất quan tâm đến việc đầu tư mua sắm các thiết bị tin học để đáp ứng yêu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Cụ thể là:

Nhà trường đã trang bị tổng số 281 máy tính, trong đó có: 234 máy tính để bàn, 2 máy server và 45 máy tính xách tay. Trong đó có 93 máy tính phục vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập. Có 46 máy tính xách tay phục vụ cho quản lý và 142 máy tính phục vụ cho công việc văn phòng [9.4-1].

Nhà trường đã trang bị 74 máy in phục vụ công việc giảng dạy, làm việc của cán bộ giảng viên trong trường và 59 máy chiếu các loại, trong đó có 10 máy chiếu phục vụ hội thảo và 49 máy chiếu được lắp đặt tại các giảng đường, bộ môn phục vụ việc học tập của sinh viên [9.4-2].

Tất cả các phòng ban trong trường và các bộ môn được đặt tại các bệnh viện đều được trang bị máy in, máy tính để bàn [9.4-3].

Ban giám hiệu, tất cả các trưởng bộ môn đều được nhà trường trang bị cho máy laptop để phục vụ công việc giảng dạy, nghiên cứu [9.4-4].

Ngoài ra, năm 2007 nhà trường đã được Bộ Giáo dục Đào tạo trang bị một phòng hội thảo từ xa đa năng theo dự án Giáo dục Đại học với 24 máy tính để bàn, 01 máy chiếu, 02 camera, 01 bộ máy hội thảo từ xa và rất nhiều các thiết bị hiện đại khác... giúp cho việc hội thảo trực tuyến giữa các trường đại học với nhau, hoặc giữa trường đại học với các bệnh viện được kết nối dễ dàng hơn [9.4-5].

Toàn bộ hệ thống máy tính của trường tại khu hiệu bộ đã được kết nối Internet với 02 đường truyền ADSL, 01 đường truyền Lease Line giúp cho giảng viên, sinh viên và cán bộ nhân viên được sử dụng máy tính để khai thác tài liệu trên mạng tốt cho công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của Nhà trường. [9.4-6]

Bên cạnh những thiết bị Tin học hiện đại đã được mua sắm, trường còn một số ít máy tính có cấu hình chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo [9.4-7]

Nhà trường có 02 phòng thực hành tin học của bộ môn Tin học, có Thư viện điện tử với 30 máy tính phục vụ giảng viên, sinh viên tới tra cứu, học tập được hiệu quả nhất [9.4-8]

2. Những điểm mạnh

Tất cả các phòng ban, bộ môn đều được trang bị máy tính để phục vụ công việc, học tập và nghiên cứu khoa học.

100% trưởng bộ môn đều được trang bị máy tính xách tay.

3. Những tồn tại

Hệ thống máy tính của Nhà trường còn một số máy tính chưa đáp ứng được hết nhu cầu đào tạo

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường sẽ đầu tư thêm nhiều máy tính và trang thiết bị tin học khác để phục vụ tốt hơn cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Tất cả các bộ môn được đặt tại các bệnh viện sẽ được kết nối Internet ADSL để phục vụ cho giảng viên, sinh viên học tập, làm việc và nghiên cứu khoa học tốt hơn.

Trong tương lai, khi xây dựng ký túc xá tại khu trường mới. Nhà trường sẽ cho kết nối Internet phủ sóng wireless tại ký túc xá để phục vụ sinh viên vui chơi, học tập tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí.

Tiêu chí 9.5 : Có đủ diện tích lớp học theo qui định cho việc dạy và học; có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao theo qui định.

1. Mô tả

Trường Đại học Y Hải Phòng có 2 cơ sở đào tạo: Tại 225C Lạch Tray và 72 Nguyễn Bình Khiêm.

Tại 72 Nguyễn Bình Khiêm có 20 phòng học. Diện tích 3.136 m², có 17 phòng thực tập diện tích 1.700 m² [9.5-1].

Tại 225C Lạch Tray: Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng có diện tích là: 3.651,9 m². Có 2 giảng đường lớn diện tích 220,35 m². Có 7 phòng thực tập với diện tích là : 450 m² [9.5-2].

Tại 7 bệnh viện lớn trong thành phố Hải Phòng có 29 phòng học với diện tích là : 1740 m² [9.5-3].

Tổng diện tích phòng học và phòng thực tập là : 10.898,25 m² trên tổng số 3.099 sinh viên. Diện tích bình quân 3,51 m²/sinh viên.

Trường luôn quan tâm đến chỗ ở cho sinh viên. Trường có 86 phòng ở với tổng diện tích ký túc xá là: 3.041,56 m². Với tổng số sinh viên đang ở là: 610 sinh viên. Diện tích ở bình quân trên 1 sinh viên là: 4,98m² [9.5-4]

Khu ký túc xá mới đáp ứng được 30% chỗ ở cho sinh viên có nhu cầu ở nội trú hàng năm. Nhà trường luôn quan tâm cải tạo, duy trì cảnh quan, môi

trường xanh sạch đẹp và có bộ phận chuyên trách trực tiếp quản lý khu nội trú Ký túc xá đồng thời phân công để đảm bảo thời gian trực của cán bộ 24/24h. An ninh trật tự được đảm bảo và xử lý kịp thời các tình huống phát sinh. Ngoài ra ký túc xá còn có đội thanh niên xung kích phối hợp nhằm bảo đảm an toàn cho khu nội trú [9.5-5].

Trong 10 năm qua khu nội trú ký túc xá trường không để xảy ra vụ việc nào mất an toàn gây thiệt hại về người và của, đảm bảo môi trường an toàn lành mạnh.

Nhà trường có nội quy ký túc xá [9.5-6], có qui định cụ thể các tiêu chuẩn được xét vào ở ký túc xá, có tiêu chuẩn ưu tiên cho các đối tượng chính sách xã hội [9.5-7]

Nhà trường đã bố trí đủ chỗ cho sinh viên học buổi tối, ngày thứ 7, chủ nhật và sinh hoạt ngoại khoá tại giảng đường 10,11 với 300 chỗ ngồi tại khu nội trú ký túc xá.

Có sân thể thao: Gồm 3 sân bóng chuyên, 2 sân bóng rổ, sân cầu lông, sân xà đơn, xà kép đáp ứng đủ nhu cầu cho sinh viên nội trú vui chơi giải trí trong giờ học ngoại khoá và ngoài giờ, có 1 sân bóng đá cho sinh viên nhưng chưa đưa vào sử dụng.

2. Những điểm mạnh :

Tại 7 bệnh viện lớn trong thành phố trường đã xây dựng các phòng học để đảm bảo việc giảng dạy tại chỗ.

3. Những tồn tại:

Chưa hoàn chỉnh sân bóng đá cho sinh viên hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Quý I năm 2010 nhà trường đã có kế hoạch xây dựng 2 ngôi nhà 9 tầng ký túc xá sinh viên

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.6 : Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ giảng viên và nhân viên cơ hữu theo qui định

1. Mô tả :

Trường Đại học Y Hải Phòng có 2 cơ sở đào tạo. Cơ sở 225C Lạch Tray, cơ sở 72 B Nguyễn Bình Khiêm - Quận Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng và 7 bệnh viện lớn trong thành phố. Trong các địa điểm trên được nhà trường bố trí số phòng làm việc của Ban giám hiệu là 6 phòng. Các phòng ban chức năng là 24 phòng. Phòng họp là 2 phòng. Các bộ môn khối cơ bản, cơ sở là 36 phòng.

Trong đó khu 225C Lạch Tray có 4 Phòng làm việc của thư viện, ban quản lý ký túc xá, bảo vệ và lãnh đạo bệnh viện. 5 phòng làm việc của bộ môn ký sinh trùng, Vi sinh, Hoá sinh, điều dưỡng và đơn vị thực hành kỹ năng y khoa [9.6-1].

Khu 72 Nguyễn Bình Khiêm có 6 phòng làm việc của Ban giám hiệu, 2 phòng họp, 20 phòng ban chức năng, 20 bộ môn. Các bộ môn nói trên có 1 phòng làm việc liền kề với phòng thực tập tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chuẩn bị và giảng dạy [9.6-2].

Tại các bệnh viện có 11 phòng làm việc cho bộ môn khối lâm sàng. Bộ môn nhi, lao và bệnh phổi, Y học dân tộc, nội, ngoại, mắt, da liễu, thần kinh, chuẩn đoán hình ảnh, tâm thần và bộ môn sản [9.6-3].

Các phòng làm việc được trang bị tủ tài liệu, bàn ghế làm việc và bàn ghế vi tính, hệ thống đèn chiếu sáng, quạt. Riêng khu 72 Nguyễn Bình Khiêm được trang bị hệ thống điều hoà.

Tổng diện tích sử dụng của các phòng ban chức năng và bộ môn của trường Đại học Y Hải Phòng là 2.520m². Diện tích trung bình của 1 phòng làm việc là 35m² đến 40m². Nhân viên cơ hữu là 268 người. Diện tích bình quân 9,4m²/người.

2. Những điểm mạnh :

Phòng làm việc của bộ môn liền kề với phòng thực tập tạo điều kiện cho công tác chuẩn bị thực tập cũng như giảng dạy của giảng viên. các bộ môn lâm sàng ngay tại các bệnh viện.

3. Những tồn tại:

Chưa có phòng làm việc riêng cho lãnh đạo trường, phó bộ môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Năm 2010 - 2014 xây dựng giai đoạn 2 sẽ đáp ứng tốt nhu cầu phòng học và phòng thực tập cho các bộ môn của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.7: Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định.

1. Mô tả :

Trường Đại học Y Hải Phòng được hình thành và phát triển qua nhiều giai đoạn. Việc mở rộng và nâng cấp nhà trường cũng từng bước. Trường được UBND Thành Phố Hải Phòng cho phép sử dụng 2 khu vực : Khu vực 225C Lạch Tray- Ngô Quyền, và khu vực 72B Nguyễn Bình Khiêm - Phường Đằng Giang, An Hải - Hải Phòng.

Khu 225C Lạch Tray đây là khu vực ban đầu khi hình thành Phân hiệu Trường Đại học Y Hà Nội tại Hải Phòng. Khu vực có diện tích đất được cấp nhiều lần ghép lại.

Quyết định số: 666 ngày 27 tháng 7 năm 1979 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cho phép trường được sử dụng khu nhà 2 tầng tại 225C Lạch Tray.

Quyết định số: 49 Ngày 4 tháng 2 năm 1988 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp đất mở rộng trường.

Quyết định số: 1097 ngày 30 tháng 10 năm 1989 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp đất mở rộng trường . Diện tích: 5.092m² [9.7-1]

Khu 72B Nguyễn Bình Khiêm được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ra quyết định số : 1231 ngày 24 tháng 12 năm 1999, quyết định số : 7391 ngày 2 tháng 8 năm 2002 và quyết định số : 2851 ngày 27 tháng 12 năm 2006. Diện tích đất được cấp: 48.981 m²[9.7-2].

Tổng diện tích đất của trường Đại học Y Hải Phòng là :54.073 m²

2. Những điểm mạnh :

Trường đặt tại trung tâm thành phố, gần các bệnh viện lớn.

3. Những tồn tại:

Diện tích đất còn hạn chế nên phải tận dụng xây dựng nhà cao tầng.

Trường Đại học Y Hải Phòng chia làm 2 địa điểm hoạt động không tập chung.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng :

Từng bước ổn định và có phương án đề xuất với UBND thành phố Hải Phòng cấp thêm diện tích đất.

5. Tự đánh giá : *Không đạt yêu cầu của tiêu chí*

Tiêu chí 9.8: Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của trường

1. Mô tả

Cơ sở vật chất của trường gồm hai địa điểm: khu trường mới tại 72 A Nguyễn Bình Khiên và khu trường cũ tại 225C Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Nhà trường đã xây dựng quy hoạch tổng thể về sử dụng cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo tại cả hai khu vực. Tại khu vực trường mới, nhà trường đã lập dự án đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế và Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy hoạch mở rộng trường theo hai giai đoạn. Giai đoạn I hoàn thành khu nhà 7 tầng bao gồm 32 giảng đường, phòng thực tập, các bộ môn và phòng chức năng [9.8-1]. Giai đoạn II của dự án triển khai từ năm 2010 sẽ tiếp tục xây khu Ký túc xá 16 tầng, khu Hội nghị, khu tập luyện thể thao....[9.8-2]. Tại khu trường cũ, Bộ Y tế đã phê duyệt cho phép trường thành lập Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng với quy mô ban đầu là 150 giường bệnh (sẽ mở rộng lên 400 giường bệnh) để sử dụng cơ sở vật chất vào công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chăm sóc bệnh nhân [9.8-3].

Công tác quy hoạch, lập dự án đều được các cơ quan có thẩm quyền tư vấn, theo dõi đánh giá tiến độ thực hiện theo định kỳ. Quy trình quản lý, giám sát sử dụng cơ sở vật chất được thực hiện theo các hướng dẫn của nhà nước. Kết quả báo cáo giám sát cho thấy việc nhà trường sử dụng hợp lý cơ sở vật chất

phục vụ công tác đào tạo [9.8-4]. Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định cụ thể về việc bố trí, sử dụng cơ sở vật chất cho các đơn vị trong toàn trường trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi đơn vị [9.8-5].

Trong giai đoạn 2004 – 2009, trường đã tập trung nhiều nguồn lực, lập dự án xin tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước mở rộng các khu vực như nhà xe, phòng hội thảo, mua sắm nhiều trang thiết bị cho các giảng đường, bộ môn phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học. Hàng năm, Ban kiểm kê tài sản của trường tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ về cơ sở vật chất. Trên cơ sở đánh giá các yêu cầu của công tác dạy học, hoạt động nghiên cứu khoa học và công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân nhằm có kế hoạch bổ sung, phát triển cơ sở vật chất [9.8-6].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường có cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

3. Những tồn tại

Việc hoàn thành dự án mở rộng trường giai đoạn I trường chậm hơn so với kế hoạch.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường sẽ tập trung nhân lực nhằm hoàn thiện hồ sơ quyết toán việc xây dựng mở rộng trường trong giai đoạn I để tiếp tục triển khai giai đoạn II của dự án trong năm 2010.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 9.9. Có biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

1. Mô tả

Để bảo đảm an ninh trật tự, nhà trường đã xây dựng các phương án bảo vệ theo từng năm trên cả hai cơ sở của trường như Kế hoạch chiến đấu khi có tình huống gây mất an ninh của bảo vệ, tự vệ trường, Biên bản ghi nhớ hiệp đồng bảo vệ giữa trường và công an.... [9.9-1]. Tại khu trường mới, trường ký hợp

đồng với Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Hùng Vương có đội ngũ nhân viên bảo vệ được đào tạo chính quy về chuyên môn nghiệp vụ. Tại khu trường cũ, Tổ bảo vệ được thành lập gồm 8 đồng chí, trực thuộc phòng Tổ chức cán bộ có trách nhiệm bảo vệ an ninh trật tự cho Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng, Ký túc xá, các bộ môn... [9.9-2].

Căn cứ vào quy định của Bộ Công an, công an thành phố Hải Phòng và công an quận Ngô Quyền, trên cơ sở xác định chức năng nhiệm vụ cũng như tình hình thực tế công tác an ninh tại mỗi khu vực, nhà trường cụ thể hoá trách nhiệm của lực lượng bảo vệ trong hợp đồng làm việc với Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ Hùng Vương và quy chế làm việc của Tổ bảo vệ [9.9-3].

Các nhân viên Tổ bảo vệ của trường được tham gia đào tạo nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ. Toàn bộ nhân viên bảo vệ đã có chứng chỉ nghiệp vụ do Công an thành phố cấp [9.9-4]. Lực lượng bảo vệ được trang bị các phương tiện hỗ trợ công tác đấu tranh, trấn áp tội phạm như đồng phục, đèn pin, dùi cui....Bảo vệ tổ chức trực 24/24, phối hợp cùng với các Đội xung kích của sinh viên, Ban quản lý Ký túc xá để kiểm tra trên địa bàn trường [9.9-5]. Ngoài ra, Bảo vệ trường cũng kết hợp với công an phường, công an quận và công an thành phố trong việc duy trì an ninh trong và xung quanh trường. Đặc biệt, mô hình kết hợp Trường - Phường đã phát huy hiệu quả tốt trong nhiều năm qua, được Công an thành phố đánh giá cao. Tuy nhiên, tại khu vực trường cũ do tính chất phức tạp có nhiều đối tượng qua lại, khu vực Ký túc xá, Bệnh viện, bộ môn và khu tập thể cán bộ viên chức lẫn lộn nên rất khó kiểm soát người lưu thông. Hàng năm, trường tiến hành tổng kết về phong trào bảo vệ an ninh trật tự nhằm đánh giá kết quả và phát động phong trào thi đua giữa các đơn vị trong trường như Bảo vệ, Công đoàn, Đoàn thanh niên.... Nhờ làm tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự, nhà trường đã được thành phố tặng Cờ thi đua xuất sắc và nhiều bằng khen các loại [9.9-6].

Nhà trường cũng đã thành lập Trung đội tự vệ gồm 22 đồng chí và các ban chức năng như Ban phòng chống tội phạm, Ban bảo vệ chính trị nội bộ, Ban phòng chống thiên tai bão lũ...phối hợp cùng lực lượng bảo vệ xây dựng kế

hoạch, tổ chức diễn tập các tình huống giả định, phòng chống cháy nổ, thiên tai, triển khai phương án tác chiến bảo vệ an toàn tài sản của trường trong những ngày mưa lũ [9.9-7].

2. Những điểm mạnh

Có phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh trật tự phù hợp theo từng năm. Lực lượng bảo vệ của trường được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ.

3. Những tồn tại

Việc kiểm soát người ra vào tại khu vực trường cũ chưa thực sự hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian từ nay tới năm 2010, Nhà trường sẽ triển khai xây dựng lại phương án bảo vệ tại khu trường cũ cho phù hợp với tình hình thực tế.

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về tiêu chuẩn 9

Trong quá trình xây dựng và phát triển nhà trường có nhiều cố gắng đã chuyển ra khu trường mới, xây dựng nhiều phòng hội thảo, phòng họp, phòng học mới với nhiều trang thiết bị, âm thanh, ánh sáng, hệ thống điều hoà hiện đại đáp ứng được nhu cầu giảng dạy, học tập của giảng viên và sinh viên. Bên cạnh đó, nhà trường mua sắm nhiều trang thiết bị y tế, trang thiết bị tin học có công nghệ hiện đại nhất, tính năng vượt trội nhất. Tuy nhiên, nhà trường cần cố gắng khắc phục những điểm tồn tại như: khu ký túc xá cần thường xuyên sửa chữa, nâng cấp. Xây dựng khu ký túc xá ở trường mới để đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của sinh viên nhiều hơn. Thư viện trường cần kết nối với nhiều thư viện lớn trong khu vực và Thế giới. Trong tiêu chuẩn 9 “**Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác**” gồm 9 tiêu chí, trong đó có 8/9 tiêu chí đạt yêu cầu, 1/9 tiêu chí không đạt yêu cầu là tiêu chí 9.7 “**Có đủ diện tích sử dụng đất theo qui định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo qui định.**”

Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính

Mở đầu

Đại Học Y Hải Phòng là một đơn vị hành chính sự nghiệp có thu và thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính, nhà trường có hệ thống quản lý tài chính chặt chẽ, tuân thủ theo các quy định của Ngân sách nhà nước và các văn bản quản lý tài chính hiện hành. Hoạt động tài chính của Trường dựa trên các nguồn thu hợp pháp do Ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu phí, lệ phí, nguồn thu liên kết đào tạo và các nguồn thu hợp pháp khác. Nhà trường luôn quan tâm tới việc khơi tăng các nguồn thu, được thể hiện thông qua chiến lược phát triển trung hạn (Giai đoạn 2006-2010 và giai đoạn 2011-2020). Đó là mở rộng quy mô và các loại hình đào tạo, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tăng cường các dự án và công tác chuyên gia công nghệ, phát triển quan hệ hợp tác quốc tế và thúc đẩy các hoạt động khác của Trường. Đồng thời nhà trường luôn bám sát với nhiệm vụ đào tạo, thực hiện lập kế hoạch tài chính, phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý, công khai, minh bạch, và có hiệu quả và theo đúng quy định của Nhà nước.

Tiêu chí 10.1. Có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường.

1. Mô tả

Tạo được các nguồn tài chính hợp pháp là một trong những mục tiêu rất quan trọng trong tiến trình phát triển của Đại Học Y Hải Phòng. Vì vậy, sau khi kết thúc một năm tài chính, nhà trường đã tiến hành xây dựng ngay kế hoạch tài chính cho năm tài chính tiếp theo dựa trên cơ sở các nguồn thu, tình hình chi tiêu năm trước và kế hoạch đào tạo phát triển năm tiếp theo [10.1-1]

Nguồn thu của Nhà trường bao gồm: nguồn thu Ngân sách Nhà nước cấp, thu học phí, Kinh phí đào tạo, liên kết đào tạo, thu từ nghiên cứu khoa học và các khoản thu hợp pháp khác. Trên cơ sở đó nhà trường lập kế hoạch chi đảm bảo sát với thực tế, phù hợp với quy mô đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của trường [10.1-2].

Hàng năm, để tạo được các nguồn tài chính hợp pháp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học, trường chú trọng đầu tư mua sắm trang thiết bị, nâng cấp sửa chữa Bệnh Viện Thực Hành ngày một phát triển, thu hút nhiều bệnh nhân đến khám chữa bệnh, góp phần làm tăng doanh thu, tạo nguồn thu cho trường [10.1-3]

Mở rộng mô hình đào tạo, liên kết đào tạo trong và ngoài nước, ngày càng đa dạng hoá các chương trình đào tạo cũng là một mục tiêu chiến lược của trường trong giai đoạn 2006-2010 [10.1-4].

Các hợp đồng trông giữ nhà xe, nhà căng tin, hợp đồng cho thuê mặt bằng trạm viễn thông, thuê quầy thuốc ... đều được nhà trường đấu thầu rộng rãi, công khai và thực hiện hiệu quả, tạo được nguồn thu cho trường [10.1-5]

Ngoài ra, các đề tài nghiên cứu khoa học cũng được nhà trường quan tâm khuyến khích, hiện tại tuy chưa tạo được nguồn thu cho Trường nhưng trong những năm tới có thể chúng sẽ tạo nguồn thu lớn cho nhà trường [10.1-6]

2. Những điểm mạnh

Trong những năm qua, nhà trường sớm có những biện pháp tích cực, tạo được nhiều nguồn thu .

3. Những tồn tại

Nguồn thu từ nghiên cứu khoa học còn thấp

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Bắt đầu từ 2009 nhà trường sẽ chú trọng đầu tư kinh phí phục vụ các công trình nghiên cứu, các đề tài nghiên cứu khoa học

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 10.2. Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính được chuẩn hoá, công khai hóa, minh bạch và theo đúng quy định.

1. Mô tả

Công tác lập kế hoạch tài chính được thực hiện vào những ngày đầu năm của năm tài chính. Căn cứ vào kế hoạch đào tạo của Trường, bộ phận Tài chính - kế toán lập kế hoạch tài chính hàng năm với các nội dung sau:

Kế hoạch về nguồn thu của trường trong năm: Nguồn thu từ Ngân sách cấp, nguồn thu sự nghiệp (Học phí, lệ phí), các nguồn thu hợp pháp khác.

Kế hoạch về nội dung chi luôn bám sát nhiệm vụ chuyên môn của từng phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị xây dựng lên. Ngay từ đầu năm Hiệu trưởng nhà trường thông báo dự kiến kế hoạch tài chính đến các đơn vị, phòng ban, bộ môn. Các phòng ban, bộ môn xây dựng kế hoạch dự trù, mua sắm, chi tiêu trong cả năm. Tất cả dự trù của các đơn vị phải đảm bảo sát với thực tế, phù hợp với yêu cầu đào tạo, yêu cầu nghiên cứu khoa học, và yêu cầu của các hoạt động khác của Trường gửi về phòng Quản trị và phòng Vật tư thiết bị xem xét trình Ban Giám Hiệu duyệt và tổng hợp gửi về phòng Tài Chính Kế Toán làm căn cứ phân bổ chi trong năm [10.2-1] .

Công tác quản lý tài chính của trường được tin học hoá: sử dụng phần mềm quản lý học phí, phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp AVA hỗ trợ việc quản lý tài chính của trường được thực hiện khoa học, chuẩn hoá, minh bạch, chính xác và có hiệu quả [10.2-2] .

Hàng năm nhà trường tổ chức hội nghị dân chủ, công khai các nguồn tài chính và việc phân bổ tài chính . Nhà trường thành lập ban thanh tra nhân dân để trả lời đầy đủ các ý kiến, thắc mắc của cán bộ công nhân viên chức, giảng viên và toàn thể sinh viên trong trường [10.2-3].

Từ năm 2006, nhà trường đã xây dựng và thảo luận rộng rãi cho cán bộ viên chức về quy chế chi tiêu nội bộ bao gồm các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức, mức chi thống nhất đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao, sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả [10.2-4] .

Trong 5 năm gần đây, từ năm 2004 đến năm 2008 qua kết quả thẩm tra quyết toán hàng năm của Bộ Y Tế và qua đợt kiểm toán nhà nước năm 2007 trường không mắc phải sai phạm gì về quản lý tài chính [10.2-5]

2. Những điểm mạnh

Trong 5 năm gần đây, từ năm 2004 đến năm 2008 qua kết quả thẩm tra quyết toán hàng năm của Bộ Y Tế và qua đợt kiểm toán nhà nước năm 2007 tài chính nhà trường được đánh giá rất cao.

3. Những tồn tại

Thủ tục trình phê duyệt mua sắm trang thiết bị còn chậm

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2009 nhà trường sẽ hoàn thiện sớm những thủ tục mua sắm, sửa chữa để khi được giao dự toán, nhà trường sẽ tiến hành mua sắm kịp thời, tránh xảy ra tình trạng dư dự toán năm

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Tiêu chí 10.3. Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các đơn vị và hoạt động của trường

1. Mô tả

Trường Đại học Y Hải Phòng đã chủ động phân bổ và sử dụng tài chính hợp lý, có trọng tâm, đúng quy định, phục vụ cho chiến lược ưu tiên nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Dựa trên cơ sở báo cáo quyết toán 5 năm liền kề, và kế hoạch cụ thể của các bộ phận phòng ban, phòng Tài chính kế toán lấy đó làm cơ sở để phân bổ kinh phí cho năm tài chính tiếp theo. Phân bổ dự toán theo nhóm mục ngân sách như sau: Tổng dự toán ngân sách nhà nước cấp một năm trung bình từ 16 đến 20 tỷ [10.3-1]. Trong đó: Nhóm chi đào tạo chiếm 65% tổng kinh phí, nhóm chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học chiếm 15% tổng kinh phí, nhóm chi khác chiếm 20% tổng kinh phí.

Quy trình phân bổ kinh phí hàng năm dựa trên dự trù kinh phí của từng phòng, khoa, bộ môn và các đơn vị xây dựng lên. Ngay từ đầu năm Hiệu trưởng nhà trường thông báo dự kiến kế hoạch tài chính đến các đơn vị, phòng ban, bộ môn. Các phòng ban, bộ môn xây dựng kế hoạch dự trù, mua sắm, chi tiêu trong cả năm. Tất cả dự trù của các đơn vị phải đảm bảo sát với thực tế, phù hợp với yêu cầu đào tạo, yêu cầu nghiên cứu khoa học, và yêu cầu của các hoạt động khác của Trường, sau đó gửi về phòng Quản trị và phòng Vật tư thiết bị xem xét trình Ban Giám Hiệu duyệt và tổng hợp gửi về phòng Tài Chính Kế Toán làm căn cứ phân bổ chi trong năm [10.3-2]. Chính vì vậy trong 5 năm gần đây qua

các lần duyệt quyết toán của đơn vị cấp trên và qua đợt kiểm toán tài chính năm 2007 nhà trường không có sai phạm nào về nguyên tắc quản lý tài chính và được đánh giá rất cao, các nhóm chi đều đảm bảo sát với thực tế, sát với nhu cầu của từng bộ phận, từng nhóm mục, đến cuối năm đều chi hết [10.3-3]. Bên cạnh đó để phát huy tốt hơn những thế mạnh nhà trường đã đạt được trong công tác phân bổ và sử dụng hợp lý nguồn tài chính, hàng năm Ban giám hiệu nhà trường tổ chức hội nghị dân chủ, chú trọng lấy ý kiến đóng góp của cán bộ công nhân viên để ban hành và sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ qua các năm [10.3-4].

2. Những điểm mạnh:

Kinh phí được phân bổ và sử dụng đúng mục đích, quy định, hợp lý, rõ ràng, minh bạch, có hiệu quả .

3. Những tồn tại

Nguồn kinh phí phân bổ cho hoạt động nghiên cứu khoa học của trường còn thấp

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm 2009, nhà trường sẽ tiến hành phân bổ tăng kinh phí cho nghiên cứu khoa học chiếm từ 25 % đến 35% tổng kinh phí .

5. Tự đánh giá: Đạt yêu cầu của tiêu chí

Kết luận về tiêu chuẩn 10

Từ 3 tiêu chí đã đạt được trong quản lý tài chính của Trường Đại học Y Hải Phòng, bên cạnh những điểm mạnh cần được phát huy thì cũng cần khắc phục những tồn tại để hoàn thiện hơn nữa 3 tiêu chí trên. Để làm được điều đó, trong những năm tới Ban giám hiệu nhà trường chỉ đạo các phòng ban, bộ môn, và đặc biệt là phòng Tài chính kế toán xây dựng một hệ thống quản lý tài chính khoa học, chính xác, hiệu quả, góp phần xây dựng Trường Đại Học Y Hải Phòng ngày một lớn mạnh, phát triển cả về bề rộng và bề sâu với mục tiêu: Xây dựng và Phát triển trường Đại Học Y Hải Phòng trở thành trường Đại Học Y đào tạo đa ngành, đa cấp, cung cấp nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, góp phần bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

IV. KẾT LUẬN

Thực hiện Chỉ thị số 46/2008/CT-BGD&ĐT ngày 5/8/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường công tác đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, trường đại học y Hải phòng đã nghiêm túc triển khai các bước tự đánh giá theo đúng quy định tại quyết định số 76/2007/QĐ-BGDĐT ngày 14/12/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng với sự giúp đỡ của đội ngũ chuyên gia đầu ngành về công tác kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến nay, về cơ bản công tác tự đánh giá của nhà trường đã hoàn thành. Kết quả tự đánh giá của trường có 56/61 tiêu chí đạt tiêu chuẩn, 6/61 tiêu chí chưa đạt tiêu chuẩn.

Trong 30 năm xây dựng, phát triển, với sự nỗ lực phấn đấu của cán bộ, giảng viên và sinh viên, nhà trường đã có những bước phát triển vượt bậc cả về quy mô và chất lượng đào tạo. Sinh viên của nhà trường sau khi tốt nghiệp đã đáp ứng được nhu cầu về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân đặc biệt là các khu vực vùng sâu, vùng xa, hải đảo, được nhân dân đánh giá cao cả về y đức và chuyên môn.

Để tiếp tục đưa nhà trường phát triển bằng chính thương hiệu của mình, lãnh đạo nhà trường xác định “*chất lượng đào tạo là yếu tố quyết định với sự tồn tại và phát triển của nhà trường*”. Do đó, việc kiểm định chất lượng là một yếu tố quan trọng giúp nhà trường nhìn nhận được những ưu thế và hạn chế để có những giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân trong thời kỳ mới.

Trường đại học y Hải phòng kính đề nghị Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo tạo điều kiện giúp đỡ nhà trường hoàn tất quá trình đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường

Xin trân trọng cảm ơn.

Hải phòng, ngày tháng năm 2009

HIỆU TRƯỞNG

Phụ lục: TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường:	
Tên trường: Trường Đại học Y Hải Phòng	
Khối ngành:	
Ngày tự đánh giá:	

Các mức độ đánh giá:

Đ: Đạt

CD: Chưa đạt

KĐG: Không đánh giá

Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường địa học			
1.1	Đ		
1.2	Đ		
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý			
2.1		CD	
2.2	Đ		
2.3	Đ		
2.4	Đ		
2.5	Đ		
2.6	Đ		
2.7	Đ		
Tiêu chuẩn 3: Chương trình giáo dục			
3.1	Đ		
3.2	Đ		
3.3	Đ		
3.4	Đ		
3.5	Đ		
3.6		CD	
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo			
4.1	Đ		
4.2	Đ		
4.3	Đ		
4.4	Đ		
4.5	Đ		
4.6		CD	
4.7	Đ		
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên			
5.1	Đ		
5.2	Đ		
5.3	Đ		
5.4	Đ		
5.5	Đ		
5.6	Đ		
5.7	Đ		
5.8	Đ		
Tiêu chuẩn 6: Người học			

6.1	Đ		
6.2	Đ		
6.3	Đ		
6.4	Đ		
6.5	Đ		
6.6	Đ		
6.7	Đ		
6.8	Đ		
6.9	Đ		
Tiêu chuẩn 7: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ			
7.1	Đ		
7.2	Đ		
7.3	Đ		
7.4	Đ		
7.5		CD	
7.6	Đ		
7.7		CD	
Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế			
8.1	Đ		
8.2	Đ		
8.3	Đ		
Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác			
9.1	Đ		
9.2	Đ		
9.3	Đ		
9.4	Đ		
9.5	Đ		
9.6	Đ		
9.7		CD	
9.8	Đ		
9.9	Đ		
Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính			
10.1	Đ		
10.2	Đ		
10.3	Đ		

Tổng hợp:

Kết quả đánh giá	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá
Số tiêu chí/Tổng số	55/61	6/61	0
Tỷ lệ %	90,16	9,84	0

